

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0100100512

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 12 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 23 tháng 08 năm 2017

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **VIET NAM ELECTRICAL EQUIPMENT JOINT STOCK CORPORATION**

Tên công ty viết tắt: **GELEX**

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 52, phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *024 39726245/6*

Email: *gelex@gelex.vn*

Fax: *024 39726282*

Website: *www.gelex.vn*

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: **2.668.000.000.000 đồng**

Bằng chữ: Hai nghìn sáu trăm sáu mươi tám tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: **10.000 đồng**

Tổng số cổ phần: **266.800.000**

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **NGUYỄN VĂN TUẤN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: **Tổng giám đốc**

Sinh ngày: *06/03/1984*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *035084000878*

Ngày cấp: *26/04/2016*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 45, Lô 4, Hồ Atake, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 45, Lô 4, Hồ Atake, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Thị Kim Tuyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

(Sửa đổi lần thứ 7 ngày 17 tháng 07 năm 2017)

HÀ NỘI, THÁNG 07 NĂM 2017



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Chương I. Định nghĩa và các thuật ngữ trong Điều lệ	
<i>Điều 1</i>	3
Chương II. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty	
<i>Điều 2</i>	4
Chương III. Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty	
<i>(Gồm 2 Điều: Điều 3 đến Điều 4)</i>	5
Chương IV. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	
<i>(Gồm 5 Điều: Điều 5 đến Điều 9)</i>	6
Chương V. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát	
<i>Điều 10</i>	11
Chương VI. Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông	
<i>(Gồm 13 Điều: Điều 11 đến Điều 23)</i>	11
Chương VII. Hội đồng quản trị	
<i>(Gồm 4 Điều: Điều 24 đến Điều 27)</i>	27
Chương VIII. Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và Thư ký Tổng công ty	
<i>(Gồm 4 Điều: Điều 28 đến Điều 31)</i>	39
Chương IX. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý	
<i>(Gồm 3 Điều: Điều 32 đến Điều 34)</i>	42
Chương X. Ban kiểm soát	
<i>(Gồm 2 Điều: Điều 35 đến Điều 36)</i>	45
Chương XI. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ Tổng công ty	
<i>Điều 37</i>	49
Chương XII. Tổ chức Đảng, Đoàn thể, Công nhân viên và Công đoàn	
<i>(Gồm 2 Điều: Điều 38, Điều 39)</i>	50

Chương XIII.	Phân chia lợi nhuận	
	<i>Điều 40</i>	50
Chương XIV.	Tài khoản ngân hàng, quỹ dự trữ, năm tài chính và Hệ thống kế toán	
	<i>(Gồm 3 Điều: Điều 41 đến Điều 43)</i>	51
Chương XV.	Báo cáo thường niên, trách nhiệm công bố thông tin, thông báo ra công chúng	
	<i>(Gồm 2 Điều: Điều 44 đến Điều 45)</i>	52
Chương XVI.	Kiểm toán Tổng công ty	
	<i>Điều 46</i>	53
Chương XVII.	Con dấu	
	<i>Điều 47</i>	53
Chương XVIII.	Chấm dứt hoạt động và thanh lý	
	<i>(Gồm 2 Điều: Điều 48 đến Điều 49)</i>	53
Chương XIX.	Giải quyết tranh chấp nội bộ	
	<i>Điều 50</i>	55
Chương XX.	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	
	<i>Điều 51</i>	55
Chương XXI.	Ngày hiệu lực	
	<i>Điều 52</i>	56

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam thông qua chính thức tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất ngày 28 tháng 11 năm 2010, được sửa đổi gần nhất tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 vào ngày 25 tháng 04 năm 2017 và tiếp tục được Hội đồng quản trị sửa đổi theo Nghị quyết số 32/2017/GELEX/NQ-HĐQT ngày 17/07/2017 nhằm phản ánh quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm (phù hợp với ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 21/GELEX/NQ-ĐHCD ngày 25/04/2017).

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a) "Vốn Điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán, được quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
 - b) "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c) "Ngày thành lập" là ngày Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - d) "Cán bộ quản lý" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Tổng Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
 - đ) "Người có liên quan" là các cá nhân hoặc các tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;
 - e) "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này;
 - f) "Tổng công ty" là Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam;
 - g) "Công ty con" là công ty thuộc một trong các trường hợp sau:
 - Tổng công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó; hoặc
 - Tổng công ty có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty đó; hoặc

- Tổng công ty có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.
- h) “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
- 3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
- 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên gọi:
 - Tên Tiếng Việt: **Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam**
 - Tên giao dịch quốc tế: **Viet Nam Electrical Equipment Joint Stock Corporation.**
 - Tên viết tắt: **GELEX**
2. Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty:
 - Địa chỉ: Số 52 Lê Đại Hành – Hai Bà Trưng – TP. Hà Nội.
 - Trụ sở SXKD: Số 10 Trần Nguyên Hãn – Hoàn Kiếm – TP. Hà Nội và Khu Công Nghiệp Đại Đồng – Hoàn Sơn – Tiên Du – Bắc Ninh.
 - Điện thoại: 024.39726245 - 024.39726246
 - Fax: 024.39 726 282
 - Email: info@gelex.vn; gelex@gelex.vn
 - Website: www.gelex.vn
4. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty
 - a. Tổng Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

- b. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty là cá nhân đại diện cho Tổng Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Tổng Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án.
 - c. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh ra nước ngoài thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.
 - d. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trở lại làm việc tại Tổng Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.
 - e. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.
5. Tổng công ty có thể thành lập thêm chi nhánh hoặc văn phòng đại diện, doanh nghiệp trực thuộc tại địa bàn khác để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 48 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn. Việc chấm dứt thời hạn hoạt động của Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty

1. Mục tiêu:

Tổng công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh, dịch vụ và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Tổng công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

2. Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh:

a) Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các loại thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220 kV;
- Thi công, lắp đặt công trình xây dựng, trạm biến áp đến 220 kV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với qui định của pháp luật.

b) Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các Công ty con, công ty liên kết.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.
2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ
 - Vốn điều lệ của Tổng công ty là: 2.668.000.000.000 VNĐ (Hai nghìn sáu trăm sáu mươi tám tỷ đồng chẵn)
 - Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 266.800.000 (Hai trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm nghìn) cổ phần.
 - Mệnh giá là 10.000 VNĐ (Mười nghìn đồng) một cổ phần.
 - Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
2. Tổng Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Tổng Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác và các loại cổ phần khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Cổ phần phổ thông do Tổng công ty phát hành tăng vốn Điều lệ phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng Công ty tại thời điểm phát hành trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Tổng Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị Tổng Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.
5. Tổng Công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Tổng Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.
6. Tổng công ty không có cổ đông sáng lập.
7. Trong trường hợp chào bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Tổng công ty (ESOP), chào bán cổ phần cho các cổ đông chiến lược, nhà đầu tư chiến lược, mức chiết khấu và

giá bán cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định nhưng giá bán trong mọi trường hợp không được thấp hơn mệnh giá cổ phần quy định tại khoản 1 Điều 5 Điều lệ này.

Điều 6. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng Công ty có thể được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Tổng Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Tổng Công ty.
2. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty;
 - b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
 - d) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
 - e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty (nếu có);
 - g) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
3. Trong thời hạn ba tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ số tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu cổ phần có thể được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in cổ phiếu. Quy định tại Khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Tổng Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại công ty chứng khoán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
4. Trường hợp cổ phiếu bị hỏng, bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp lại cổ phiếu mới

với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần đó và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng Công ty.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Các loại cổ phiếu, chứng chỉ và chứng khoán khác được phát hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Trường hợp cổ đông chỉ chuyển nhượng một phần số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Tổng công ty có thể phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Tổng Công ty.
5. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Tổng Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Tổng Công ty.
7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Tổng công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

8. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất của khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ đúng hạn gây ra cho Tổng Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời gian thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Tổng Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đã bị thu hồi, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi tương ứng lãi suất của ngân hàng tại thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ số tiền đó vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hay toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng Công ty:

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty;
2. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để quản trị Tổng công ty;
3. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để kiểm soát mọi hoạt động quản trị, điều hành trong Tổng công ty;
4. Tổng giám đốc Tổng công ty do Hội đồng quản trị Tổng công ty bổ nhiệm. Giúp việc Tổng giám đốc có các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc nghiệp vụ.
5. Cơ cấu tổ chức các bộ phận, phòng ban trong Tổng công ty do Tổng giám đốc quyết định sau khi được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền, hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Tổng công ty quy định; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;
 - d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán cho các chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác theo quy định của pháp luật;
 - h) Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 tháng trở lên có quyền sau:
- a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 3 Điều 24 và khoản 2 Điều 36 Điều lệ này;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra; mục đích kiểm tra;
 - e) Các quyền khác quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty và các quy chế của Tổng Công ty, chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ

xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;

3. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần đã cam kết/đăng ký mua và thực hiện các thủ tục đăng ký theo quy định;
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;
 - b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;
 - c) Khi số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định.
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập

họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.;

- e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - f) Các trường họp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại khoản 3.c Điều 13 Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại khoản 3.d và khoản 3.e Điều 13 Điều lệ này;
 - b) Trường họp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4.a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Trường họp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4.b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 3.d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

Trong trường họp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Tổng Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
 - b) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập để ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán này tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng Công ty cho năm tài chính tiếp theo;
 - h) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
- a) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và định hướng phát triển Tổng Công ty;
 - b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - d) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập để ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán này tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng Công ty cho năm tài chính tiếp theo;
 - e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
 - g) Tổng số tiền thù lao và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - h) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty;
 - i) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - j) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty;

- k) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - l) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - m) Tổng Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - n) Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - o) Tổng Công ty hoặc các chi nhánh của Tổng công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - p) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a) Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b) Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được uỷ quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
 - b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

- c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - d) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Tổng Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

- 1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần ưu đãi sẽ có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần đã phát hành loại đó biểu quyết thông qua.
- 2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17, 18, 19 và Điều 20 của Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng Công ty sẽ không bị thay đổi khi Tổng Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 4.b Điều 13 hoặc khoản 4.c Điều 13.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - f) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
 - g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp ít nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty.

Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b) Phiếu biểu quyết;
- c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

Tài liệu họp có thể thay thế bằng đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Tổng công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu. Đồng thời, Tổng Công ty phải cung cấp tài liệu theo phương thức gửi thư bảo đảm nếu có yêu cầu bằng văn bản từ phía cổ đông Tổng công ty.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng theo quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập

lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ biểu quyết không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó hoặc được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một

người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

5. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
6. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
7. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
11. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

12. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

13. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

14. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

15. Hàng năm Tổng Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này.
 3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
 4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.
 5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.
 6. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
 7. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình

tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

8. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 Điều lệ, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua mọi quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trừ vấn đề sau đây:
 - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán
 - Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty
2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.
3. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.
4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng công ty;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc mã số đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân; số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ

chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - f) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.
5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và được đóng dấu của tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở hoặc tiết lộ trước khi kiểm phiếu đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công ty.
7. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, phương thức biểu quyết kèm theo Phụ lục Danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các vấn đề đã được thông qua;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

8. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi Biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.
9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.
10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các Biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin trên website của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung Biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi Biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chương trình và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- Chữ ký xác nhận của Chủ tọa Đại hội và Thư ký.

Biên bản phải được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

Điều 23. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp;
2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ

thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị do cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông. Các cổ đông được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.
3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - b) Trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - c) Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - d) Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - e) Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
 - f) Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
 - g) Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
 - h) Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng Công ty;
 - c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
 - d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e) Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Tổng Công ty và có thể kiêm nhiệm các chức vụ quản lý của Tổng Công ty.
9. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:
- a) Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm, năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;
 - b) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức, trung thực, liêm khiết, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, có ý thức chấp hành pháp luật, không thuộc đối

tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ;
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Có đơn từ chức.
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát và chỉ đạo Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành hoạt động Tổng Công ty.
3. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng

và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;

- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính, các Giám đốc chuyên môn, Giám đốc hoặc Trưởng chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện của Tổng công ty và quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người này;
 - j) Quyết định cử/thôi/chấm dứt tư cách người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác, quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người này. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền/phân cấp/giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, các cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại điểm này;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, việc góp vốn, mua/bán cổ phần của doanh nghiệp khác. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền/phân cấp/giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, các cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại điểm này;
 - m) Quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty; ban hành các văn bản cần thiết để quản lý phần vốn đầu tư, quản lý người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại Công ty con và các doanh nghiệp khác;
 - n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - o) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Tổng công ty;
 - r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Tổng Công ty;
 - b) Thành lập các Công ty con của Tổng Công ty;
 - c) Trong phạm vi quy định tại khoản 2, Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 3, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Tổng Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);
 - d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng Công ty;
 - e) Việc định giá các tài sản góp vào Tổng Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - f) Việc Tổng công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - g) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - h) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Tổng Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
 6. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao hàng năm cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị.
 7. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng Công ty.
 8. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản

trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị và có thể có một hoặc một số Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Tổng Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - e. Làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật hiện hành.
 - f. Quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ này, quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, các quy định nội bộ khác của Tổng công ty và pháp luật có liên quan.

Trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền, Phó Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên mà Chủ tịch không thực hiện chỉ định Phó Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị thực hiện như vậy thì các thành viên Hội đồng quản trị sẽ chỉ định

một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch. Trong trường hợp cả Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đều vắng mặt hoặc tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Tổng công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp Chủ tịch từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.
5. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm các điều cấm của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo nhiệm vụ hoặc ủy quyền thường xuyên, phân cấp cho (các) Phó Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị và thực hiện các quyền hạn, trách nhiệm, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Các) Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về thực hiện các công việc được ủy quyền.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị ngay cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ:
Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường:
Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a) Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 cán bộ quản lý;

- b) Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - d) Đa số thành viên Ban kiểm soát.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3, Điều 27 Điều lệ này phải được triệu tập trong thời hạn tối đa (07) bảy ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều 27 Điều lệ này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng Công ty.
 6. Địa điểm họp:
Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng Công ty hoặc những địa chỉ khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
 7. Thông báo và chương trình họp:
Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị 05 ngày trước khi tổ chức họp. Trong trường hợp đột xuất thì thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất một ngày. Các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.
Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.
 8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.

Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết.

- a) Trừ quy định tại khoản 9.b Điều 27 Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c) Theo quy định tại khoản 9.d Điều 27 Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 4 Điều 33 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích.

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số.

Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch hội đồng quản trị.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác.

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp theo hình thức nghị sự giữa các Thành viên Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 9.a Điều này.
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

14. Nghị quyết bằng văn bản.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Biên bản họp Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó là những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng Tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ tên và chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và người ghi biên bản họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất 01 thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp.

16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

17. Giá trị pháp lý của hành động.

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Tổng Công ty ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Tổng Công ty có một Tổng giám đốc, một số Phó Tổng giám đốc, các Giám đốc chuyên môn và Kế toán trưởng. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Tổng giám đốc có trách nhiệm xây dựng bộ máy quản lý có số lượng cán bộ quản lý cần thiết phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Tổng công ty. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích khác của Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các Giám đốc chuyên môn Tổng công ty sẽ do

Hội đồng quản trị quyết định, của những cán bộ quản lý khác sẽ do Tổng giám đốc quyết định.

Điều 30. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.

1. Bổ nhiệm

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc, trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác. Thông tin về mức lương, phụ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Tổng Công ty.

2. Nhiệm kỳ.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 năm trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định bãi nhiệm theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

3. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc:

Tổng giám đốc Tổng Công ty phải là người có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ.

Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Tổng công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.
5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
6. Bãi nhiệm.

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới.

Điều 31. Thư ký Tổng công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một hoặc nhiều người làm Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý, Thư ký Tổng công ty tùy từng thời điểm.

1. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Tổng công ty bao gồm:
 - a) Hỗ trợ triệu tập, chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và ghi chép biên bản họp;
 - b) Tham dự các cuộc họp và lập biên bản các cuộc họp;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - e) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - f) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - g) Hỗ trợ Tổng Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - h) Hỗ trợ Tổng Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 32. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Tổng công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và những người có liên quan của họ, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
4. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

- a) Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
- i) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;
 - ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - iii) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.
- b) Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- c) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Điểm b Khoản này. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 51% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.
- d) Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản này, gây thiệt hại cho Tổng công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hay những người có liên quan của họ không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường.

Tổng công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Tổng công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Tổng công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của Tổng Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Tổng Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Tổng Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Tổng Công ty được Tổng Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty;
- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ban kiểm soát

1. Tổng công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và quy định của Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty;
 - b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty;
 - e) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này;
 - f) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;
 - g) Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

- h) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
 - i) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - j) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty;
 - k) Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - l) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - m) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Tổng Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu mỗi quý một lần và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 2/3 số thành viên.
4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm

toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo Tài chính của Tổng công ty.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan tới các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Tổng công ty.

Ban kiểm soát bầu một trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.
- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - b) Trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - c) Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - d) Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - e) Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế đã được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến thành đề cử.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

4. Ban kiểm soát có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Ban kiểm soát để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
5. Tiêu chuẩn của thành viên Ban Kiểm soát.
 - a) Từ 21 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Tổng Công ty. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết là cổ đông hoặc là người lao động của Tổng Công ty;
 - c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý khác của Tổng công ty.
6. Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính Tổng Công ty;
 - c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
 - d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

7. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát
- a. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;
 - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- b. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ;
 - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Tổng công ty các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó Tổng công ty. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc Tổng công ty và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ khác của Tổng công ty vì mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin phải được bảo mật.
3. Tổng Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách

kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở đăng ký của Tổng Công ty .

4. Điều lệ Tổng Công ty phải được công bố trên website của Tổng Công ty.

CHƯƠNG XII. TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 38. Tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam và Đoàn thể trong doanh nghiệp.

Tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam và Đoàn thể trong doanh nghiệp hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ tổ chức.

Điều 39. Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động trong Tổng công ty. Mọi quan hệ của Tổng Công ty với tổ chức Công đoàn phù hợp với các quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 40. Phân phối lợi nhuận

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Tổng Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định trả cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng Công ty.
3. Tổng Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông không nhận được tiền, Tổng Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức có thể tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 41. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng Công ty mở tài khoản tại một hoặc một số ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật Việt Nam.
3. Tổng Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng Công ty mở tài khoản.

Điều 42. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

Điều 43. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Tổng công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

2. Tổng Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Tổng công ty tham gia. Những hồ sơ này chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.
3. Tổng Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 44. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Tổng Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật. Báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật hiện hành
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Tổng Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Tổng Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng, hàng quý và báo cáo hàng năm theo các quy định của pháp luật hiện hành.
4. Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán bao gồm ý kiến của kiểm toán viên, báo cáo sáu tháng, hàng quý và báo cáo hàng năm của Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.
6. Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 45. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính quý, sáu tháng, hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác được công bố ra công chúng theo những quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 46. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán độc lập này để tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo.
2. Tổng công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Tổng Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Tổng Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 47. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Tổng Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 48. Chấm dứt hoạt động

1. Tổng Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b) Toà án tuyên bố Tổng Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Tổng Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 49. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng sau khi có một quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (3) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Tổng Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c) Thuế và các khoản nộp mà Tổng công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d) Các khoản vay (nếu có);
 - e) Các khoản nợ khác của Tổng Công ty;
 - f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Khoản 3.a đến 3.e trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a) Cổ đông với Tổng Công ty; hoặc
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý .
2. Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 90 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
3. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 6 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà kinh tế Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội.
4. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều

khoản trong Điều lệ này hoặc có những quy định tại Điều lệ này trái với những quy định pháp luật hiện hành liên quan thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

CHƯƠNG XXI. HIỆU LỰC

Điều 52. Hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương, 52 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này tại cuộc họp ngày 25 tháng 04 năm 2017 và được Hội đồng quản trị sửa đổi theo Nghị quyết số 32/2017/GELEX/NQ-HĐQT ngày 17/07/2017 nhằm phản ánh quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm (phù hợp với ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 21/GELEX/NQ-ĐHCD ngày 25/04/2017)..
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 số thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY**



Nguyễn Văn Tuấn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

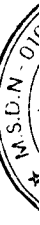
(đã được kiểm toán)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-43
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-43



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên
Ông Phạm Mạnh Hà	Thành viên
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

Số: 104/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 27 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.144.269.067.995	966.394.793.356
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	121.223.651.001	328.491.195.250
111	1. Tiền		81.223.651.001	158.485.086.006
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	170.006.109.244
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	345.000.000.000	147.661.751.062
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		345.000.000.000	147.661.751.062
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		523.194.428.297	411.373.525.949
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	361.641.437.848	266.910.356.785
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		12.900.612.693	13.033.548.054
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	137.885.120.000	133.620.470.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	18.431.917.350	5.043.127.630
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.680.743.874)	(7.250.060.800)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		16.084.280	16.084.280
140	IV. Hàng tồn kho	9	144.613.856.313	78.759.122.848
141	1. Hàng tồn kho		144.613.856.313	78.759.122.848
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.237.132.384	109.198.247
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		10.227.499.434	99.565.297
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	9.632.950	9.632.950
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.208.201.957.221	1.142.044.024.226
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	66.048.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	-	66.048.000
220	II. Tài sản cố định		469.522.667.273	132.075.661.062
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	469.522.667.273	132.062.327.738
222	- Nguyên giá		694.910.567.055	325.154.314.764
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(225.387.899.782)	(193.091.987.026)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	13.333.324
228	- Nguyên giá		60.000.000	60.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(60.000.000)	(46.666.676)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	24.885.835.408	301.443.683.009
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		24.885.835.408	301.443.683.009
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	682.050.850.059	687.008.177.059
251	1. Đầu tư vào công ty con		492.960.564.527	595.712.034.099
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		189.090.285.532	91.296.142.960
260	VI. Tài sản dài hạn khác		31.742.604.481	21.450.455.096
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	31.742.604.481	21.450.455.096
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.352.471.025.216	2.108.438.817.582

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		397.423.826.482	437.148.720.020
310	I. Nợ ngắn hạn		309.698.414.276	379.111.046.095
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	212.733.705.406	203.571.131.270
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		626.980.260	3.224.788.793
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	4.850.479.995	24.031.264.051
314	4. Phải trả người lao động		34.954.535.859	30.130.004.009
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		351.500.000	388.000.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	1.367.584.028	40.819.935.591
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	39.007.134.093	59.521.289.746
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		15.806.494.635	17.424.632.635
330	II. Nợ dài hạn		87.725.412.206	58.037.673.925
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	15	36.865.162.057	9.945.550.193
337	2. Phải trả dài hạn khác	16	6.200.875.882	4.697.579.662
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	17	35.489.024.271	34.139.544.070
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		9.170.349.996	9.255.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.955.047.198.734	1.671.290.097.562
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1.952.510.962.625	1.670.036.521.349
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		66.378.000.000	-
415	3. Cổ phiếu quỹ		(5.025.000.000)	(5.025.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		62.000.000.000	32.500.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		279.157.962.625	242.561.521.349
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		29.506.521.349	11.528.471.970
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		249.651.441.276	231.033.049.379
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		2.536.236.109	1.253.576.213
431	1. Nguồn kinh phí		-	(1.437.626.564)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		2.536.236.109	2.691.202.777
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.352.471.025.216	2.108.438.817.582

(Signature)

(Signature)



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.357.283.426.331	1.283.672.651.858
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	7.207.354.930	8.151.897.005
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.350.076.071.401	1.275.520.754.853
11	4. Giá vốn hàng bán	22	1.139.357.295.319	1.045.163.800.334
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		210.718.776.082	230.356.954.519
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	156.149.387.465	152.197.783.442
22	7. Chi phí tài chính	24	971.650.284	(13.858.669.689)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		556.154.000	194.258.129
25	8. Chi phí bán hàng	25	20.559.666.575	33.191.081.912
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	62.162.978.295	55.271.429.545
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		283.173.868.393	307.950.896.193
31	11. Thu nhập khác		296.526.042	4.250.604.698
32	12. Chi phí khác		319.553.766	40.716.704.426
40	13. Lợi nhuận khác		(23.027.724)	(36.466.099.728)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		283.150.840.669	271.484.796.465
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	33.499.399.393	40.451.747.086
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>249.651.441.276</u>	<u>231.033.049.379</u>

[Signature]

T. Anh



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.373.904.857.936	1.429.704.726.236
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.275.222.922.093)	(1.167.105.470.075)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(70.165.531.528)	(59.500.110.584)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(556.154.000)	(194.258.129)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(52.949.143.879)	(28.979.831.009)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		31.146.116.656	12.009.489.169
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(114.598.969.944)	(71.620.794.395)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(108.441.746.852)	114.313.751.213
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(95.370.629.264)	(56.481.682.118)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	4.442.283.547
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(277.482.014.011)	(42.661.479.020)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		75.879.115.073	100.000.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	73.517.183.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		149.704.055.431	155.867.488.911
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(147.269.472.771)	234.683.794.320
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		216.510.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		39.170.470.231	14.953.211.660
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(39.170.470.231)	(14.953.211.660)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(168.077.890.000)	(166.620.730.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		48.432.110.000	(166.620.730.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(207.279.109.623)	182.376.815.533
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		328.491.195.250	146.112.536.235
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		11.565.374	1.843.482
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>121.223.651.001</u>	<u>328.491.195.250</u>

[Handwritten signature]

T. Anh



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 1.550.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.550.000.000.000 đồng; tương đương 155.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thiết kế chế tạo, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thiết bị đo điện mang thương hiệu GELEX-EMIC như: Công tơ điện 1 pha, 3 pha cơ khí; Công tơ điện tử thông minh 1 pha, 3 pha đa chức năng; Máy biến dòng điện, máy biến điện áp đo lường trung thế, hạ thế và các thiết bị đo điện điện tử khác. Kinh doanh dịch vụ khách sạn.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Khách sạn Bình Minh - Hà Nội	Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
Cơ sở sản xuất tại KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh	Hà Nội	Sản xuất kinh doanh thiết bị điện

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Tổng Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 34.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc gồm Cơ sở Sản xuất tại Khu công nghiệp Tiên Du Bắc Ninh và Khách sạn Bình Minh Hà Nội.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Tổng Công ty.

01111
CÔNG
CH NHIỆM
NG KIẾ
AA
AN KIẾ

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hoá kể từ khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng Công ty áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành hàng hóa 5% trên giá trị hợp đồng căn cứ theo các điều khoản hợp đồng cụ thể.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông tán thành thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty .

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng có liên quan.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	709.824.907	1.258.930.321
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	80.513.826.094	157.226.155.685
Các khoản tương đương tiền (*)	40.000.000.000	170.006.109.244
	<u>121.223.651.001</u>	<u>328.491.195.250</u>

(*) Tại 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND		VND
Đầu tư ngắn hạn	345.000.000.000	345.000.000.000	147.661.751.062	147.661.751.062
- Tiền gửi có kỳ hạn	345.000.000.000	345.000.000.000	147.661.751.062	147.661.751.062
	<u>345.000.000.000</u>	<u>345.000.000.000</u>	<u>147.661.751.062</u>	<u>147.661.751.062</u>

Tại thời điểm 31/12/2015, các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà NộiBảo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào Công ty con	492.960.564.527	492.960.564.527	-	595.712.034.099
- Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	220.957.490.174	220.957.490.174	-	220.957.490.174
- Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	214.009.733.181	214.009.733.181	-	214.009.733.181
- Công ty CP Khí cụ điện 1	30.128.906.768	30.128.906.768	-	30.128.906.768
- Công ty GELEX Cambodia (tên cũ Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam Cambodia) (1)	531.150.000	531.150.000	-	5.488.477.000
- Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương (2)	27.333.284.404	27.333.284.404	-	27.333.284.404
- Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC (3)	-	-	-	5.332.103.750
- Công ty CP Thiết bị điện (4)	-	-	-	92.462.038.822
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	189.090.285.532	189.090.285.532	-	91.296.142.960
- Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	16.777.167.627	16.777.167.627	-	16.777.167.627
- Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	5.233.587.356	5.233.587.356	-	5.233.587.356
- Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC (3)	5.332.103.750	5.332.103.750	-	-
- Công ty CP Thiết bị điện (4)	92.462.038.822	92.462.038.822	-	-
- Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	69.285.387.977	69.285.387.977	-	69.285.387.977
Tổng cộng	682.050.850.059	682.050.850.059	-	687.008.177.059

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	65,006%	65,006%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	TP. Hà Nội	65,84%	65,84%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Khí cụ điện 1	TP. Hà Nội	51,03%	51,03%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty GELEX Cambodia (tên cũ Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam Cambodia)	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	51,25%	51,25%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm

(1) Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty GELEX Cambodia:

Trong năm Công ty GELEX Cambodia thay đổi Giấy phép đầu tư ra nước ngoài số 754/BKHĐT-ĐTRNN với số vốn điều lệ 25.000 USD, thấp hơn vốn đầu tư ban đầu của Tổng Công ty là 239.500 USD.

(2) Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương:

Trong năm Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 27.586.800.000 đồng lên 35.000.000.000 đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 65,02% xuống 51,25%.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	43,44%	43,44%	Sản xuất, chế tạo, kinh
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc

(3) Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC

Trong kỳ Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT) hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51,00% xuống 25,50%.

(4) Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thiết bị điện:

Trong năm Công ty Cổ phần Thiết bị điện hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 65,16% xuống 43,44%.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 33.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Tổng công ty Điện lực Miền Nam TNHH	67.408.349.632	21.728.451.352
- Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	112.572.718.644	21.557.796.014
- Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	78.030.669	74.617.874.069
- Các khoản phải thu khách hàng khác	181.582.338.903	149.006.235.350
	<u>361.641.437.848</u>	<u>266.910.356.785</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.	<u>170.693.555.649</u>	<u>68.679.785.234</u>

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	95.000.000.000	95.000.000.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	16.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Khí cụ điện 1	-	5.735.350.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	4.500.000.000	4.500.000.000
	<u>137.885.120.000</u>	<u>133.620.470.000</u>

Số dư phản ánh các khoản cho vay từ 03 tháng đến 12 tháng với lãi suất cho vay bằng 6%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.319.317.210	-	1.369.210.007	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	7.773.881	-
- Tạm ứng	801.695.136	-	2.403.780.121	-
- Ký cược, ký quỹ	22.470.000	-	22.470.000	-
- Phải thu Trung tâm hỗ trợ đầu tư và Phát triển khu công nghiệp Bắc Ninh về kinh phí xây dựng hạ tầng	10.000.000	-	1.000.000.000	-
- Tiền mua thêm cổ phần Công ty Cổ phần khí cụ điện 1	6.123.660.000	-	-	-
- Phải thu Công ty GELEX Cambodia	4.957.327.000	-	-	-
- Tạm ứng tiền thưởng HĐQT, ban điều hành đợt 1 năm 2015	1.100.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	97.448.004	-	239.893.621	-
	18.431.917.350	-	5.043.127.630	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	-	-	66.048.000	-
	-	-	66.048.000	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng Công ty Điện lực Hà Nội	380.760.781	380.760.781	380.760.781	380.760.781
Công ty CP Vật tư vận tải xây lắp điện lực Miền Trung	109.774.466	109.774.466	109.774.466	109.774.466
Các khoản khác	15.805.364.809	15.805.364.809	13.551.004.712	13.551.004.712
	16.295.900.056	16.295.900.056	14.041.539.959	14.041.539.959

Tổng Công ty xác định các khoản nợ xấu đều có khả năng thu hồi do Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện cung cấp sản phẩm, hàng hóa cho các đối tác.

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	61.000.123.485	-	18.206.616.003	-
Công cụ, dụng cụ	824.160.806	-	2.637.759.111	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.056.533.174	-	5.311.230.912	-
Thành phẩm	77.733.038.848	-	52.603.516.822	-
	144.613.856.313	-	78.759.122.848	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	24.806.235.408	301.443.683.009
- Văn phòng - Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội	4.138.214.910	4.138.214.910
- Trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành, Hà Nội	4.526.282.862	297.305.468.099
- Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất (*)	16.141.737.636	-
Mua sắm tài sản cố định	79.600.000	-
	24.885.835.408	301.443.683.009

(*) Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất được Tổng Công ty thực hiện từ quý IV năm 2014 và dự kiến hoàn thành đầu năm 2016 với tổng dự toán 29,28 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	191.329.812.564	122.591.377.205	9.434.918.586	1.798.206.409	325.154.314.764					
- Mua trong năm	-	38.336.319.258	8.908.480.000	-	47.244.799.258					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (*)	229.468.916.333	10.231.003.923	-	82.811.532.777	322.511.453.033					
Số dư cuối năm	420.798.728.897	171.158.700.386	18.343.398.586	84.609.739.186	694.910.567.055					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	105.369.999.296	78.692.265.424	7.459.773.771	1.569.948.535	193.091.987.026					
- Khấu hao trong năm	13.732.764.405	11.809.896.231	1.306.011.755	5.447.240.365	32.295.912.756					
Số dư cuối năm	119.102.763.701	90.502.161.655	8.765.785.526	7.017.188.900	225.387.899.782					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	85.959.813.268	43.899.111.781	1.975.144.815	228.257.874	132.062.327.738					
Tại ngày cuối năm	301.695.965.196	80.656.538.731	9.577.613.060	77.592.550.286	469.522.667.273					

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 106.764.758.984 đồng

(*) Tòa nhà Trụ sở Văn phòng Tổng Công ty tại số 52 Lê Đại Hành đang được Tổng Công ty tạm ghi nhận nguyên giá dựa trên phần lớn chi phí xây dựng cơ bản thực tế đã phát sinh với tổng giá trị 322.511.453.033 đồng. Khấu hao tạm trích trong năm đồng thời là khấu hao lũy kế đến 31/12/2015 là 8.904.823.020 đồng. Khi Báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành được duyệt, Tổng Công ty sẽ điều chỉnh lại giá tạm tính căn cứ theo giá trị tài sản được duyệt.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	8.034.397.930	792.317.839
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.765.980.114	261.480.084
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	13.276.448.872	12.001.250.757
Chi phí thuê đất	7.589.145.708	7.786.080.672
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.076.631.857	609.325.744
	<u>31.742.604.481</u>	<u>21.450.455.096</u>

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	24.860.000.000	24.860.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Lạc Hồng	28.126.311.000	28.126.311.000	16.924.041.522	16.924.041.522
Công ty Cổ phần Dây đồng CFT	75.512.559.134	75.512.559.134	110.165.974.693	110.165.974.693
Công ty Cổ phần Kim loại màu và nhựa Đồng Việt	37.372.908.100	37.372.908.100	-	-
Phải trả các đối tượng khác	46.861.927.172	46.861.927.172	76.481.115.055	76.481.115.055
	<u>212.733.705.406</u>	<u>212.733.705.406</u>	<u>203.571.131.270</u>	<u>203.571.131.270</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.	<u>118.360.415.492</u>	<u>118.360.415.492</u>	<u>118.793.714.058</u>	<u>118.793.714.058</u>

100
C
RACH M
ANG
A
DANK

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	9.632.950	-	18.324.248.538	18.324.248.538	18.324.248.538	-	9.632.950	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	366.495.136	366.495.136	366.495.136	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	23.726.493.271	33.722.050.001	52.949.143.879	52.949.143.879	-	-	-	-	-	-	4.499.399.393
Thuế Thu nhập cá nhân	-	231.457.860	2.981.175.004	2.861.552.262	2.861.552.262	-	-	-	-	-	-	351.080.602
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	73.312.920	7.089.121.735	7.162.434.655	7.162.434.655	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	5.000.000	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	8.445.844	8.445.844	8.445.844	-	-	-	-	-	-	-
	9.632.950	24.031.264.051	62.496.536.258	81.677.320.314	81.677.320.314	9.632.950	4.850.479.995					

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	1.367.584.028	808.512.991
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	40.011.422.600
	1.367.584.028	40.819.935.591
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	36.865.162.057	9.945.550.193
	36.865.162.057	9.945.550.193

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	1.351.187.456	909.187.198
- Bảo hiểm xã hội	45.237.672	-
- Thuế TNCN thu thừa của cán bộ công nhân viên	619.069.521	671.294.967
- Phải trả Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	-	36.964.348.246
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	83.532.600	57.982.600
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	130.320.000	808.210.000
- Đặt cọc thực hiện dự án Trụ sở số 10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Emic	16.699.815.109	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	77.971.735	110.266.735
	39.007.134.093	59.521.289.746
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.200.875.882	4.697.579.662
	6.200.875.882	4.697.579.662

17 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	35.489.024.271	34.139.544.070
	35.489.024.271	34.139.544.070

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.400.000.000.000	-	-	(5.025.000.000)	4.000.000.000	223.528.471.970	1.622.503.471.970					
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	231.033.049.379	231.033.049.379					
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	28.500.000.000	(212.000.000.000)	(183.500.000.000)					
Số dư cuối năm trước	1.400.000.000.000	-	-	(5.025.000.000)	32.500.000.000	242.561.521.349	1.670.036.521.349					
Số dư đầu năm nay	1.400.000.000.000	-	-	(5.025.000.000)	32.500.000.000	242.561.521.349	1.670.036.521.349					
Tăng vốn trong năm (*)	150.000.000.000	66.378.000.000	-	-	-	-	216.378.000.000					
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	249.651.441.276					
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	29.500.000.000	(213.055.000.000)	(183.555.000.000)					
Số dư cuối năm này	1.550.000.000.000	66.378.000.000	-	(5.025.000.000)	62.000.000.000	279.157.962.625	1.952.510.962.625					

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 04/TBĐVN/NQ-ĐHCD ngày 24 tháng 04 năm 2015, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ		Số tiền	
	%	VND	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	231.033.049.379		
Trích Quỹ đầu tư phát triển	12,77%	29.500.000.000		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6,49%	15.000.000.000		
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ)	72,46%	167.400.000.000		
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	0,50%	1.155.000.000		
Lợi nhuận chưa phân phối	7,78%	17.978.049.379		

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn thành thủ tục tăng vốn theo phương thức chào bán cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt với tổng số cổ phiếu chào bán thành công là 15.000.000 cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị theo mệnh giá là 1.500.000.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của Nhà nước	0,00%	-	87,17%	1.220.448.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	9,68%	150.000.000.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	90,00%	1.395.000.000.000	12,47%	174.552.000.000
Cổ phiếu quỹ	0,32%	5.000.000.000	0,36%	5.000.000.000
	100%	1.550.000.000.000	100%	1.400.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	150.000.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	155.000.000	140.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	155.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	500.000	500.000
- Cổ phiếu phổ thông	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	154.500.000	139.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	154.500.000	139.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ Tổng công ty

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	62.000.000.000	32.500.000.000
	62.000.000.000	32.500.000.000

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	01/01/2015
- Đồng đô la Mỹ (USD)	18.692,00	127.048,24
- Đồng Yên Nhật (JPY)	33.000,00	33.000,00

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	702.585.145.135	654.609.145.254
Doanh thu bán hàng hóa	608.198.717.170	596.436.045.751
Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.499.564.026	32.627.460.853
	1.357.283.426.331	1.283.672.651.858
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.)	681.156.221.089	652.911.280.516

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	7.207.354.930	8.151.897.005
	7.207.354.930	8.151.897.005

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	507.147.637.089	438.636.109.661
Giá vốn của hàng hóa đã bán	602.330.231.691	589.205.997.166
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	29.879.426.539	17.321.693.507
	1.139.357.295.319	1.045.163.800.334

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	23.504.403.723	26.978.035.178
Lãi bán các khoản đầu tư	-	595.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	130.149.758.911	124.450.799.773
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	936.650.066	171.074.430
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.558.574.765	2.874.061
	156.149.387.465	152.197.783.442

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	556.154.000	194.258.129
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	1.713.573.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	415.496.284	571.284.203
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.030.579
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	(16.609.555.800)
Chi phí tài chính khác	-	270.740.000
	971.650.284	(13.858.669.689)

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.980.426.567	14.251.134.052
Chi phí nhân công	1.367.984.102	975.690.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.735.227.046	13.372.150.477
Chi phí khác bằng tiền	4.103.128.598	2.351.985.930
Chi phí bảo hành	1.372.900.262	2.240.120.957
	20.559.666.575	33.191.081.912

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.534.340.155	2.128.137.241
Chi phí nhân công	24.056.183.457	21.353.437.286
Chi phí khấu hao tài sản cố định	972.630.390	1.862.719.837
Thuế, phí, lệ phí	7.094.121.735	5.932.796.201
Chi phí dự phòng	6.001.385.210	6.146.690.625
- Trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	-	4.000.000.000
- Trích quỹ dự phòng tiền lương	5.570.702.136	6.320.587.755
- Trích dự phòng/hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	430.683.074	(4.173.897.130)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.105.492.580	7.638.151.675
Chi phí khác bằng tiền	10.398.824.768	10.209.496.680
	62.162.978.295	55.271.429.545

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	283.150.840.669	271.484.796.465
Các khoản điều chỉnh tăng	1.450.715.900	38.170.727.727
- Chi phí không hợp lệ	1.450.715.900	38.170.727.727
Các khoản điều chỉnh giảm	(132.331.559.328)	(124.743.717.327)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(130.149.758.911)	(124.450.799.773)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(1.641.800.417)	-
- Chi phí quản lý năm 2014 đã tính thuế TNDN	(540.000.000)	-
- Các khoản nộp theo biên bản thanh tra thuế	-	(292.917.554)
Thu nhập tính thuế TNDN	152.269.997.241	184.911.806.865
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	33.499.399.393	40.680.597.510
Chi phí thuế TNDN điều chỉnh giảm của năm 2013	-	(228.850.424)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33.499.399.393	40.451.747.086
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN hiện hành năm nay	222.650.608	156.733.646
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	23.726.493.271	12.097.843.548
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(52.949.143.879)	(28.979.831.009)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	4.499.399.393	23.726.493.271

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	466.375.144.122	384.128.329.377
Chi phí nhân công	79.384.858.195	74.046.192.496
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.069.629.408	25.403.624.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.838.941.307	27.081.318.263
Chi phí khác bằng tiền	30.262.682.550	27.614.158.901
	645.931.255.582	538.273.624.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.223.651.001	-	328.491.195.250	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	380.073.355.198	(7.680.743.874)	272.019.532.415	(7.250.060.800)
Các khoản cho vay	482.885.120.000	-	281.282.221.062	-
	984.182.126.199	(7.680.743.874)	881.792.948.727	(7.250.060.800)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	257.941.715.381	267.790.000.678
Chi phí phải trả	351.500.000	388.000.000
	258.293.215.381	268.178.000.678

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.223.651.001	-	-	121.223.651.001
Phải thu khách hàng, phải thu khác	372.392.611.324	-	-	372.392.611.324
Các khoản cho vay	482.885.120.000	-	-	482.885.120.000
	<u>976.501.382.325</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>976.501.382.325</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	328.491.195.250	-	-	328.491.195.250
Phải thu khách hàng, phải thu khác	264.703.423.615	66.048.000	-	264.769.471.615
Các khoản cho vay	281.282.221.062	-	-	281.282.221.062
	<u>874.476.839.927</u>	<u>66.048.000</u>	<u>-</u>	<u>874.542.887.927</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	251.740.839.499	6.200.875.882	-	257.941.715.381
Chi phí phải trả	351.500.000	-	-	351.500.000
	<u>252.092.339.499</u>	<u>6.200.875.882</u>	<u>-</u>	<u>258.293.215.381</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	263.092.421.016	4.697.579.662	-	267.790.000.678
Chi phí phải trả	388.000.000	-	-	388.000.000
	<u>263.480.421.016</u>	<u>4.697.579.662</u>	<u>-</u>	<u>268.178.000.678</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . THÔNG TIN KHÁC

Tháng 10 năm 2015, cổ phiếu của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam chính thức giao dịch trên Sàn chứng khoán UPCOM - Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán: GEX. Tháng 12 năm 2015, Cổ đông Nhà nước (Bộ Công Thương) đã thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Tổng công ty.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất VND	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng các bộ phần VND	Loại trừ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	702.452.685.135	601.123.822.240	46.499.564.026	1.350.076.071.401	-	1.350.076.071.401
Chi phí bộ phận trực tiếp	507.147.637.089	602.330.231.691	29.879.426.539	1.139.357.295.319	-	1.139.357.295.319
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	195.305.048.046	(1.206.409.451)	16.620.137.487	210.718.776.082	-	210.718.776.082
Tổng chi phí mua TSCĐ	48.491.689.477	41.496.758.917	3.209.956.296	93.198.404.690	-	93.198.404.690
Tài sản bộ phận	545.217.987.932	466.570.244.225	36.091.254.649	1.047.879.486.806	-	1.047.879.486.806
Tài sản không phân bổ	-	-	-	1.304.591.538.410	-	1.304.591.538.410
Tổng tài sản	545.217.987.932	466.570.244.225	36.091.254.649	2.352.471.025.216	-	2.352.471.025.216
Nợ phải trả bộ phận	196.034.054.939	167.756.124.915	12.976.671.998	376.766.851.852	-	376.766.851.852
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	20.656.974.630	-	20.656.974.630
Tổng nợ phải trả	196.034.054.939	167.756.124.915	12.976.671.998	397.423.826.482	-	397.423.826.482

Theo khu vực địa lý

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu		681.156.221.089	652.911.280.516
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	570.920.260.544	568.343.486.184
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	12.520.597.680	18.661.045.750
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	8.697.244.120	6.071.904.320
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	58.587.141.625	42.222.892.357
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	2.369.314.500	3.084.846.000
Công ty GELEX Cambodia (tên cũ Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam Cambodia)	Công ty con	24.751.354.967	12.130.164.443
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	512.885.920	-
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	2.325.494.500	1.936.141.500
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	471.927.233	460.799.962
Mua hàng		694.856.476.333	598.031.502.753
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	3.133.644.387	3.848.145.349
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	-	32.748.000
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	110.423.793.474	422.308.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	124.141.279.511	68.869.011.594
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	4.999.200	16.999.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	4.205.140.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	452.947.619.761	524.842.290.810
Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai	(*)	22.600.000.000	-
Cho vay vốn		10.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	10.000.000.000	6.000.000.000
Thu hồi vốn cho vay		5.735.350.000	-
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	5.735.350.000	-
Lãi cho vay vốn		8.025.124.225	8.562.124.156
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	5.700.000.000	5.937.500.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	458.333.333	282.833.333
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	253.683.692	432.415.267
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	-	229.055.556
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	743.107.200	774.070.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	600.000.000	625.000.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	270.000.000	281.250.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Cổ tức lợi nhuận được chia		130.149.758.911	124.450.799.773
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	56.165.472.000	56.165.472.000
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	19.548.160.000	19.548.160.000
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	29.720.250.000	29.720.250.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	765.000.000	816.000.000
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	3.470.080.000	3.470.080.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	3.049.388.600	2.092.717.667
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	1.490.700.000	2.086.980.000
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	15.940.708.311	10.101.140.106
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	-	450.000.000
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:			
	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		170.693.555.649	68.679.785.234
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	112.574.675.940	21.557.796.014
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	934.193.084	2.001.574.300
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	1.362.619.291	1.565.800.720
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	18.326.134.743	15.094.288.769
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	326.845.200	756.079.500
Công ty GELEX Cambodia (tên cũ Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam Cambodia)	Công ty con	33.308.028.708	24.502.388.331
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	101.157.133	-
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	3.759.901.550	3.201.857.600
Phải trả người bán ngắn hạn		118.360.415.492	118.793.714.058
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	6.250.527.015	2.803.518.189
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	-	36.022.800
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	11.629.809.343	-
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	-	5.788.198.376
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	107.520.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	75.512.559.134	110.165.974.693
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	(*)	24.860.000.000	-
Phải thu vốn cho vay		137.885.120.000	133.620.470.000
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	95.000.000.000	95.000.000.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	16.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	-	5.735.350.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	12.385.120.000	12.385.120.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

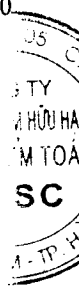
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		VND	VND
Phải thu lãi cho vay		5.045.706.096	1.349.765.563
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	2.850.000.000	-
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	278.333.333	175.500.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	1.917.372.763	1.174.265.563
Ứng trước tiền hàng		5.813.037.664	5.788.198.376
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	5.735.060.102	5.788.198.376
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	77.977.562	-
Phải thu khác		11.081.987.000	130.586.149
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	129.586.149
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	1.000.000	1.000.000
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	6.123.660.000	-
Công ty GELEX Cambodia (tên cũ Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam Cambodia)	Công ty con	4.957.327.000	-
Phải trả khác		16.699.815.109	-
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	16.699.815.109	-

(*) Đây là các công ty con mà Tổng Công ty sở hữu gián tiếp thông qua các công ty con khác.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4.321.100.000	4.310.500.000



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chi tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
121	1. Đầu tư ngắn hạn	281.282.221.062	123	3. Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	147.661.751.062	(281.282.221.062)
131	1. Phải thu khách hàng	266.910.356.785	135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	133.620.470.000	147.661.751.062
132	2. Trả trước cho người bán	13.033.548.054	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	266.910.356.785	133.620.470.000
135	5. Các khoản phải thu khác	2.616.877.509	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	13.033.548.054	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	2.442.334.401	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	5.043.127.630	2.426.250.121
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.250.060.800)	139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	16.084.280	16.084.280
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9.632.950	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(2.442.334.401)
218	4. Phải thu dài hạn khác	-	137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.250.060.800)	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	66.048.000	153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9.632.950	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	301.443.683.009	216	6. Phải thu dài hạn khác	66.048.000	66.048.000
			268	4. Tài sản dài hạn khác	-	(66.048.000)
			242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	301.443.683.009	(301.443.683.009)
						301.443.683.009



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

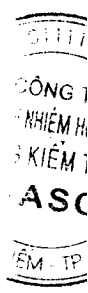
Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

34 SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
312	2. Phải trả người bán	203.571.131.270	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	203.571.131.270	-
313	3. Người mua trả tiền trước	3.224.788.793	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.224.788.793	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	24.031.264.051	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	24.031.264.051	-
315	5. Phải trả người lao động	30.130.004.009	314	5. Phải trả người lao động	30.130.004.009	-
316	6. Chi phí phải trả	388.000.000	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	388.000.000	-
			318	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	40.819.935.591	40.819.935.591
338	8. Doanh thu chưa thực hiện	50.765.485.784	336	12. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	9.945.550.193	(40.819.935.591)
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	59.521.289.746	319	10. Phải trả ngắn hạn khác	59.521.289.746	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17.424.632.635	322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17.424.632.635	-
333	3. Phải trả dài hạn khác	4.697.579.662	337	6. Phải trả dài hạn khác	4.697.579.662	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn	34.139.544.070	342	11. Dự phòng phải trả dài hạn	34.139.544.070	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	9.255.000.000	343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	9.255.000.000	-
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	-
			411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1.400.000.000.000	-
414	4. Cổ phiếu quỹ	(5.025.000.000)	415	5. Cổ phiếu quỹ	(5.025.000.000)	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	22.000.000.000	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	32.500.000.000	10.500.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	10.500.000.000			(10.500.000.000)	
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	242.561.521.349	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	242.561.521.349	-
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	11.528.471.970	-
			421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	231.033.049.379	-
432	1. Nguồn kinh phí	(1.437.626.564)	431	1. Nguồn kinh phí	(1.437.626.564)	-
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	2.691.202.777	432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	2.691.202.777	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

34 SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mã số Tên khoản mục Số tiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

24 8. Chi phí bán hàng
25 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

33.191.081.912
55.271.429.545

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số Tên khoản mục Số tiền Thay đổi

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

25 8. Chi phí bán hàng
26 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

33.191.081.912
55.271.429.545



Đoàn Thị Lan Phương

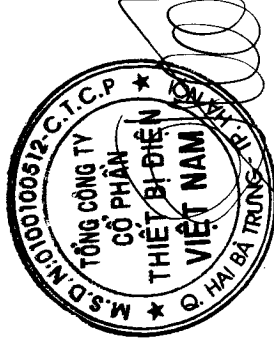
Người lập

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016



Phạm Tuấn Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiếu
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-51
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12-51

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên
Ông Phạm Mạnh Hà	Thành viên
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Số: 255/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 25 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biển

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.098.121.929.560	3.466.217.585.478
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	518.493.494.834	770.927.664.834
111	1. Tiền		337.190.219.960	340.160.278.936
112	2. Các khoản tương đương tiền		181.303.274.874	430.767.385.898
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	448.433.560.889	271.325.737.173
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		448.433.560.889	271.325.737.173
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.006.793.864.550	1.022.896.544.181
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	964.049.114.852	914.121.519.657
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		42.533.295.302	57.343.228.502
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	33.193.522.700	16.885.120.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	12.644.761.572	85.899.512.244
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(46.632.565.353)	(51.629.924.031)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		1.005.735.477	277.087.809
140	IV. Hàng tồn kho	9	1.089.029.229.696	1.378.861.337.210
141	1. Hàng tồn kho		1.094.473.019.541	1.387.600.833.410
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.443.789.845)	(8.739.496.200)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		35.371.779.591	22.206.302.080
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.406.586.738	2.380.796.252
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		32.948.871.522	18.802.545.278
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	16.321.331	1.022.960.550
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.819.382.361.671	1.680.198.233.075
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		395.000.000	8.523.772.476
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	457.724.476
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	395.000.000	8.066.048.000
220	II. Tài sản cố định		981.971.979.497	750.065.201.022
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	925.140.436.177	675.109.785.964
222	- Nguyên giá		1.715.524.224.347	1.512.780.293.213
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(790.383.788.170)	(837.670.507.249)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	56.831.543.320	74.955.415.058
228	- Nguyên giá		68.819.552.152	84.863.183.598
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.988.008.832)	(9.907.768.540)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		44.873.799.497	337.570.727.947
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	44.873.799.497	337.570.727.947
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	646.827.240.129	456.640.221.118
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		638.870.867.329	449.133.104.318
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.491.514.600	8.491.514.600
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(535.141.800)	(984.397.800)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		145.314.342.548	127.398.310.512
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	143.919.494.156	123.442.256.767
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.a	1.394.848.392	3.956.053.745
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.917.504.291.231	5.146.415.818.553

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.924.215.058.500	2.407.699.506.770
310	I. Nợ ngắn hạn		1.800.610.784.387	2.294.253.255.662
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	571.664.467.750	576.964.314.072
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		95.368.632.658	118.621.678.224
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	29.164.746.632	52.288.685.558
314	4. Phải trả người lao động		110.252.303.880	143.747.897.589
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	34.017.384.934	86.709.024.960
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	18.530.302.185	58.434.941.980
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	365.956.116.354	331.333.663.527
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	504.114.164.978	806.250.113.649
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	43.641.992.233	77.455.883.215
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		27.900.672.783	42.447.052.888
330	II. Nợ dài hạn		123.604.274.113	113.446.251.108
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	36.865.162.057	9.945.550.193
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	8.900.875.882	7.597.579.662
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	17.213.189.000	28.380.689.000
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.b	234.802.801	528.689.079
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	20	49.382.894.377	43.481.057.632
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		11.007.349.996	23.512.685.542

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.993.289.232.731	2.738.716.311.783
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	2.981.559.990.574	2.727.712.916.008
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		66.378.000.000	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		47.050.714.170	47.513.826.624
415	4. Cổ phiếu quỹ		(5.025.000.000)	(7.125.000.000)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		84.376.333	960.044.030
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		123.438.566.724	107.862.750.909
420	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	198.392.508
421	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		744.300.401.229	629.439.175.337
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		423.190.425.666	311.007.098.478
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		321.109.975.563	318.432.076.859
429	10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		455.332.932.118	548.863.726.600
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		11.729.242.157	11.003.395.775
431	1. Nguồn kinh phí		4.011.662.947	1.857.403.945
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		7.717.579.210	9.145.991.830
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.917.504.291.231	5.146.415.818.553


Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng


Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	8.630.723.684.053	9.317.276.336.021
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	248.016.241.157	582.253.464.449
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.382.707.442.896	8.735.022.871.572
11	4. Giá vốn hàng bán	26	7.276.539.684.313	7.480.197.065.732
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.106.167.758.583	1.254.825.805.840
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	130.147.064.204	62.602.582.164
22	7. Chi phí tài chính	28	130.345.487.560	63.051.135.790
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		54.828.381.840	66.136.795.496
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		5.198.438.999	44.203.620.719
25	9. Chi phí bán hàng	29	201.090.967.584	349.596.040.220
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	338.748.091.893	344.502.283.936
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		571.328.714.749	604.482.548.777
31	12. Thu nhập khác	31	6.462.728.666	13.964.037.229
32	13. Chi phí khác	32	3.388.813.123	45.217.324.768
40	14. Lợi nhuận khác		3.073.915.543	(31.253.287.539)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		574.402.630.292	573.229.261.238
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	118.297.862.487	125.951.156.146
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		108.281.913	(947.112.464)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		455.996.485.892	448.225.217.556
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		321.109.975.563	318.432.076.859
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		134.886.510.329	129.793.140.697
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	2.187	2.286

(Signature)

(Signature)



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		574.402.630.292	573.229.261.238
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		97.653.503.258	104.567.782.106
03	- Các khoản dự phòng		74.716.618.222	(7.741.010.911)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.145.269.575)	(1.548.292.448)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(172.372.046.107)	(100.455.987.991)
06	- Chi phí lãi vay		54.828.381.840	66.136.795.496
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		627.083.817.930	634.188.547.490
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(215.694.534.103)	248.546.065.453
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(128.528.629.928)	(93.690.001.364)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		194.224.395.547	129.281.542.568
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(28.788.629.089)	(3.291.378.102)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(55.392.795.264)	(68.788.762.134)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(131.795.278.086)	(126.701.164.385)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		40.217.626.226	16.245.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(295.788.764.748)	(179.895.510.887)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.537.208.485	555.894.338.639
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(201.507.426.652)	(185.285.793.108)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		702.080.000	8.016.582.285
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(459.193.246.676)	(231.098.759.131)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		282.085.422.960	213.679.563.369
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(95.653.040.249)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	73.517.183.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		120.822.728.550	56.945.799.568
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(352.743.482.067)	(64.225.424.017)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		224.306.340.000	-
	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu của Tổng Công ty		216.510.000.000	-
	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu của Công ty con		7.796.340.000	-
33	4. Tiền thu từ đi vay		1.473.067.321.335	2.221.336.348.285
34	5. Tiền trả nợ gốc vay		(1.377.507.233.285)	(2.270.321.956.784)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(225.079.517.819)	(166.620.730.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		94.786.910.231	(215.606.338.499)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(252.419.363.351)	276.062.576.123
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		770.927.664.834	494.352.346.689
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(14.806.649)	512.742.022
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>518.493.494.834</u>	<u>770.927.664.834</u>




Đoàn Thị Lan Phương
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.550.000.000.000 đồng; trong đó có 155.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thiết kế chế tạo, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thiết bị đo điện mang thương hiệu GELEX-EMIC như: Công tơ điện 1 pha, 3 pha cơ khí; Công tơ điện tử thông minh 1 pha, 3 pha đa chức năng; Máy biến dòng điện, máy biến điện áp đo lường trung thế, hạ thế và các thiết bị đo điện điện tử khác. Kinh doanh dịch vụ khách sạn.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Cấu trúc Tổng Công ty

- **Tổng số Công ty con: 11 công ty**
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 06 công ty con trực tiếp và 05 công ty con gián tiếp. Trong đó số lượng được hợp nhất đến thời điểm mất quyền kiểm soát là 01 công ty con trực tiếp và 02 công ty con gián tiếp.
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: không có.
- **Thông tin về tái cấu trúc Tổng Công ty:** Trong năm, Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT) hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51,00% xuống 25,50%. Trong năm, Công ty Cổ phần Thiết bị điện cũng hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 65,16% xuống 43,44%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

- **Tổng Công ty có các công ty con trực tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	65,006%	65,006%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty Cổ phần Thiết bị điện (*)	Tỉnh Đồng Nai	65,16%	65,16%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	TP. Hà Nội	65,84%	65,84%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1	TP. Hà Nội	51,03%	51,03%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty GELEX Cambodia (1)	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương (2)	Tỉnh Hải Dương	51,25%	51,25%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm

(1) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty GELEX Cambodia:

Trong năm Công ty GELEX Cambodia thay đổi Giấy phép đầu tư ra nước ngoài số 754/BKHĐT-ĐTRNN với số vốn điều lệ 25.000 USD, thấp hơn vốn đầu tư ban đầu đã góp của Tổng Công ty là 239.500 USD.

(2) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương:

Trong năm Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 27.586.800.000 đồng lên 35.000.000.000 đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 65,02% xuống 51,25%.

- **Tổng Công ty có các công ty con gián tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư Thibidi (*)	Tỉnh Đồng Nai	33,23%	51,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Liên doanh Thibidi (Cambodia) (*)	Phnom Penh, Campuchia	53,59%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh	51,75%	78,48%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	TP. Hà Nội	35,94%	54,59%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề
Công ty TNHH Cadivi Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	65,09%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện

(*) Công ty con trực tiếp và các Công ty con gián tiếp được hợp nhất tới thời điểm Tổng Công ty mất quyền kiểm soát.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

- Tổng Công ty có các công ty liên kết, công ty liên doanh quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Thiết bị điện (*)	Tỉnh Đồng Nai	43,44%	43,44%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố được áp dụng phi hồi tố. Tổng Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 42.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng kỳ với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con:

- Trường hợp công ty mẹ sau khi thoái một phần vốn và mất quyền kiểm soát đối với công ty con, công ty con trở thành công ty liên kết: Khoản lãi, lỗ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cộng với số lợi thế thương mại được ghi giảm là toàn bộ số lợi thế thương mại còn chưa phân bổ;
- Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân năm tài chính.

2.7 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Ban Tổng Giám đốc được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.8 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50	năm*
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Phần mềm máy tính	03	năm

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.15 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính. Tổng Công ty áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành hàng hóa 5% trên giá trị hợp đồng căn cứ theo các điều khoản hợp đồng cụ thể.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty, Thông báo của Hội đồng quản trị và Tổng Công ty hoàn thành việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng (bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán). Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	4.581.166.806	4.201.727.172
Tiền gửi ngân hàng	332.609.053.154	335.958.551.764
Các khoản tương đương tiền	181.303.274.874	430.767.385.898
	<u>518.493.494.834</u>	<u>770.927.664.834</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	448.433.560.889	448.433.560.889	271.325.737.173	271.325.737.173
- Tiền gửi có kỳ hạn	448.433.560.889	448.433.560.889	271.325.737.173	271.325.737.173
	<u>448.433.560.889</u>	<u>448.433.560.889</u>	<u>271.325.737.173</u>	<u>271.325.737.173</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Địa chỉ	31/12/2015			01/01/2015		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi số VND
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	34,27%	34,27%	20.360.017.528	34,27%	34,27%	20.188.297.220
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	45,00%	45,00%	5.528.359.676	45,00%	45,00%	5.524.630.171
- Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	36,35%	36,35%	114.115.327.257	36,35%	36,35%	119.105.505.506
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (1)	25,50%	25,50%	7.049.361.952	51,00%	51,00%	-
- Công ty CP Thiết bị điện (2)	43,44%	43,44%	198.878.604.355	65,16%	65,16%	-
- Công ty TNHH SAS - CTAMAD	23,11%	23,11%	292.939.196.561	23,11%	23,11%	304.314.671.421
			638.870.867.329			449.133.104.318

(1) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC

Trong kỳ Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT) hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51,00% xuống 25,50%.

(2) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thiết bị điện:

Trong năm Công ty Cổ phần Thiết bị điện hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 65,16% xuống 43,44%.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 41.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.178.670.000	(535.141.800)	2.178.670.000	(984.397.800)
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	4.995.833.299	-	4.995.833.299	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ cao	1.057.011.301	-	1.057.011.301	-
- Công ty Cổ phần XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	260.000.000	-	260.000.000	-
	8.491.514.600	(535.141.800)	8.491.514.600	(984.397.800)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Tổng công ty Điện lực Miền Nam	67.408.349.632	26.403.122.171
- Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	78.030.669	74.617.874.069
- Electricite Du Cambodge (EDC)	-	19.608.870.986
- Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng	-	2.706.238.700
- Công ty Cổ phần Điện máy TP. Hồ Chí Minh	-	31.653.787.155
- Ban quản lý dự án các công trình điện miền Nam	-	18.613.153.958
- Myanmar Solar Rays Co., Ltd Solar Rays Electrical Trading	38.775.578.887	18.826.721.261
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	19.260.526.417	19.289.526.417
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Thương mại Đức Tường PQ	51.114.618.503	45.399.984.953
- Công ty TNHH Thiết bị điện Quý Dân	61.550.243.456	52.969.628.527
- Công ty Cổ phần Thương mại Điện máy Kim Biên	63.448.616.616	54.340.549.584
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	15.811.537.610	-
- Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	23.736.287.344	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	622.865.325.718	549.692.061.876
	<u><u>964.049.114.852</u></u>	<u><u>914.121.519.657</u></u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41.	<u><u>28.442.067.021</u></u>	<u><u>3.201.857.600</u></u>

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	16.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	4.500.000.000	4.500.000.000
Cho vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I	308.402.700	-
	<u><u>33.193.522.700</u></u>	<u><u>16.885.120.000</u></u>

105
GTY
V HUU
EMTC
VSC
M TP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	12.644.761.572	-	85.899.512.244	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.491.439.432	-	4.223.515.094	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	105.732.846	-	267.004.449	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	17.357.999	-	18.419.563	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	11.413.620	-	12.074.700	-
Tạm ứng	4.890.590.185	-	16.321.780.495	-
Ký cược, ký quỹ	3.632.172.469	-	51.811.608.278	-
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân	9.151.710	-	8.953.733.946	-
Phải thu Kinh phí xây dựng hạ tầng	10.000.000	-	1.000.000.000	-
Tạm ứng tiền thưởng HĐQT, ban điều hành	1.100.000.000	-	-	-
Phải thu khác	376.903.311	-	3.291.375.719	-
b) Dài hạn	395.000.000	-	8.066.048.000	-
Ký cược, ký quỹ	395.000.000	-	8.066.048.000	-
	13.039.761.572	-	93.965.560.244	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	56.841.893.540	54.471.637.882	67.157.207.059	55.589.711.813
Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	19.260.526.417	19.260.526.417	19.289.526.417	19.289.526.417
RMM METALLHANDEL GMBH	6.871.886.896	6.871.886.896	6.871.886.896	6.871.886.896
Công ty Cổ phần điện Sóng Thần	-	-	2.054.418.077	2.054.418.077
Công ty TNHH Xây dựng Hải Long	-	-	2.511.834.934	2.511.834.934
Các khoản khác	30.709.480.227	28.339.224.569	36.429.540.735	24.862.045.489
	56.841.893.540	54.471.637.882	67.157.207.059	55.589.711.813

Giá trị có thể thu hồi được ghi nhận căn cứ đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và các Công ty con. Đối với các khoản nợ xấu của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam số dư các khoản nợ xấu đã có quyết định của Tòa án nhân dân buộc bên nợ phải trả là 19.445.763.787 đồng, số còn lại là 6.871.886.896 đồng được chờ quyết định của Tòa án.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	6.301.117.300	-	17.092.537.938	-
Nguyên liệu, vật liệu	318.564.535.179	-	363.507.740.731	(183.160.618)
Công cụ, dụng cụ	3.436.578.236	-	5.022.129.334	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	112.003.204.172	-	169.909.447.845	-
Thành phẩm	596.464.177.207	(5.164.038.845)	665.122.367.802	(8.276.584.582)
Hàng hoá	44.288.279.252	(279.751.000)	152.214.105.099	(279.751.000)
Hàng gửi đi bán	13.415.128.195	-	14.732.504.661	-
	1.094.473.019.541	(5.443.789.845)	1.387.600.833.410	(8.739.496.200)

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản dở dang	40.276.323.737	314.157.186.967
Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	4.138.214.910	4.138.214.910
Xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành	4.526.282.862	297.305.468.099
Dự án Nhà máy Cấp điện và xưởng sản xuất dây điện tử tại Tân Phú Trung của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	7.796.532.540	5.683.541.634
Dự án Nhà máy cấp điện Cadivi Miền Trung	369.500.750	2.143.754.760
Dự án Xây dựng nhà xưởng sản xuất và văn phòng KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh (*)	16.141.737.636	260.410.182
Dự án đầu tư sản xuất MBA Amorphous	5.243.205.244	-
Công trình khác	2.060.849.795	4.625.797.382
- Mua sắm tài sản cố định	3.882.522.088	21.773.910.400
Chi phí mua đất Khu đô thị An Phú - An Khánh	-	15.100.000.000
Dây chuyền máy kéo đại	-	3.400.000.000
Phần mềm ERP	3.287.000.400	2.872.460.400
Các tài sản khác	595.521.688	401.450.000
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	714.953.672	1.639.630.580
Sửa chữa lớn, nâng cấp máy móc tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	622.856.122	1.639.630.580
Sửa chữa lớn tài sản cố định khác	92.097.550	-
	44.873.799.497	337.570.727.947

(*) Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất được Tổng Công ty thực hiện từ quý IV năm 2014 và dự kiến hoàn thành đầu năm 2016 với tổng dự toán 29,28 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	576.902.579.836	811.382.480.627	100.157.427.746	24.257.405.004	80.400.000	1.512.780.293.213						
- Mua trong năm	28.298.987.218	75.162.639.036	18.324.916.272	848.956.726	-	122.635.499.253						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	246.018.606.012	21.421.205.960	837.233.638	82.811.532.777	-	351.088.578.387						
- Tăng do chuyển đổi báo cáo	-	-	39.487.500	2.406.293	-	41.893.793						
- Thanh lý, nhượng bán	(804.532.536)	(2.727.854.819)	(1.036.594.919)	-	-	(4.568.982.274)						
- Giảm do chuyển công ty con thành Công ty liên kết	(95.460.396.219)	(142.339.357.958)	(23.150.877.493)	(5.051.458.568)	(80.400.000)	(266.082.490.238)						
- Giảm khác	(370.567.787)	-	-	-	-	(370.567.787)						
- Phân loại lại	-	970.365.811	(875.960.811)	(94.405.000)	-	-						
Số dư cuối năm	754.584.676.524	763.869.478.657	94.295.631.934	102.774.437.232	-	1.715.524.224.347						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	258.136.654.812	494.114.902.908	65.296.205.850	20.042.343.679	80.400.000	837.670.507.249						
- Khấu hao trong năm	27.306.471.406	57.098.213.953	7.861.445.494	6.228.849.077	-	98.494.979.930						
- Khấu hao tài sản hình thành từ dự án KHCN	-	2.896.733.171	-	79.365.000	-	2.976.098.171						
- Tăng do chuyển đổi báo cáo	-	-	16.366.441	891.907	-	17.258.348						
- Thanh lý, nhượng bán	(162.094.174)	(1.938.821.621)	(188.020.423)	-	-	(2.288.936.218)						
- Giảm do chuyển công ty con thành Công ty liên kết	(36.820.986.319)	(92.574.887.850)	(12.742.807.849)	(4.254.868.439)	(80.400.000)	(146.473.950.457)						
- Phân loại lại	(11.502.187)	950.345.734	(875.960.811)	(75.051.589)	-	(12.168.853)						
Số dư cuối năm	248.448.543.538	460.546.486.295	59.367.228.702	22.021.529.635	-	790.383.788.170						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	318.765.925.024	317.267.577.719	34.861.221.896	4.215.061.325	-	675.109.785.964						
Tại ngày cuối năm	506.136.132.986	303.322.992.362	34.928.403.232	80.752.907.597	-	925.140.436.177						

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

152.172.471.471 đồng

386.855.983.031 đồng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	79.437.072.507	2.777.471.665	2.648.639.426	84.863.183.598
- Mua trong năm	-	6.067.200.000	-	6.067.200.000
- Giảm khác	-	(47.381.873)	-	(47.381.873)
- Giảm do chuyển đổi công ty con thành liên kết	(20.529.754.848)	(1.533.694.725)	-	(22.063.449.573)
Số dư cuối năm	58.907.317.659	7.263.595.067	2.648.639.426	68.819.552.152
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	6.818.668.105	1.867.475.422	1.221.625.013	9.907.768.540
- Khấu hao trong năm	1.033.159.048	1.631.158.051	163.012.158	2.827.329.257
- Giảm khác	-	(47.381.873)	-	(47.381.873)
- Giảm do chuyển đổi công ty con thành liên kết	-	(699.707.092)	-	(699.707.092)
Số dư cuối năm	7.851.827.153	2.751.544.508	1.384.637.171	11.988.008.832
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	72.618.404.402	909.996.243	1.427.014.413	74.955.415.058
Tại ngày cuối năm	51.055.490.506	4.512.050.559	1.264.002.255	56.831.543.320

(*) Giá trị quyền sử dụng đất bao gồm giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn với tổng số tiền là 50.991.285.959 đồng, là quyền sử dụng đất tại 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, với thời hạn sử dụng là 50 năm bắt đầu từ ngày 19/10/2007. Còn lại là quyền sử dụng đất lâu dài với tổng số tiền là 8.328.636.676 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	2.406.586.738	2.380.796.252
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.237.762.135	2.380.796.252
Chi phí thuê kho, văn phòng, thuê đất	65.000.925	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.103.823.678	-
b) Dài hạn	143.919.494.156	123.442.256.767
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.812.029.259	11.671.271.641
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	6.104.468.867	5.445.295.097
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	13.276.448.872	12.001.250.757
Chi phí thuê đất trả trước	111.421.492.433	92.818.552.769
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.305.054.725	1.505.886.503
	146.326.080.894	125.823.053.019

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Ngô Han	-	-	21.784.112.895	21.784.112.895
- Công ty TNHH Trung tâm thép NSSB Sài Gòn	-	-	24.922.014.508	24.922.014.508
- Công ty LG International (HK)	35.028.075.466	35.028.075.466	-	-
- LS NIKKO COPPER INC.	33.654.074.601	33.654.074.601	-	-
- Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Tân Nghệ Nam	56.157.913.449	56.157.913.449	9.414.957.749	9.414.957.749
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	17.279.749.520	17.279.749.520	1.077.687.600	1.077.687.600
- Công ty Cổ phần Địa ốc - Cáp điện Thịnh Phát	51.654.495.103	51.654.495.103	30.729.257.457	30.729.257.457
- Công ty Cổ phần Kim loại màu và nhựa Đồng Việt	73.838.368.564	73.838.368.564	38.150.382	38.150.382
- Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	25.052.616.758	25.052.616.758	-	-
- DAEWOO INTERNATIONAL CORP.	13.418.105.039	13.418.105.039	93.228.742.051	93.228.742.051
- Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	94.473.185.907	94.473.185.907	123.193.260.639	123.193.260.639
- Phải trả các đối tượng khác	171.107.883.343	171.107.883.343	272.576.130.791	272.576.130.791
	571.664.467.750	571.664.467.750	576.964.314.072	576.964.314.072
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41.)	95.298.974.007	95.298.974.007	123.193.260.639	123.193.260.639

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số giảm trong năm (*)		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	43.310.410		10.149.476.457		142.383.269.172		149.691.892.911		9.632.950		2.807.175.258	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	6.468.538		150.639.429		2.188.304.967		2.339.164.239		6.688.381		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	973.181.602		38.331.740.850		95.949.071.664		109.223.836.655		-		24.083.794.257	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		3.500.748.626		11.285.723.603		12.516.855.352		-		2.269.616.877	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		113.625.218		14.715.273.223		14.824.738.201		-		4.160.240	
Các loại thuế khác	-		42.454.978		532.296.889		574.751.867		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		29.649.611		29.649.611		-		-	
	1.022.960.550		52.288.685.558		267.083.589.129		289.200.888.836		16.321.331		29.164.746.632	

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(*) Số giảm trong năm bao gồm số tiền thực nộp trong năm và số giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	197.007.906	978.272.162
- Trích trước chi phí vận chuyển, thuê kho, phí bảo vệ, tiền ăn ca	4.257.853.767	3.388.784.891
- Trích trước lãi ký quỹ và các khoản chiết khấu	14.196.798.172	47.163.601.097
- Chi phí hoa hồng	-	21.596.588.670
- Phí bản quyền của hợp đồng Lixang AVK	3.070.875.500	3.070.875.500
- Chi phí thuê đất tại số 16 Nguyễn Biểu, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh của CTCP Dây cáp điện Việt Nam	1.413.720.000	-
- Trích trước chi phí khuyến mại	6.974.241.959	6.572.851.000
- Chi phí phải trả khác	3.906.887.630	3.938.051.640
	<u>34.017.384.934</u>	<u>86.709.024.960</u>

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	18.530.302.185	58.434.941.980
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng, tài sản	1.367.584.028	872.149.354
- Doanh thu nhận trước từ tiền thu học phí	2.245.263.612	2.767.517.405
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	14.917.454.545	54.795.275.221
b) Dài hạn	36.865.162.057	9.945.550.193
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	36.865.162.057	9.945.550.193
	<u>55.395.464.242</u>	<u>68.380.492.173</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	365.956.116.354	331.333.663.527
- Tài sản thừa chờ giải quyết	711.508.637	1.087.852.802
- Kinh phí công đoàn	1.827.363.518	2.928.982.471
- Bảo hiểm xã hội	643.113.182	343.516.974
- Bảo hiểm y tế	72.090.053	121.826.929
- Bảo hiểm thất nghiệp	57.320.033	217.235.866
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	301.399.158.645	252.550.342.331
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	130.320.000	808.210.000
- Phải trả cổ tức cho cổ đông thiểu số tại Công ty con	8.847.566.054	2.288.720.969
- Phải trả lãi vay	325.463.455	108.612.623
- Nhận đặt cọc thực hiện dự án 10 Trần Nguyên Hãn - Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
- Phải trả Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	-	36.964.348.246
- Cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC góp thêm vốn điều lệ	-	10.000.000.000
- Cổ đông Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 góp thêm vốn điều lệ	7.796.340.000	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Emic	16.699.815.109	-
- Phải trả Quỹ khen thưởng, phúc lợi CTCP Dây cáp điện Việt Nam	5.307.769.345	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.138.288.323	3.914.014.316
b) Dài hạn	8.900.875.882	7.597.579.662
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.900.875.882	7.597.579.662
	<u>374.856.992.236</u>	<u>338.931.243.189</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn ngân hàng	762.748.904.787	762.748.904.787	1.428.148.009.127	1.712.814.293.991	478.082.619.923	478.082.619.923
- Vay ngắn hạn tổ chức	-	-	3.800.000.000	3.800.000.000	-	-
- Vay ngắn hạn cá nhân	29.052.953.090	29.052.953.090	38.098.812.208	55.308.220.243	11.843.545.055	11.843.545.055
- Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	260.255.772	260.255.772	-	260.255.772	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước	14.188.000.000	14.188.000.000	14.188.000.000	14.188.000.000	14.188.000.000	14.188.000.000
	806.250.113.649	806.250.113.649	1.484.234.821.335	1.786.370.770.006	504.114.164.978	504.114.164.978
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước	42.568.689.000	42.568.689.000	-	14.188.000.000	28.380.689.000	28.380.689.000
- Vay dài hạn Ngân hàng	260.255.772	260.255.772	3.020.500.000	260.255.772	3.020.500.000	3.020.500.000
	42.828.944.772	42.828.944.772	3.020.500.000	14.448.255.772	31.401.189.000	31.401.189.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(14.448.255.772)	(14.448.255.772)	(14.188.000.000)	(14.448.255.772)	(14.188.000.000)	(14.188.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	28.380.689.000	28.380.689.000			17.213.189.000	17.213.189.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chi tiết số dư các khoản vay:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	504.114.164.978	806.250.113.649
Vay ngắn hạn ngân hàng	478.082.619.923	762.748.904.787
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	59.174.463.176	29.050.925.533
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa	-	315.415.287.947
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở giao dịch 2	-	97.457.780.191
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	5.091.823.440	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Nai	-	67.093.620.809
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VP Hồ Chí Minh	157.108.792.439	88.854.600.473
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương	22.825.223.351	7.494.979.818
Ngân hàng TMCP Quân đội	130.605.674.167	54.984.151.929
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	94.409.634.132	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia	-	5.311.500.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội	5.485.982.888	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	-	9.986.556.490
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	3.381.026.330	87.099.501.597
Vay ngắn hạn tổ chức	1.350.000.000	1.350.000.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	1.300.000.000	1.150.000.000
Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	50.000.000	100.000.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư Thibidi	-	100.000.000
Vay cá nhân	10.493.545.055	27.702.953.090
Vay dài hạn đến hạn trả	14.188.000.000	14.448.255.772
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	-	260.255.772
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước	14.188.000.000	14.188.000.000
b) Vay dài hạn	17.213.189.000	28.380.689.000
Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước	14.192.689.000	28.380.689.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	3.020.500.000	-
	521.327.353.978	834.630.802.649

20 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	43.641.992.233	77.455.883.215
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	43.641.992.233	77.455.883.215
b) Dài hạn	49.382.894.377	43.481.057.632
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	49.382.894.377	34.139.544.070
- Dự phòng phải trả khác (Dự phòng phải trả trợ cấp mất việc làm)	-	9.341.513.562
	93.024.886.610	120.936.940.847

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng		
Số dư đầu năm trước	1.400.000.000.000	-	47.513.826.624	(5.025.000.000)	819.607.405	64.580.464.743	186.096.715	571.636.332.758	451.373.236.710	2.531.084.564.955		
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	318.432.076.859	129.793.140.697	448.225.217.556		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	43.282.286.166	145.555.599	(83.097.049.954)	(20.304.326.920)	(59.973.535.109)		
Chi trả cổ tức tại Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	(167.400.000.000)	-	(167.400.000.000)		
Chi trả cổ tức tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(69.975.746.000)	(69.975.746.000)		
Tang do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	(2.100.000.000)	140.436.625	-	-	5.987.574.849	42.063.509.029	46.091.520.503		
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(15.913.913.084)	15.913.913.084	-		
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(133.259.806)	(205.846.091)	-	(339.105.897)		
Số dư cuối năm trước	1.400.000.000.000	-	47.513.826.624	(7.125.000.000)	960.044.030	107.862.750.909	198.392.508	629.439.175.337	548.863.726.600	2.727.712.916.008		
Số dư đầu năm nay	1.400.000.000.000	-	47.513.826.624	(7.125.000.000)	960.044.030	107.862.750.909	198.392.508	629.439.175.337	548.863.726.600	2.727.712.916.008		
Tăng vốn trong năm	150.000.000.000	66.378.000.000	-	-	-	-	-	-	-	216.378.000.000		
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	321.109.975.563	134.886.510.329	455.996.485.892		
Phân phối lợi nhuận của mẹ	-	-	-	-	-	29.500.000.000	-	(45.655.000.000)	-	(16.155.000.000)		
Phân phối lợi nhuận của các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(22.646.866.490)	(8.405.162.687)	(22.070.467.573)		
Chi trả cổ tức của mẹ	-	-	-	-	-	8.981.561.604	-	(167.400.000.000)	-	(167.400.000.000)		
Chi trả cổ tức của các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(63.560.472.904)	(63.560.472.904)		
Ảnh hưởng khi công ty con tăng vốn	-	-	-	-	-	(1.756.701.142)	-	(1.131.258.777)	13.106.839.919	10.218.880.000		
Ảnh hưởng khi chuyển công ty con thành liên kết	-	-	(463.112.454)	2.100.000.000	(838.620.418)	(21.149.044.647)	(198.392.508)	30.577.383.041	(169.558.509.139)	(159.530.296.125)		
Chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	(37.047.279)	-	-	6.992.555	-	(30.054.724)		
Số dư cuối năm	1.550.000.000.000	66.378.000.000	47.050.714.170	(5.025.000.000)	84.376.333	123.438.566.724	-	744.300.401.229	455.332.932.118	2.981.559.990.574		

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2015 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2015 VND
Vốn góp của Nhà nước	0,00%	-	87,17%	1.220.448.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	9,68%	150.000.000.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	90,00%	1.395.000.000.000	12,47%	174.552.000.000
Cổ phiếu quỹ	0,32%	5.000.000.000	0,36%	5.000.000.000
	100%	1.550.000.000.000	100%	1.400.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	150.000.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	155.000.000	140.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	155.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	500.000	700.000
- Cổ phiếu phổ thông	500.000	700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	154.500.000	139.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	154.500.000	139.300.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	123.438.566.724	107.862.750.909
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	198.392.508
	123.438.566.724	108.061.143.417

22 . CHÈNH LỆCH TỶ GIÁ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND	(37.047.279)	140.436.625
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển Công ty con thành Công ty liên kết	(838.620.418)	-
	(875.667.697)	140.436.625

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Tài sản nhận giữ hộ	-	11.336.052.670
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác	-	11.336.052.670
b) Nợ khó đòi đã xử lý	9.524.621.748	9.524.621.748
c) Ngoại tệ các loại		
	31/12/2015	01/01/2015
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.410.425,78	3.117.490,89
- Đồng Bảng Anh (GBP)	196,59	196,59
- Đồng Krone Đan Mạch (DKK)	1.923,75	1.923,75
- Đồng Euro (EUR)	585,48	3.385,48
- Đồng đô la Úc (AUD)	-	250,00
- Đồng Yên Nhật (JPY)	-	33.000,00
- Đồng Reil Cambodia (Reil)	62.028.859,00	166.413.523,19

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	5.440.471.204.776	5.504.179.940.394
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư, phế liệu	3.005.164.621.981	3.626.643.509.567
Doanh thu cung cấp dịch vụ	173.654.338.144	169.510.394.780
Doanh thu hợp đồng xây dựng	11.433.519.152	16.942.491.280
	8.630.723.684.053	9.317.276.336.021
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41.)	150.693.011.553	2.396.941.462

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	233.769.642.562	565.842.428.634
Hàng bán bị trả lại	14.246.598.595	311.121.000
Giảm giá hàng bán	-	16.099.914.815
	248.016.241.157	582.253.464.449

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.288.432.342.700	3.849.393.897.231
Giá vốn của hàng hóa, vật tư, phế liệu đã bán	2.858.716.412.663	3.501.119.668.558
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	106.028.536.499	107.569.866.761
Giá vốn hoạt động xây dựng	11.054.072.040	15.332.916.889
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	196.106.412	379.581.473
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	12.112.213.999	6.401.134.820
	<u>7.276.539.684.313</u>	<u>7.480.197.065.732</u>

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	28.544.412.931	35.035.291.563
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	306.138.901	751.539.661
Lãi bán các khoản đầu tư	220.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	93.702.479.511	21.310.897.049
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.161.566.853	3.955.530.864
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.177.708.362	1.549.323.027
Doanh thu hoạt động tài chính khác	34.757.646	-
	<u>130.147.064.204</u>	<u>62.602.582.164</u>

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	54.828.381.840	66.136.795.496
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	587.490.486	5.501.421.532
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	65.888.679.265	1.713.573.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	8.837.688.344	5.482.886.567
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	32.438.787	1.030.579
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(466.203.037)	(16.931.354.000)
Chi phí tài chính khác	637.011.875	1.146.782.416
	<u>130.345.487.560</u>	<u>63.051.135.790</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.307.483.018	17.282.331.582
Chi phí nhân công	32.134.567.198	40.586.108.123
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.943.037.244	2.273.182.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.187.838.260	69.726.009.187
Chi phí khác bằng tiền	49.438.713.020	164.242.653.213
Chi phí bảo hành	39.079.328.844	55.485.755.520
	201.090.967.584	349.596.040.220

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.088.792.801	11.454.451.270
Chi phí nhân công	166.065.862.040	156.537.430.490
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.799.799.878	15.855.256.215
Thuế, phí, lệ phí	12.313.895.849	9.645.930.871
Chi phí dự phòng	16.148.019.389	25.730.481.566
- Trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	-	16.620.685.542
- Trích quỹ dự phòng tiền lương	5.439.866.636	6.320.587.755
- Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.708.152.753	2.789.208.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.322.843.229	36.435.659.556
Chi phí khác bằng tiền	82.008.878.707	88.843.073.968
	338.748.091.893	344.502.283.936

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.018.192.584	7.684.358.781
Tiền phạt thu được	2.906.000	-
Thuế được giảm	4.606.364	-
Thu từ hỗ trợ lãi suất của Công ty đầu tư Tài chính Nhà nước	1.463.336.988	3.069.280.284
Thu nhập từ hỗ trợ quản lý của đối tác đầu tư vào Công ty TNHH SAS-CTAMAD.	1.174.500.000	1.144.800.000
Thu nhập khác	1.799.186.730	2.065.598.164
	6.462.728.666	13.964.037.229

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.153.084.865	6.064.606.921
Lãi chậm nộp phải trả	-	36.964.348.246
Chi phí khác	2.235.728.258	2.188.369.601
	3.388.813.123	45.217.324.768

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	574.402.630.292	573.229.261.238
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	118.297.862.487	125.251.885.162
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này	-	699.270.984
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>118.297.862.487</u>	<u>125.951.156.146</u>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	222.650.608	278.121.146
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	37.358.559.248	37.830.446.341
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(131.795.278.086)	(126.701.164.385)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>24.083.794.257</u>	<u>37.358.559.248</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI****a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.394.848.392	3.956.053.745
	1.394.848.392	3.956.053.745

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	22%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	234.802.801	528.689.079
	234.802.801	528.689.079

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	321.109.975.563	318.432.076.859
Các khoản điều chỉnh	(3.052.076.031)	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế⁽¹⁾</i>	(557.076.031)	-
- <i>Quỹ thưởng Ban điều hành được trích từ lợi nhuận sau thuế⁽²⁾</i>	(2.495.000.000)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	318.057.899.532	318.432.076.859
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	145.458.242	139.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.187	2.286

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

(1) Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế căn cứ số liệu của một số công ty con đã tạm tính, Tổng Công ty và một số công ty con khác chưa thực hiện điều chỉnh khoản quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế do không có đủ cơ sở ước tính.

(2) Quỹ thưởng Ban điều hành được trích 1% từ lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 04/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.525.048.849.562	3.852.387.496.790
Chi phí nhân công	482.804.251.997	321.431.518.819
Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.191.574.562	105.805.904.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.367.873.401	104.681.085.929
Chi phí khác bằng tiền	227.534.719.752	256.358.517.694
	<u>5.546.947.269.274</u>	<u>4.640.664.523.471</u>

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	518.493.494.834	-	770.927.664.834	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	977.088.876.424	(46.632.565.353)	1.008.087.079.901	(51.629.924.031)
Các khoản cho vay	481.627.083.589	-	288.668.581.649	-
Đầu tư dài hạn	8.491.514.600	(535.141.800)	8.491.514.600	(984.397.800)
	<u>1.985.700.969.447</u>	<u>(47.167.707.153)</u>	<u>2.076.174.840.984</u>	<u>(52.614.321.831)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	521.327.353.978	834.630.802.649
Phải trả người bán, phải trả khác	946.521.459.986	915.895.557.261
Chi phí phải trả	34.017.384.934	86.709.024.960
	<u>1.501.866.198.898</u>	<u>1.837.235.384.870</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	518.493.494.834	-	-	518.493.494.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	930.061.311.071	395.000.000	-	930.456.311.071
Các khoản cho vay	481.627.083.589	-	-	481.627.083.589
Đầu tư dài hạn	-	7.956.372.800	-	7.956.372.800
	1.930.181.889.494	8.351.372.800	-	1.938.533.262.294
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	770.927.664.834	-	-	770.927.664.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	948.391.107.870	8.066.048.000	-	956.457.155.870
Các khoản cho vay	288.210.857.173	457.724.476	-	288.668.581.649
Đầu tư dài hạn	-	7.507.116.800	-	7.507.116.800
	2.007.529.629.877	16.030.889.276	-	2.023.560.519.153

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	504.114.164.978	17.213.189.000	-	521.327.353.978
Phải trả người bán, phải trả khác	937.620.584.104	8.900.875.882	-	946.521.459.986
Chi phí phải trả	34.017.384.934	-	-	34.017.384.934
	1.475.752.134.016	26.114.064.882	-	1.501.866.198.898

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	806.250.113.649	28.380.689.000	-	834.630.802.649
Phải trả người bán, phải trả khác	908.297.977.599	7.597.579.662	-	915.895.557.261
Chi phí phải trả	86.709.024.960	-	-	86.709.024.960
	<u>1.801.257.116.208</u>	<u>35.978.268.662</u>	<u>-</u>	<u>1.837.235.384.870</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . THÔNG TIN KHÁC

Tháng 10 năm 2015, cổ phiếu của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam chính thức giao dịch trên Sàn chứng khoán UPCOM - Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán: GEX. Tháng 12 năm 2015, Cổ đông Nhà nước (Bộ Công Thương) đã thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Tổng công ty.

39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

40 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty là hoạt động sản xuất, thương mại và hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ		150.693.011.553	2.396.941.462
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	6.299.022.106	1.936.141.500
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	471.927.233	460.799.962
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	70.720.334.187	-
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	73.201.728.027	-
Mua hàng hóa		610.805.849.443	732.395.018.843
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	119.592.220	-
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	452.947.619.761	732.395.018.843
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	130.185.666.462	-
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	27.552.971.000	-
Cho vay vốn		10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	10.000.000.000	-
Lãi cho vay vốn		1.471.440.533	1.055.320.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	743.107.200	774.070.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	270.000.000	281.250.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	458.333.333	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia		69.996.408.311	71.438.120.106
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	1.490.700.000	2.086.980.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	765.000.000	-
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	-	450.000.000
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết	51.800.000.000	58.800.000.000
Công ty CP Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	15.940.708.311	10.101.140.106

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
Phải thu khách hàng		28.442.067.021	3.201.857.600
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.296.396.172	3.201.857.600
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	19.260.669.510	-
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	4.885.001.339	-
Phải thu vốn cho vay		32.885.120.000	22.885.120.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	16.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu lãi cho vay vốn		2.195.706.096	1.349.265.563
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	1.917.372.763	1.174.265.563
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	278.333.333	175.000.000
Phải trả tiền hàng		95.298.974.007	123.193.260.639
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	107.520.000	-
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	94.473.185.907	123.193.260.639
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	718.268.100	-
Ứng trước tiền hàng		5.813.037.664	-
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	77.977.562	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	5.735.060.102	-
Phải thu khác		1.000.000	130.586.149
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	1.000.000	1.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	129.586.149
Phải trả khác		16.699.815.109	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	16.699.815.109	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4.321.100.000	4.066.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH

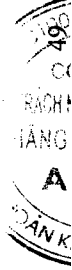
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Tổng Công ty thực hiện thay đổi phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Do đó Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được Tổng Công ty lập lại theo phương pháp gián tiếp để so sánh với số liệu kỳ này.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
121	1. Đầu tư ngắn hạn	288.210.857.173	123	3. Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	271.325.737.173	(288.210.857.173)
131	1. Phải thu khách hàng	914.121.519.657	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	914.121.519.657	271.325.737.173
132	2. Trả trước cho người bán	57.343.228.502	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	57.343.228.502	-
135	5. Các khoản phải thu khác	17.766.123.471	135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	16.885.120.000	16.885.120.000
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	68.410.476.582	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	85.899.512.244	68.133.388.773
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(51.629.924.031)	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(68.410.476.582)
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.022.960.550	139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	277.087.809	277.087.809
258	3. Đầu tư dài hạn khác	8.949.239.076	137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(51.629.924.031)	-
218	4. Phải thu dài hạn khác	-	153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.022.960.550	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	8.066.048.000	215	5. Phải thu về cho vay dài hạn	457.724.476	457.724.476
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	337.570.727.947	253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8.491.514.600	(457.724.476)
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	449.133.104.318	216	6. Phải thu dài hạn khác	8.066.048.000	8.066.048.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(984.397.800)	268	4. Tài sản dài hạn khác	-	(8.066.048.000)
			242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	337.570.727.947	(337.570.727.947)
			252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh, liên kết	449.133.104.318	337.570.727.947
			254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(984.397.800)	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	806.250.113.649	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	806.250.113.649	-
312	2. Phải trả người bán	576.964.314.072	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	576.964.314.072	-
313	3. Người mua trả tiền trước	118.621.678.224	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	118.621.678.224	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	52.288.685.558	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	52.288.685.558	-
315	5. Phải trả người lao động	143.747.897.589	314	5. Phải trả người lao động	143.747.897.589	-
316	6. Chi phí phải trả	86.709.024.960	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	86.709.024.960	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện	68.380.492.173	318	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	58.434.941.980	58.434.941.980
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	331.333.663.527	336	12. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	9.945.550.193	(58.434.941.980)
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	77.455.883.215	319	10. Phải trả ngắn hạn khác	331.333.663.527	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	42.447.052.888	321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	77.455.883.215	-
333	3. Phải trả dài hạn khác	7.597.579.662	322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	42.447.052.888	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	28.380.689.000	337	6. Phải trả dài hạn khác	7.597.579.662	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	528.689.079	338	7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	28.380.689.000	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	9.341.513.562	341	10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	528.689.079	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn	34.139.544.070	342	11. Dự phòng phải trả dài hạn	43.481.057.632	(9.341.513.562)
339	9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	23.512.685.542	343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	23.512.685.542	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	60.910.599.947	411a	- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	1.400.000.000.000	
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	46.952.150.962	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	107.862.750.909	46.952.150.962 (46.952.150.962)
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	198.392.508	420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	198.392.508	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	629.439.175.337	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	629.439.175.337	-
			421a	- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	311.007.098.478	
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	548.863.726.600	421b	- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	318.432.076.859	
			429	12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	548.863.726.600	548.863.726.600 (548.863.726.600)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

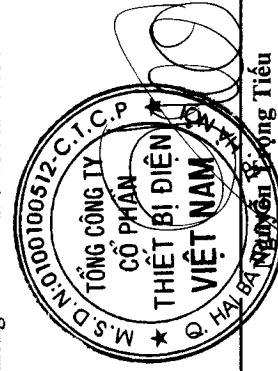
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	44.203.620.719	24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	44.203.620.719	44.203.620.719
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	448.225.217.556	60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	448.225.217.556	-
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	129.793.140.697	62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	129.793.140.697	-

(Signature)

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

(Signature)

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiếu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 09 năm 2016.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	
Ông Võ Anh Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/03/2016
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/07/2016
Ông Phạm Mạnh Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/07/2016
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/03/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/09/2016
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06/09/2016
Ông Nguyễn Đình Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/09/2016
Bà Vũ Thanh Hương	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 16/09/2016
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/09/2016
Ông Phạm Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2016 và miễn nhiệm ngày 01/09/2016
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yến	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15/09/2016
Bà Vũ Thanh Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 04/03/2016 và miễn nhiệm ngày 15/09/2016
Bà Nguyễn Thị Thanh Yến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/03/2016
Ông Phạm Thế Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/03/2016
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/03/2016
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/03/2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 10 tháng 01 năm 2017, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-13-002-1

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2017



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.387.487.256.005	1.144.269.067.995
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.952.418.381.205	121.223.651.001
111	1. Tiền		307.418.381.205	81.223.651.001
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.645.000.000.000	40.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	242.046.708.523	345.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		242.046.708.523	345.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		182.141.870.759	523.194.428.297
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	163.450.273.240	361.641.437.848
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.636.721.863	12.900.612.693
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	6.000.000.000	137.885.120.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	11.054.875.656	18.431.917.350
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	(7.680.743.874)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	16.084.280
140	IV. Hàng tồn kho	8	326.486.935	144.613.856.313
141	1. Hàng tồn kho		326.486.935	144.613.856.313
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.553.808.583	10.237.132.384
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		99.327.985	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.444.847.648	10.227.499.434
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	9.632.950	9.632.950
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.027.652.236.271	1.208.201.957.221
220	II. Tài sản cố định		353.326.135.601	469.522.667.273
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	353.326.135.601	469.522.667.273
222	- Nguyên giá		467.908.092.528	694.910.567.055
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(114.581.956.927)	(225.387.899.782)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		60.000.000	60.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(60.000.000)	(60.000.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	4.455.651.410	24.885.835.408
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.455.651.410	24.885.835.408
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	2.638.243.819.355	682.050.850.059
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.971.025.617.177	492.960.564.527
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		681.940.062.485	189.090.285.532
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(14.721.860.307)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		31.626.629.905	31.742.604.481
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	31.626.629.905	31.742.604.481
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.415.139.492.276	2.352.471.025.216

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.326.735.731.050	397.423.826.482
310	I. Nợ ngắn hạn		1.352.260.147.189	309.698.414.276
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	125.201.617.399	212.733.705.406
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		331.910.950	626.980.260
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	10.110.354.020	4.850.479.995
314	4. Phải trả người lao động		6.987.068.362	34.954.535.859
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	11.877.743.290	351.500.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	3.192.367.948	1.367.584.028
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	22.202.719.816	39.007.134.093
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	1.152.533.365.523	-
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	18.517.030.360	-
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.305.969.521	15.806.494.635
330	II. Nợ dài hạn		1.974.475.583.861	87.725.412.206
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16	46.945.637.558	36.865.162.057
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	99.062.274.095	6.200.875.882
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	1.793.713.636.364	-
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	19	25.640.119.184	35.489.024.271
343	5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		9.113.916.660	9.170.349.996
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.088.403.761.226	1.955.047.198.734
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	2.086.022.491.785	1.952.510.962.625
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.550.000.000.000	1.550.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.550.000.000.000	1.550.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		66.378.000.000	66.378.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(5.025.000.000)	(5.025.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		139.656.441.276	62.000.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		335.013.050.509	279.157.962.625
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		29.506.521.349	29.506.521.349
421b	LNST chưa phân phối năm nay		305.506.529.160	249.651.441.276
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		2.381.269.441	2.536.236.109
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	21	2.381.269.441	2.536.236.109
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.415.139.492.276	2.352.471.025.216

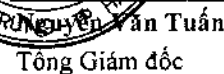


Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

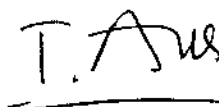
Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	1.293.217.786.441	1.357.283.426.331
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	4.106.711.000	7.207.354.930
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.289.111.075.441	1.350.076.071.401
11	4. Giá vốn hàng bán	25	1.120.538.097.570	1.139.357.295.319
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		168.572.977.871	210.718.776.082
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	270.007.989.535	156.149.387.465
22	7. Chi phí tài chính	27	34.755.728.742	971.650.284
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		19.030.934.004	556.154.000
25	8. Chi phí bán hàng	28	22.489.584.001	20.559.666.575
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	46.237.360.457	62.162.978.295
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		335.098.294.206	283.173.868.393
31	11. Thu nhập khác	30	3.524.130.157	296.526.042
32	12. Chi phí khác	31	4.613.221.981	319.553.766
40	13. Lợi nhuận khác		(1.089.091.824)	(23.027.724)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		334.009.202.382	283.150.840.669
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	28.502.673.222	33.499.399.393
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>305.506.529.160</u>	<u>249.651.441.276</u>

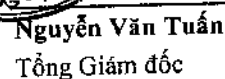


Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		334.009.202.382	283.150.840.669
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		31.053.806.242	32.309.246.080
03	- Các khoản dự phòng		15.709.241.706	1.780.163.275
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(203.142.136)	(1.558.574.765)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(264.286.035.064)	(153.654.162.634)
06	- Chi phí lãi vay		19.030.934.004	556.154.000
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		135.314.007.134	162.583.666.625
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		214.271.139.612	(114.098.714.356)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(30.917.827.848)	(65.854.733.465)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		15.789.469.476	(9.501.380.392)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(13.918.020.941)	(10.292.149.385)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.455.875.069)	(556.154.000)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(28.799.399.393)	(52.949.143.879)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(31.995.525.114)	(17.773.138.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		251.287.967.857	(108.441.746.852)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(75.048.218.349)	(95.370.629.264)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		35.001.600	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(563.274.115.123)	(277.482.014.011)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		798.112.526.600	75.879.115.073
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.668.472.430.630)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		74.175.835.400	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		221.827.695.293	149.704.055.431
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.212.643.705.209)	(147.269.472.771)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		737.100.000	216.510.000.000
32	1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		3.302.653.745.615	39.170.470.231
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(356.406.743.728)	(39.170.470.231)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(154.433.705.000)	(168.077.890.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>2.792.550.396.887</i>	<i>48.432.110.000</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.831.194.659.535	(207.279.109.623)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		121.223.651.001	328.491.195.250
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		70.669	11.565.374
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>1.952.418.381.205</u>	<u>121.223.651.001</u>

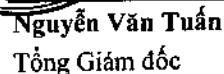


Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 09 năm 2016.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 1.550.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.550.000.000.000 đồng; tương đương 155.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thiết kế chế tạo, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thiết bị đo điện mang thương hiệu GELEX-EMIC như: Công tơ điện 1 pha, 3 pha cơ khí; Công tơ điện tử thông minh 1 pha, 3 pha đa chức năng; Máy biến dòng điện, máy biến điện áp đo lường trung thế, hạ thế và các thiết bị đo điện điện tử khác. Kinh doanh dịch vụ khách sạn.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 27/TBĐVN/NQQ-ĐHCD ngày 01 tháng 08 năm 2016 và Tờ trình số 70/TBĐVN/TTr-TGD ngày 08 tháng 08 năm 2016 về việc thông qua đề án thành lập Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện, theo đó toàn bộ tài sản hữu hình và vô hình liên quan đến hoạt động sản xuất công nghiệp hiện tại của Tổng Công ty, một phần hàng tồn kho và tài sản lưu động khác sẽ được sử dụng để góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện. Do vậy đến thời điểm cuối năm số dư hàng tồn kho của Tổng Công ty biến động lớn so với đầu năm.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

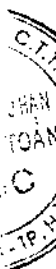
Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tổng Công ty áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành hàng hóa tối đa 5% trên giá trị hợp đồng căn cứ theo các điều khoản hợp đồng cụ thể.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán riêng là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG
NHỆM
KIỂM
AAS
KIỂM

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông tán thành thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

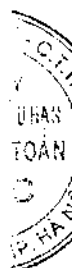
Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.



2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là: Hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp đó.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.163.674.666	709.824.907
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	306.254.706.539	80.513.826.094
Các khoản tương đương tiền	1.645.000.000.000	40.000.000.000
	<u>1.952.418.381.205</u>	<u>121.223.651.001</u>

Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	242.046.708.523	242.046.708.523	345.000.000.000	345.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	45.000.000.000	45.000.000.000	345.000.000.000	345.000.000.000
- Trái phiếu (2)	197.046.708.523	197.046.708.523	-	-
	<u>242.046.708.523</u>	<u>242.046.708.523</u>	<u>345.000.000.000</u>	<u>345.000.000.000</u>

(1) Tại thời điểm 31/12/2016, các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

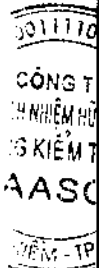
(2) Bao gồm các hợp đồng cụ thể như sau:

2.1. Hợp đồng mua bán trái phiếu số 06092016/HĐMBTP/NGUYENLATHAO-GEX-S99 ngày 06 tháng 09 năm 2016: 35 trái phiếu của Công ty Cổ phần SCI với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 35.709.722.222 đồng; Ngày phát hành: 25/12/2015; Ngày Tổng Công ty mua 06/09/2016; Ngày đáo hạn: 25/12/2018; Lãi suất: 10%/năm.

2.2. Hợp đồng mua bán trái phiếu số 27122016/HĐMBTP/MHC-GEX-VIX ngày 27 tháng 12 năm 2016: 50 trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 50 tỷ đồng; Ngày phát hành: 27/06/2016; Ngày Tổng Công ty mua 27/12/2016; Ngày đáo hạn: 27/06/2017; Lãi suất: 9%/năm.

2.3. Hợp đồng mua bán trái phiếu số 27122016/HĐMBTP/MHC-GEX-THT ngày 27 tháng 12 năm 2016: 800 trái phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây với mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 81.336.986.301 đồng; Ngày phát hành: 27/10/2016; Ngày Tổng Công ty mua 27/12/2016; Ngày đáo hạn: 27/10/2019; Lãi suất: 10%/năm.

2.4. Hợp đồng mua bán trái phiếu số 27122016/HĐMBTP/TXT-GEX-VIX ngày 27 tháng 12 năm 2016: 30 trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 30 tỷ đồng; Ngày phát hành: 27/06/2016; Ngày Tổng Công ty mua 27/12/2016; Ngày đáo hạn: 27/06/2017; Lãi suất: 9%/năm.



TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	1.971.025.617.177	-	492.960.564.527	-
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam ⁽¹⁾	484.822.695.174	-	220.957.490.174	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ⁽²⁾	214.009.733.181	-	214.009.733.181	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX ⁽³⁾	13.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương ⁽⁷⁾	-	-	27.333.284.404	-
- Công ty Cổ phần Khí cụ điện I ⁽⁸⁾	-	-	30.128.906.768	-
- Công ty TNHH GELEX Campuchia	531.150.000	-	531.150.000	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện ⁽⁴⁾	670.662.038.822	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện ⁽⁵⁾	368.000.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX ⁽⁶⁾	220.000.000.000	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	681.940.062.485	(14.721.860.307)	189.090.285.532	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	16.777.167.627	(14.721.860.307)	16.777.167.627	-
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội ⁽¹⁰⁾	-	-	5.233.587.356	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	5.332.103.750	-	5.332.103.750	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện	-	-	92.462.038.822	-
- Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	69.285.387.977	-	69.285.387.977	-
- Công ty Cổ phần Khí cụ điện I ⁽⁸⁾	36.252.566.768	-	-	-
- Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ⁽⁹⁾	554.292.836.363	-	-	-
	2.652.965.679.662	(14.721.860.307)	682.050.850.059	-



Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (1)	TP. Hồ Chí Minh	74,73%	74,73%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (2)	TP. Hà Nội	65,88%	65,88%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX (3)	TP. Hà Nội	81,25%	81,25%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Cổ phần Thiết bị điện (4)	Tỉnh Đồng Nai	70,79%	70,79%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện (5)	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất thiết bị đo điện
Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX (6)	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất và phân phối điện

(1) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI):

Trong kỳ, Tổng Công ty đã mua bổ sung thêm 2.800.000 cổ phần của CADIVI dẫn tới tỷ lệ biểu quyết và lợi ích của Tổng Công ty tăng từ 65,006% lên 74,73%.

(2) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (HEM):

Trong kỳ, HEM đã phát hành thành công cổ phiếu để trả cổ tức với số lượng cổ phiếu phân phối là 4.555.000 cổ phiếu. Do số lượng cổ phiếu để trả cổ tức không được xác định cho số lượng cổ phiếu quỹ tại Công ty con dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tăng từ 65,84% lên 65,88%.

(3) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Gelex (GELEX ICC):

Trong kỳ, Tổng Công ty đã tham gia góp vốn thành lập GELEX ICC với số tiền là 13 tỷ đồng, chiếm 81,25% vốn điều lệ.

(4) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI)

Trong kỳ, Tổng Công ty đã mua bổ sung 26.727.705 cổ phần của THIBIDI dẫn tới tỷ lệ biểu quyết và lợi ích của Tổng Công ty tăng từ 43,44% lên 70,79%. Do đó, khoản đầu tư vào THIBIDI được chuyển sang trình bày là khoản Đầu tư vào Công ty con.

(5) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo điện

Trong kỳ, Tổng Công ty thành lập Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện (GELEX EMIC), góp vốn 368 tỷ đồng, chiếm 100% tổng số vốn điều lệ.

(6) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX

Trong kỳ, Tổng Công ty thành lập Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX, với số vốn điều lệ là 500 tỷ đồng. Tính đến 31/12/2016, số vốn Tổng Công ty đã góp là 220 tỷ đồng.

(7) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương:

Trong kỳ, Tổng Công ty thực hiện thoái toàn bộ 1.793.758 cổ phần của Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương do Tổng Công ty nắm giữ.

(8) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khí cụ điện I:

Trong năm Công ty Cổ phần Khí cụ điện I hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.000 đồng. Tổng Công ty mua thêm 510.305 cổ phần tương đương với 6.123.660.000 đồng. Điều này dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51,3% xuống 49,24%. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khí cụ điện I được chuyển sang trình bày là khoản Đầu tư vào Công ty liên kết.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari (VIHEM)	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT)	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Dây đồng Việt Nam (CFT)	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I (VINAKIP)	TP. Hà Nội	49,24%	49,24%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty cổ phần kho vận Miền Nam (9)	Tp. Hồ Chí Minh	24,93%	24,93%	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển, khai thác cảng

(9) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam (SOTRANS):
Trong kỳ, Tổng Công ty thực hiện mua 21.300.000, cổ phần của SOTRANS, tỷ lệ nắm giữ là 24,93% tổng số vốn điều lệ.

(10) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội:
Trong kỳ, Tổng Công ty thực hiện thoái toàn bộ 450.000, cổ phần của Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng do Tổng Công ty nắm giữ.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 37.

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	48.006.417.479	67.408.349.632
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	81.430.811.033	112.574.675.940
- Công ty TNHH GELEX Campuchia	10.881.605.862	33.308.028.708
- Các khoản phải thu khách hàng khác	23.131.438.866	148.350.383.568
	163.450.273.240	361.641.437.848
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.	92.658.489.064	166.832.496.966

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	-	95.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	-	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	2.000.000.000	12.385.120.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	4.000.000.000	4.500.000.000
	6.000.000.000	137.885.120.000

Số dư phản ánh các khoản cho vay kỳ hạn 06 tháng với lãi suất 6%/năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

7 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.741.704.141	-	5.319.317.210	-
Tạm ứng	149.000.000	-	801.695.136	-
Ký cược, ký quỹ	22.470.000	-	22.470.000	-
Tiền mua thêm cổ phần Công ty Cổ phần khí cụ điện 1	-	-	6.123.660.000	-
Phải thu Công ty GELEX Cambodia	4.957.327.000	-	4.957.327.000	-
Tạm ứng tiền thưởng HĐQT, ban điều hành	3.000.000.000	-	1.100.000.000	-
Phải thu khác	184.374.515	-	107.448.004	-
	11.054.875.656	-	18.431.917.350	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	326.486.935	-	61.000.123.485	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	824.160.806	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	5.056.533.174	-
Thành phẩm	-	-	77.733.038.848	-
	326.486.935	-	144.613.856.313	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4.455.651.410	24.806.235.408
- Văn phòng - Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội	4.138.214.910	4.138.214.910
- Trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành, Hà Nội	-	4.526.282.862
- Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất	-	16.141.737.636
- Xây dựng cơ bản dở dang khác	317.436.500	-
Mua sắm tài sản cố định	-	79.600.000
	4.455.651.410	24.885.835.408

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

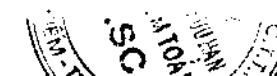
10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	420.798.728.897	171.158.700.386	18.343.398.586	84.609.739.186	694.910.567.055
- Mua trong năm	-	33.192.870.840	1.123.730.909	301.488.454	34.618.090.203
- Điều chỉnh theo giá trị quyết toán XDCB hoàn thành	(868.795.880)	4.644.221.878	-	18.339.099.191	22.114.525.189
- Thanh lý, nhượng bán	-	(12.446.679.800)	-	-	(12.446.679.800)
- Giảm do góp vốn vào Công ty TNHH MTV Thiết bị đc điện	(106.614.654.999)	(147.736.025.353)	(9.470.588.586)	(7.467.141.181)	(271.288.410.119)
Số dư cuối năm	313.315.278.018	48.813.087.951	9.996.540.909	95.783.185.650	467.908.092.528
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	119.102.763.701	90.502.161.655	8.765.785.526	7.017.188.900	225.387.899.782
- Khấu hao trong năm	11.976.347.113	9.095.683.653	1.951.896.537	8.029.878.939	31.053.806.242
- Hao mòn trong năm (*)	-	211.400.004	-	-	211.400.004
- Điều chỉnh theo giá trị quyết toán XDCB hoàn thành	-	-	-	(813.477.557)	(813.477.557)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(12.446.679.800)	-	-	(12.446.679.800)
- Giảm do góp vốn vào Công ty TNHH MTV Thiết bị đc điện	(58.737.675.725)	(62.650.925.492)	(6.095.790.635)	(1.326.599.892)	(128.810.991.744)
Số dư cuối năm	72.341.435.089	24.711.640.020	4.621.891.428	12.906.990.390	114.581.956.927
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	301.695.965.196	80.656.538.731	9.577.613.060	77.592.550.286	469.522.667.273
Tại ngày cuối năm	240.973.842.929	24.101.447.931	5.374.649.481	82.876.195.260	353.326.135.601

(*) Phần khấu hao trong năm của các tài sản hình thành từ nguồn kinh phí hình thành Tài sản cố định và Quỹ phát triển Khoa học Công nghệ

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 54.100.944.600 đồng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Phần mềm máy tính với nguyên giá tại ngày 31/12/2016 là 60.000.000 đồng và Tài sản này đã hết khấu hao.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	520.485.896	8.034.397.930
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.868.140.454	1.765.980.114
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	12.743.034.340	13.276.448.872
Chi phí thuê đất	7.392.210.744	7.589.145.708
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.102.758.471	1.076.631.857
	31.626.629.905	31.742.604.481

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	-	-	24.860.000.000	24.860.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Lạc Hồng	-	-	28.126.311.000	28.126.311.000
Công ty Cổ phần Dây đồng CFT	43.365.078.051	43.365.078.051	75.512.559.134	75.512.559.134
Công ty Cổ phần Kim loại màu và nhựa Đồng Việt	-	-	37.372.908.100	37.372.908.100
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	74.981.795.916	74.981.795.916	-	-
Phải trả các đối tượng khác	6.854.743.432	6.854.743.432	46.861.927.172	46.861.927.172
	125.201.617.399	125.201.617.399	212.733.705.406	212.733.705.406
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)				
	118.946.223.516	118.946.223.516	118.252.895.492	118.252.895.492

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	9.632.950	-	35.823.829.135	35.823.829.135	9.632.950	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	175.997.944	175.997.944	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	4.499.399.393	31.218.948.141	28.799.399.393	-	6.918.948.141
Thuế Thu nhập cá nhân	-	351.080.602	7.810.067.266	7.136.172.601	-	1.024.975.267
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	5.544.225.250	4.212.440.810	-	1.331.784.440
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	834.646.172	-	-	834.646.172
	9.632.950	4.850.479.995	81.412.713.908	76.152.839.883	9.632.950	10.110.354.020

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	10.575.058.935	-
- Chi phí kiểm toán	597.272.727	270.000.000
- Chi phí phải trả khác	705.411.628	81.500.000
	11.877.743.290	351.500.000

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	3.192.367.948	1.367.584.028
	3.192.367.948	1.367.584.028
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	46.945.637.558	36.865.162.057
	46.945.637.558	36.865.162.057

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	48.160.884	1.351.187.456
- Bảo hiểm xã hội	8.934.072	45.237.672
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	208.050.000	83.532.600
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	196.615.000	130.320.000
- Thuế TNCN thu thừa của cán bộ công nhân viên	1.003.454.860	619.069.521
- Đặt cọc thực hiện dự án Trụ sở số 10 Trần Nguyễn Hãn, Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
- Phải trả Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Emic	-	16.699.815.109
- Các cổ đông nộp tiền mua cổ phần phát hành thêm (*)	737.100.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	405.000	77.971.735
	22.202.719.816	39.007.134.093
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.062.274.095	6.200.875.882
- Công ty Cổ phần Chứng khoán IB đặt mua chứng quyền (**)	90.000.000.000	-
	99.062.274.095	6.200.875.882

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCD ngày 01/08/2016 thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ với một số nội dung chính như sau:

- + Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 77.250.000 cổ phần;
- + Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông;
- + Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu;
- + Tỷ lệ phát hành: tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần là 2:1;
- + Giá phát hành: 18.000 đồng/cổ phần.

(**) Công ty Cổ phần Chứng khoán IB đặt mua Chứng quyền với các nội dung chính như sau:

1. Hợp đồng đặt mua chứng quyền số 20161206/HĐ/IBSC-GEX ngày 06 tháng 12 năm 2016:

- + Số lượng Chứng quyền đặt mua: 1.000 Chứng quyền;
- + Ngày phát hành: Ngày 08 tháng 12 năm 2016;
- + Thời hạn hiệu lực tối đa: 36 tháng;
- + Giá mua: 50.000.000 đồng/Chứng quyền;
- + Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi Chứng quyền: 50.000 cổ phần.
- + Giá mua cổ phần được áp dụng tại mỗi thời điểm phát hành Trái phiếu kèm chứng quyền là 20.000 đồng/cổ phiếu. Giá mua mỗi cổ phần khi thực hiện chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng theo hợp đồng và trong mọi trường hợp, giá mua cổ phần khi thực hiện chứng quyền không thấp hơn 10.000 đồng/ cổ phần.
- + Thời điểm thực hiện chứng quyền: được thực hiện 02 lần trong thời gian hiệu lực của chứng quyền. Đợt 01 không muộn hơn ngày 30/06/2018, đợt 02 không muộn hơn ngày 30/06/2019.

2. Hợp đồng đặt mua chứng quyền số 20161212/HĐ/IBSC-GEX ngày 12 tháng 12 năm 2016 với một số nội dung chính như sau:

- + Số lượng Chứng quyền đặt mua: 800 Chứng quyền;
- + Ngày phát hành: Ngày 13 tháng 12 năm 2016;
- + Thời hạn hiệu lực tối đa: 36 tháng;
- + Giá mua: 50.000.000 đồng/Chứng quyền;
- + Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi Chứng quyền: 50.000 cổ phần.
- + Giá mua cổ phần được áp dụng tại mỗi thời điểm phát hành Trái phiếu kèm chứng quyền là 20.000 đồng/cổ phiếu. Giá mua mỗi cổ phần khi thực hiện chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng theo hợp đồng và trong mọi trường hợp, giá mua cổ phần khi thực hiện chứng quyền không thấp hơn 10.000 đồng/ cổ phần.
- + Thời điểm thực hiện chứng quyền: được thực hiện 02 lần trong thời gian hiệu lực của chứng quyền. Đợt 01 không muộn hơn ngày 30/06/2018, đợt 02 không muộn hơn ngày 30/06/2019.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

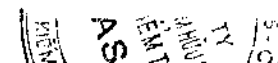
Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

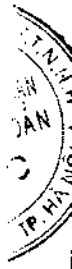
18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	-	-	96.070.367.292	52.850.922.575	43.219.444.717	43.219.444.717
- Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - Sở giao dịch	-	-	100.000.660.000	100.000.660.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội ⁽²⁾	-	-	1.198.200.000.000	120.000.000.000	1.078.200.000.000	1.078.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Ba Đình ⁽³⁾	-	-	49.320.351.661	18.206.430.855	31.113.920.806	31.113.920.806
- Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	-	-	19.925.295.679	19.925.295.679	-	-
- Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	-	-	13.544.234.646	13.544.234.646	-	-
- Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	-	-	31.879.199.973	31.879.199.973	-	-
	-	-	1.508.940.109.251	356.406.743.728	1.152.533.365.523	1.152.533.365.523
b) Vay dài hạn						
- Trái phiếu thương mại ⁽⁴⁾	-	-	1.793.713.636.364	-	1.793.713.636.364	1.793.713.636.364
	-	-	1.793.713.636.364	-	1.793.713.636.364	1.793.713.636.364
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	1.793.713.636.364	1.793.713.636.364



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Thỏa thuận sửa đổi thư cho vay số AC2- STVN715-14 ngày 26 tháng 02 năm 2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 2.500.000 USD;
 - + Mục đích vay: dùng cho mục đích tài trợ thanh toán nguyên vật liệu của bên vay theo quy định pháp luật Việt Nam;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 01 năm;
 - + Lãi suất cho vay: theo từng khoản ứng vay. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay tại thời điểm 31/12 là 5,4%/năm đến 5,5%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTDTL/NHCT106-GELEX ngày 15 tháng 11 năm 2016, giấy nhận nợ số 01 ngày 15/11/2016; Hợp đồng tín dụng số 02/2016/HĐTDTL/NHCT106-GELEX ngày 15 tháng 11 năm 2016, giấy nhận nợ số 01 ngày 15/11/2016 và Hợp đồng tín dụng số 03/2016/HĐTDTL/NHCT106-GELEX ngày 21 tháng 12 năm 2016, giấy nhận nợ số 01 ngày 21/12/2016:
- + Số tiền giải ngân: 1.078,2 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư mua cổ phần của Công ty cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI); và của Công ty cổ phần Kho vận miền Nam (SOTRANS);
 - + Thời hạn của các khoản vay: 03 tháng.
 - + Lãi suất cho vay: lãi suất tại thời điểm giải ngân từ 5%/năm đến 5,1% /năm.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 2107HĐTĐ.VIB.006.2016 ngày 21 tháng 07 năm 2016 và đơn đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ số 2107.01 ngày 26/08/2016, số 2107.02 ngày 14/10/2016 và số 2107.03 ngày 02/11/2016:
- + Số tiền giải ngân: 31.113.920.806 VNĐ;
 - + Mục đích vay: Thanh toán tiền mua đồng;
 - + Thời hạn của khoản vay: từ 04 tháng đến 06 tháng.
 - + Lãi suất cho vay: lãi suất tại thời điểm giải ngân từ 4,9%/năm đến 5,4%/năm, được điều chỉnh 02 tuần/01 lần và phù hợp với các quy định của pháp luật về lãi suất và chính sách của VIB tại từng thời kỳ.



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (4.1) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 612/2016/HDDM.TP/VIB-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chi nhánh Ba Đình ngày 06/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Mục đích phát hành trái phiếu: Góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Bất động sản Gelex, bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, cơ cấu lại các khoản nợ của doanh nghiệp và các mục đích hợp pháp khác;
 - + Số lượng trái phiếu: 1.000 (Một nghìn) Trái phiếu;
 - + Ngày phát hành: 08/12/2016;
 - + Ngày đáo hạn: 08/12/2019;
 - + Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000.000 (Một tỷ đồng).
 - + Tài sản đảm bảo: Giá trị trái phiếu được đảm bảo bằng 20.500.000 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (Cadivi); 20.500.000 cổ phần phổ thông của Cadivi mà Tổng Công ty dự kiến sẽ mua thêm trong quý 1/2017 và phần vốn góp của Tổng công ty vào Công ty TNHH MTV bất động sản Gelex được hình thành từ nguồn vốn phát hành trái phiếu này.
- (4.2) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01.2016/HDDM/TPBANK-GELEX ngày 12/12/2016 giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Tiên Phong với các điều khoản chi tiết sau:
- + Mục đích phát hành trái phiếu: Góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex, bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh và các mục đích hợp pháp khác;
 - + Số lượng trái phiếu: 800 (Tám trăm) trái phiếu;
 - + Ngày phát hành: 12/12/2016;
 - + Ngày đáo hạn: 12/12/2019;
 - + Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000.000 (Một tỷ đồng).
 - + Tài sản đảm bảo: Giá trị trái phiếu được đảm bảo bằng công trình trên đất là tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, 10.946.969 cổ phần Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (Thibidi), 24.242.245 cổ phần Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM), 23.600.000 cổ phần hạn chế chuyển nhượng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (Thibidi) và phần vốn góp của tổ chức phát hành tại Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex có nguồn gốc từ trái phiếu phát hành.

19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	18.517.030.360	-
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	18.517.030.360	-
	18.517.030.360	-
b) Dài hạn	25.640.119.184	35.489.024.271
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	25.640.119.184	35.489.024.271
	25.640.119.184	35.489.024.271

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.400.000.000.000	-	(5.025.000.000)	32.500.000.000	242.561.521.349	1.670.036.521.349
Tăng vốn trong năm trước	150.000.000.000	66.378.000.000	-	-	-	216.378.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	249.651.441.276	249.651.441.276
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	29.500.000.000	(213.055.000.000)	(183.555.000.000)
Số dư cuối năm trước	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	62.000.000.000	279.157.962.625	1.952.510.962.625
Số dư đầu năm nay (*)	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	62.000.000.000	279.157.962.625	1.952.510.962.625
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	305.506.529.160	305.506.529.160
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	77.656.441.276	(249.651.441.276)	(171.995.000.000)
Số dư cuối năm nay	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	139.656.441.276	335.013.050.509	2.086.022.491.785

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 26/06/2015 của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nhằm mục đích phục vụ mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngày 06 tháng 08 năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện chào bán hết 15 triệu cổ phiếu như kế hoạch cho Công ty Cổ phần chứng khoán Bản Việt với giá bán 14.434 đồng/cổ phần. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang thực hiện sử dụng nguồn vốn theo đúng như cam kết tại các văn bản đã được thông qua.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 19/TBĐVN/NQ-ĐHCD ngày 04 tháng 03 năm 2016, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	249.651.441.276
Trích Quỹ đầu tư phát triển	31,11%	77.656.441.276
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6,00%	15.000.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ)	61,89%	154.500.000.000
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	1,00%	2.495.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư GEX	23,09%	357.968.000.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	76,59%	1.187.032.000.000	99,68%	1.545.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	0,32%	5.000.000.000	0,32%	5.000.000.000
	100%	1.550.000.000.000	100%	1.550.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.550.000.000.000	1.550.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	150.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	1.550.000.000.000	1.550.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.000.000	155.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	155.000.000	155.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	155.000.000	155.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	500.000	500.000
- Cổ phiếu phổ thông	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	154.500.000	154.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	154.500.000	154.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	139.656.441.276	62.000.000.000
	139.656.441.276	62.000.000.000

21 . NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

- Nguồn vốn hình thành: do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp;
- Mục đích: thực hiện các dự án theo chương trình “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng” cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015;
- Tài sản hình thành từ chương trình bao gồm: Bàn kiểm công tơ 3 pha và Thiết bị đo phóng điện cục bộ. Nguyên giá của các tài sản nêu trên là 2.736.000.000 đồng; hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2016 là 354.730.559 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	447,53	18.692
- Đồng Yên Nhật (JPY)	-	33.000

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.237.905.691.098	1.310.783.862.305
Doanh thu cung cấp dịch vụ	55.312.095.343	46.499.564.026
	<u>1.293.217.786.441</u>	<u>1.357.283.426.331</u>

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	4.106.711.000	7.207.354.930
	<u>4.106.711.000</u>	<u>7.207.354.930</u>

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.084.608.998.946	1.109.477.868.780
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	35.929.098.624	29.879.426.539
	<u>1.120.538.097.570</u>	<u>1.139.357.295.319</u>

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	29.612.865.724	23.504.403.723
Lãi bán các khoản đầu tư	41.608.963.640	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	189.637.216.500	130.149.758.911
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	303.808.135	936.650.066
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	203.142.136	1.558.574.765
Lãi bán trái phiếu	8.641.993.400	-
	<u>270.007.989.535</u>	<u>156.149.387.465</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	19.030.934.004	556.154.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	684.561.102	415.496.284
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	14.721.860.307	-
Chi phí tài chính khác	318.373.329	-
	<u>34.755.728.742</u>	<u>971.650.284</u>

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.092.745.045	1.980.426.567
Chi phí nhân công	1.317.303.662	1.367.984.102
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.059.344.811	11.735.227.046
Chi phí khác bằng tiền	2.325.076.429	4.103.128.598
Chi phí bảo hành	8.695.114.054	1.372.900.262
	<u>22.489.584.001</u>	<u>20.559.666.575</u>

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.185.601.659	2.534.340.155
Chi phí nhân công	27.487.817.753	24.056.183.457
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.427.133.546	972.630.390
Thuế, phí, lệ phí	5.397.553.706	7.094.121.735
Hoàn nhập dự phòng	(9.246.572.320)	6.001.385.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.621.475.346	11.105.492.580
Chi phí khác bằng tiền	8.364.350.767	10.398.824.768
	<u>46.237.360.457</u>	<u>62.162.978.295</u>

30 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	35.001.600	136.004.242
Lãi do đánh giá lại tài sản	3.391.987.600	-
Thu nhập khác	97.140.957	160.521.800
	<u>3.524.130.157</u>	<u>296.526.042</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	1.974.306
Các khoản bị phạt	4.135.231.423	-
Chi phí khác	477.990.558	317.579.460
	4.613.221.981	319.553.766

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	334.009.202.382	283.150.840.669
Các khoản điều chỉnh tăng	6.025.266.239	1.450.715.900
- Chi phí không hợp lệ	6.025.266.239	1.450.715.900
Các khoản điều chỉnh giảm	(197.521.102.510)	(132.331.559.328)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(189.637.216.500)	(130.149.758.911)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(203.142.136)	(1.641.800.417)
- Các khoản Khác(chi phí đã tính thuế năm trước)	(7.680.743.874)	(540.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	142.513.366.111	152.269.997.241
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28.502.673.222	33.499.399.393
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước tăng thuế TNDN phải nộp năm nay	2.716.274.919	222.650.608
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	4.499.399.393	23.726.493.271
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(28.799.399.393)	(52.949.143.879)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	6.918.948.141	4.499.399.393

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	525.966.812.318	466.375.144.122
Chi phí nhân công	60.542.618.134	79.384.858.195
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.053.806.242	32.069.629.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.276.418.882	37.838.941.307
Chi phí khác bằng tiền	40.478.106.989	30.262.682.550
	667.317.762.565	645.931.255.582

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.952.418.381.205	-	121.223.651.001	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	174.505.148.896	-	380.073.355.198	(7.680.743.874)
Các khoản cho vay	248.046.708.523	-	482.885.120.000	-
	2.374.970.238.624	-	984.182.126.199	(7.680.743.874)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	2.946.247.001.887	-
Phải trả người bán, phải trả khác	246.466.611.310	257.941.715.381
Chi phí phải trả	11.877.743.290	351.500.000
	3.204.591.356.487	258.293.215.381

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản trương đương tiền	1.952.418.381.205	-	-	1.952.418.381.205
Phải thu khách hàng, phải thu khác	174.505.148.896	-	-	174.505.148.896
Các khoản cho vay	248.046.708.523	-	-	248.046.708.523
	<u>2.374.970.238.624</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.374.970.238.624</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản trương đương tiền	121.223.651.001	-	-	121.223.651.001
Phải thu khách hàng, phải thu khác	372.392.611.324	-	-	372.392.611.324
Các khoản cho vay	482.885.120.000	-	-	482.885.120.000
	<u>976.501.382.325</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>976.501.382.325</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	1.152.533.365.523	1.793.713.636.364	-	2.946.247.001.887
Phải trả người bán, phải trả khác	147.404.337.215	99.062.274.095	-	246.466.611.310
Chi phí phải trả	11.877.743.290	-	-	11.877.743.290
	<u>1.311.815.446.028</u>	<u>1.892.775.910.459</u>	<u>-</u>	<u>3.204.591.356.487</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	251.740.839.499	6.200.875.882	-	257.941.715.381
Chi phí phải trả	351.500.000	-	-	351.500.000
	<u>252.092.339.499</u>	<u>6.200.875.882</u>	<u>-</u>	<u>258.293.215.381</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCD ngày 01 tháng 08 năm 2016, Tổng Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ như sau:

- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 77.250.000 cổ phần;
- Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần;
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu;
- Tỷ lệ phát hành: Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần là 2:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần tương ứng với 1 quyền, 2 quyền được mua 1 cổ phần mới);
- Giá phát hành: 18.000 đồng/cổ phần;
- Thời gian thực hiện dự kiến: Ủy quyền cho HĐQT quyết định sau khi được UBCK Nhà nước cấp phép;
- Phương án sử dụng vốn:
 - + Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện thông qua việc mua cổ phần chào bán cho cổ đông chiến lược (578.200.000.000 đồng);
 - + Đầu tư vào ngành logistics thông qua việc tìm kiếm, thương thảo để mua cổ phần chi phối của các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả trong ngành, bao gồm Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam và các doanh nghiệp khác (812.300.000.000 đồng).

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lập và phê duyệt phương án sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích nói trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng số 20/2017/GELEX-BC ngày 23 tháng 01 năm 2016 của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam và Công văn số 534/UBCK-QLCB ngày 23 tháng 01 năm 2017 về việc xác nhận đã nhận Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng số 20/2017/GELEX-BC ngày 23/01/2017 của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam ngày 23 tháng 01 năm 2017 thì số lượng cổ phiếu đã phát hành thành công là 77.000.000 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Tổng Công ty lên là 2.320.000.000.000 đồng.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty là hoạt động sản xuất, thương mại trong lĩnh vực thiết bị điện và hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

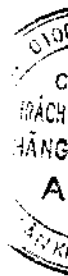
Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Góp vốn/mua thêm phần vốn góp		2.003.481.701.363	-
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	263.865.205.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	Công ty con	13.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty con	578.200.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo điện	Công ty con	368.000.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	Công ty con	220.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I		6.123.660.000	-
Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam	Công ty liên kết	554.292.836.363	-
Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ		504.624.709.940	678.317.840.669
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	430.814.881.551	570.920.260.544
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	6.400.948.853	8.697.244.120
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	Công ty con	406.823.092	-
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Công ty con	7.918.490.916	24.751.354.967
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo điện	Công ty con	4.996.743.495	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	14.082.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT)	Công ty liên kết	37.439.457.864	58.587.141.625
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty con	14.100.872.300	12.520.597.680
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	487.090.869	471.927.233
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	2.045.319.000	2.369.314.500

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Giao dịch phát sinh trong năm (tiếp theo):			
Mua hàng hóa dịch vụ		835.432.783.491	713.251.336.333
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	910.125.908	3.133.644.387
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	227.548.633.432	110.423.793.474
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	Công ty con	3.728.481.818	-
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo điện	Công ty con	137.320.992.010	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	5.660.806.538	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT)	Công ty liên kết	89.182.795.835	124.141.279.511
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty liên kết	27.000.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	371.053.947.950	452.947.619.761
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	-	4.999.200
Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai	Công ty con gián tiếp	-	22.600.000.000
Lãi cho vay vốn		3.691.049.433	7.155.124.225
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	2.839.495.833	5.700.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	371.553.600	743.107.200
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT)	Công ty liên kết	480.000.000	458.333.333
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	-	253.683.692
Cổ tức, lợi nhuận được chia		189.637.216.500	127.100.370.311
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	56.165.472.000	56.165.472.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	36.088.875.000	29.720.250.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	2.690.637.000	1.490.700.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại	Công ty liên kết	1.020.000.000	765.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty liên kết	65.824.025.000	19.548.160.000
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	24.378.127.500	15.940.708.311
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	3.470.080.000	3.470.080.000



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		92.658.489.064	166.832.496.966
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	81.430.811.033	112.574.675.940
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	485.617	1.362.619.291
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	Công ty con	297.221.650	-
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Công ty con	10.881.605.862	33.308.028.708
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo điện	Công ty con	48.364.902	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT)	Công ty liên kết	-	18.326.134.743
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty con	-	934.193.084
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	-	326.845.200
Phải thu khác		4.957.327.000	11.080.987.000
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Công ty con	4.957.327.000	4.957.327.000
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	-	6.123.660.000
Phải trả người bán ngắn hạn		118.946.223.516	118.252.895.492
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	-	6.250.527.015
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	599.349.549	11.629.809.343
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo điện	Công ty con	74.981.795.916	-
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	43.365.078.051	75.512.559.134
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty con	-	24.860.000.000
Phải thu lãi cho vay		2.288.926.363	5.045.706.096
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	-	2.850.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	2.288.926.363	1.917.372.763
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT)	Công ty liên kết	-	278.333.333
Phải trả khác		-	16.699.815.109
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT)	Công ty liên kết	-	16.699.815.109

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	9.689.278.415	4.321.100.000

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Năm 2016, Tổng Công ty thay đổi phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp. Do đó, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng năm 2015 đã được Tổng Công ty lập lại theo phương pháp gián tiếp để so sánh với số liệu năm nay.



Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2017



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Trang

02-03

04-05

06-48

06-07

08

09-10

11-48



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 09 năm 2016.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	
Ông Võ Anh Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/03/2016
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/07/2016
Ông Phạm Mạnh Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/07/2016
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/03/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/09/2016
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06/09/2016
Ông Nguyễn Đình Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/09/2016
Bà Vũ Thanh Hương	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 16/09/2016
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/09/2016
Ông Phạm Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2016 và miễn nhiệm ngày 01/09/2016
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15/09/2016
Bà Vũ Thanh Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 04/03/2016 và miễn nhiệm ngày 15/09/2016
Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Thành viên	Miễn nhiệm trưởng ban ngày 04/03/2016
Ông Phạm Thế Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/03/2016
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/03/2016
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/03/2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 24 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-13-002-1



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.328.645.878.889	3.098.121.929.560
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.912.224.131.908	518.493.494.834
111	1. Tiền		551.676.131.908	337.190.219.960
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.360.548.000.000	181.303.274.874
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	353.394.502.790	448.433.560.889
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		353.394.502.790	448.433.560.889
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.489.502.751.011	1.006.793.864.550
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.235.953.581.919	964.049.114.852
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	40.031.806.525	42.533.295.302
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	6.000.000.000	33.193.522.700
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	244.595.334.365	12.644.761.572
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(37.077.971.798)	(46.632.565.353)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	1.005.735.477
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.540.458.703.992	1.089.029.229.696
141	1. Hàng tồn kho		1.546.458.431.143	1.094.473.019.541
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(5.999.727.151)	(5.443.789.845)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		33.065.789.188	35.371.779.591
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.500.945.005	2.406.586.738
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		25.951.710.367	32.948.871.522
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	3.613.133.816	16.321.331
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.456.499.987.197	1.819.382.361.671
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		441.000.000	395.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	441.000.000	395.000.000
220	II. Tài sản cố định		1.023.040.244.851	981.971.979.497
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	975.880.073.518	925.140.436.177
222	- Nguyên giá		1.911.762.321.559	1.715.524.224.347
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(935.882.248.041)	(790.383.788.170)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	47.160.171.333	56.831.543.320
228	- Nguyên giá		58.439.178.735	68.819.552.152
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(11.279.007.402)	(11.988.008.832)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	233.426.742.295	44.873.799.497
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		233.426.742.295	44.873.799.497
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.003.976.347.979	646.827.240.129
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.000.267.658.228	638.870.867.329
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.495.681.301	8.491.514.600
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(386.991.550)	(535.141.800)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		600.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		195.615.652.072	145.314.342.548
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	189.278.626.743	143.919.494.156
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		6.337.025.329	1.394.848.392
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.785.145.866.086	4.917.504.291.231

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

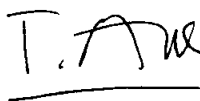
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.508.403.128.098	1.924.215.058.500
310	I. Nợ ngắn hạn		3.386.760.296.729	1.800.610.784.387
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	559.236.044.059	571.664.467.750
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		38.263.732.896	95.368.632.658
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	57.562.288.051	29.164.746.632
314	4. Phải trả người lao động		124.492.002.513	110.252.303.880
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	49.531.866.288	34.017.384.934
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		20.332.886.290	18.530.302.185
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	321.691.299.837	365.956.116.354
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	1.998.916.461.904	504.114.164.978
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	171.927.161.506	43.641.992.233
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		44.806.553.385	27.900.672.783
330	II. Nợ dài hạn		2.121.642.831.369	123.604.274.113
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		46.945.637.558	36.865.162.057
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	102.812.274.095	8.900.875.882
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	1.890.468.227.369	17.213.189.000
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		660.216.395	234.802.801
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	20	40.384.873.750	49.382.894.377
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		40.371.602.202	11.007.349.996
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.276.742.737.988	2.993.289.232.731
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	3.272.769.249.866	2.981.559.990.574
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.550.000.000.000	1.550.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>1.550.000.000.000</i>	<i>1.550.000.000.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		66.378.000.000	66.378.000.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		77.388.963.577	47.050.714.170
415	4. Cổ phiếu quỹ		(5.026.115.259)	(5.025.000.000)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		83.604.392	84.376.333
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		208.668.128.206	123.438.566.724
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		677.140.203.246	744.300.401.229
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>		<i>215.405.554.558</i>	<i>423.190.425.666</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>461.734.648.688</i>	<i>321.109.975.563</i>
429	9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		698.136.465.704	455.332.932.118
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		3.973.488.122	11.729.242.157
431	1. Nguồn kinh phí		(25.923.000)	4.011.662.947
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		3.999.411.122	7.717.579.210
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.785.145.866.086	4.917.504.291.231




Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

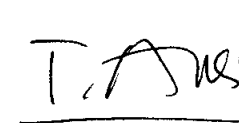

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	7.409.353.474.617	8.630.723.684.053
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	112.240.139.749	248.016.241.157
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.297.113.334.868	8.382.707.442.896
11	4. Giá vốn hàng bán	25	6.328.866.193.807	7.276.539.684.313
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		968.247.141.061	1.106.167.758.583
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	247.494.914.074	130.147.064.204
22	7. Chi phí tài chính	27	75.035.117.287	130.345.487.560
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(18.053.965.426)	5.198.438.999
25	9. Chi phí bán hàng	28	148.661.288.583	201.090.967.584
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	253.579.232.454	338.748.091.893
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		720.412.451.385	571.328.714.749
31	12. Thu nhập khác		8.239.472.445	6.462.728.666
32	13. Chi phí khác		29.009.873.831	3.388.813.123
40	14. Lợi nhuận khác		(20.770.401.386)	3.073.915.543
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		699.642.049.999	574.402.630.292
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		119.789.766.028	118.297.862.487
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		357.066.668	108.281.913
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>579.495.217.303</u>	<u>455.996.485.892</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		461.734.648.688	321.109.975.563
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		117.760.568.615	134.886.510.329
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.989	2.208
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	1.995	



Dương Việt Nga
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		699.642.049.999	574.402.630.292
	6. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		125.995.802.391	97.653.503.258
03	- Các khoản dự phòng		6.922.799.298	74.716.618.222
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.399.338.600)	(2.145.269.575)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(216.397.198.026)	(172.372.046.107)
06	- Chi phí lãi vay		67.726.821.032	54.828.381.840
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	14 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		682.490.936.094	627.083.817.930
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(77.850.159.753)	(215.694.534.103)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		345.923.720.112	(128.528.629.928)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(535.639.237.202)	194.224.395.547
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(47.417.193.163)	(28.788.629.089)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(55.722.805.787)	(55.392.795.264)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(112.938.901.052)	(131.795.278.086)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		11.795.857.545	40.217.626.226
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(63.981.574.353)	(295.788.764.748)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		146.660.642.441	5.537.208.485
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(379.654.472.396)	(201.507.426.652)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		384.745.165	702.080.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(681.574.588.946)	(459.193.246.676)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		886.789.206.156	282.085.422.960
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(755.196.492.305)	(95.653.040.249)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		42.889.376.109	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		189.632.396.012	120.822.728.550
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(696.729.830.205)	(352.743.482.067)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

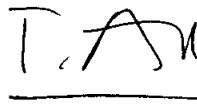

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		2.211.060.000	224.306.340.000
32	1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		5.455.770.445.434	1.473.067.321.335
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(2.361.061.793.228)	(1.377.507.233.285)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(153.614.446.335)	(225.079.517.819)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>2.943.305.265.871</i>	<i>94.786.910.231</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.393.236.078.107	(252.419.363.351)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		518.493.494.834	770.927.664.834
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		494.558.967	(14.806.649)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>2.912.224.131.908</u>	<u>518.493.494.834</u>



Dương Việt Nga
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 09 năm 2016.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 1.550.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.550.000.000.000 đồng; tương đương 155.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thiết kế chế tạo, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thiết bị đo điện mang thương hiệu GELEX-EMIC như: Công tơ điện 1 pha, 3 pha cơ khí; Công tơ điện tử thông minh 1 pha, 3 pha đa chức năng; Máy biến dòng điện, máy biến điện áp đo lường trung thế, hạ thế và các thiết bị đo điện điện tử khác. Kinh doanh dịch vụ khách sạn.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2016, Công ty mẹ và các Công ty thành viên của Tổng Công ty đều kinh doanh có lãi tăng so với cùng kỳ năm trước. Mặt khác, trong năm Tổng Công ty thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương, Công ty Cổ phần Vật tư Xây dựng Hà Nội dẫn đến doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng đột biến so với cùng kỳ năm trước.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**Cấu trúc Tập đoàn**- **Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	74,73%	74,73%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	TP. Hà Nội	65,88%	65,88%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	TP. Hà Nội	81,25%	81,25%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	70,79%	70,79%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty TNHH MTV thiết bị đo điện	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất thiết bị đo điện
Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

- **Tổng Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,14%	23,14%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	TP. Hà Nội	49,24%	49,24%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Kho vận Miền nam	TP. Hồ Chí Minh	24,93%	24,93%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

- Thông tin về tái cấu trúc Tổng Công ty:

- Trong năm Công ty Cổ phần Khí cụ điện I hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.000 đồng. Tổng Công ty mua thêm 510.305 cổ phần tương đương với 6.123.660.000 đồng. Điều này dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51,03% xuống 49,24%. Thời điểm hoàn tất việc phát hành tăng vốn là ngày 18 tháng 01 năm 2016. Do vậy, trên báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khí cụ điện I đang được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

- Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ 1.793.758 cổ phần của Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương do Tổng Công ty đang nắm giữ trong kỳ tại ngày 13 tháng 06 năm 2016. Do vậy, số liệu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016 không bao gồm số liệu của Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương, số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2016 và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất tương ứng đã bao gồm số liệu của Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

- Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội. Do vậy, đến thời điểm 31/12/2016, Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội không còn là công ty liên kết của Tổng Công ty và không được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

- Trong năm, Tổng Công ty đã mua bổ sung thêm 2.800.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam dẫn tới tỷ lệ biểu quyết và lợi ích của Tổng Công ty tăng từ 65,006% lên 74,73%.

- Trong năm, Tổng Công ty đã mua bổ sung 26.727.705 cổ phần của Công ty Cổ phần Thiết bị điện (Thibidi) dẫn tới tỷ lệ biểu quyết và lợi ích của Tổng Công ty tăng từ 43,44% lên 70,79%. Do đó, khoản đầu tư vào (Thibidi) được chuyển sang trình bày là khoản Đầu tư vào Công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Tổng Công ty.

- Trong năm, Tổng Công ty đã mua 21.300.000 cổ phần của Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam (Sotrans), chiếm 24,93% tổng số cổ phần đang lưu hành tại Sotrans. Khoản đầu tư này tại thời điểm 31/12/2016 đang được Tổng Công ty ghi nhận là khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Các phương pháp kế toán khác khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn:

- Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết của công ty mẹ và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu: Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại theo giá trị hợp lý và phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Trường hợp sau khi nắm giữ quyền kiểm soát tại công ty con, công ty mẹ tiếp tục mua thêm tài sản thuần của công ty con từ các cổ đông không kiểm soát để nâng tỷ lệ sở hữu thì thực hiện như sau: Nếu giá phí khoản đầu tư thêm lớn hơn giá trị ghi sổ của tài sản thuần được mua thì phần chênh lệch được điều chỉnh trực tiếp làm giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Nếu giá phí khoản đầu tư thêm nhỏ hơn giá trị ghi sổ của tài sản thuần được mua thì phần chênh lệch được điều chỉnh trực tiếp làm tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết của công ty mẹ và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu: Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại theo giá trị hợp lý và phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con:

- Trường hợp công ty mẹ sau khi thoái một phần vốn và mất quyền kiểm soát đối với công ty con, công ty con trở thành công ty liên kết: Khoản lãi, lỗ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cộng với số lợi thế thương mại được ghi giảm là toàn bộ số lợi thế thương mại còn chưa phân bổ;
- Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn.

Nếu công ty mẹ hợp nhất trực tiếp với công ty con sở hữu gián tiếp, khoản lãi hoặc lỗ từ giao dịch hợp nhất kinh doanh được ghi nhận giảm doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính đồng thời khi loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con sở hữu gián tiếp.

Nếu công ty mẹ hợp nhất gián tiếp với công ty con sở hữu gián tiếp bằng cách sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con sở hữu trực tiếp thì lãi, lỗ từ giao dịch hợp nhất kinh doanh được ghi nhận giảm doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính và xác định bằng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân năm tài chính (nếu chênh lệch không vượt quá 3%).

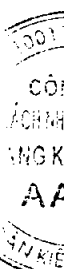
2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.



Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Lợi thế thương mại phát sinh được ghi nhận gộp trong giá trị khoản đầu tư. Tổng Công ty không thực hiện phân bổ khoản lợi thế thương mại này cho đến khi công ty liên doanh, liên kết trở thành công ty con (Tại ngày trở thành công ty con, công ty mẹ phải xác định lại khoản lợi thế thương mại trên cơ sở căn cứ vào giá trị hợp lý của tài sản thuần tại ngày kiểm soát công ty con).

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

109
TY
HÀNH
M T O
3 C
TP. H

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.618.795.858	4.581.166.806
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	548.057.336.050	332.609.053.154
Các khoản tương đương tiền	2.360.548.000.000	181.303.274.874
	<u>2.912.224.131.908</u>	<u>518.493.494.834</u>

Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm. Lãi suất của các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn này tại thời điểm 31/12/2016 là từ 4,8%/năm đến 5,3%/năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	353.394.502.790	353.394.502.790	448.433.560.889	448.433.560.889
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾	156.347.794.267	156.347.794.267	448.433.560.889	448.433.560.889
- Trái phiếu ⁽²⁾	197.046.708.523	197.046.708.523	-	-
Đầu tư dài hạn	600.000.000	600.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	600.000.000	600.000.000	-	-
	353.994.502.790	353.994.502.790	448.433.560.889	448.433.560.889

(1) Bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

(2) Bao gồm các hợp đồng cụ thể như sau:

2.1. Hợp đồng mua bán trái phiếu số 06092016/HĐMBTP/NGUYENLATHAO-GEX-S99 ngày 06 tháng 09 năm 2016: 35 trái phiếu của Công ty Cổ phần SCI với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 35.709.722.222 đồng; Ngày phát hành: 25/12/2015; Ngày Tổng Công ty mua 06/09/2016; Ngày đáo hạn: 25/12/2018; Lãi suất: 10%/năm.

2.2. Hợp đồng mua bán trái phiếu số 27122016/HĐMBTP/MHC-GEX-VIX ngày 27 tháng 12 năm 2016: 50 trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 50 tỷ đồng; Ngày phát hành: 27/06/2016; Ngày Tổng Công ty mua 27/12/2016; Ngày đáo hạn: 27/06/2017; Lãi suất: 9%/năm.

2.3. Hợp đồng mua bán trái phiếu số 27122016/HĐMBTP/MHC-GEX-THT ngày 27 tháng 12 năm 2016: 800 trái phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây với mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 81.336.986.301 đồng; Ngày phát hành: 27/10/2016; Ngày Tổng Công ty mua 27/12/2016; Ngày đáo hạn: 27/10/2019; Lãi suất: 10%/năm.

2.4. Hợp đồng mua bán trái phiếu số 27122016/HĐMBTP/TXT-GEX-VIX ngày 27 tháng 12 năm 2016: 30 trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 30 tỷ đồng; Ngày phát hành: 27/06/2016; Ngày Tổng Công ty mua 27/12/2016; Ngày đáo hạn: 27/06/2017; Lãi suất: 9%/năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2016			01/01/2016				
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ theo PP vốn chủ sở hữu	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ theo PP vốn chủ sở hữu
				VND				VND
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	985.827.730	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	20.360.017.528
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội (*)	TP. Hà Nội			-	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	5.528.359.676
- Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	108.275.111.882	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	114.115.327.257
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	7.818.599.076	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	7.049.361.952
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện (*)	Tỉnh Đồng Nai			-	Tỉnh Đồng Nai	43,44%	43,44%	198.878.604.355
- Công ty TNHH SAS - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,14%	23,14%	279.388.313.061	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	292.939.196.561
- Công ty Cổ phần Khí cụ điện I (*)	TP. Hà Nội	49,24%	49,24%	49.506.970.116	TP. Hà Nội	-	-	-
- Công ty cổ phần kho vận Miền Nam (*)	TP. Hồ Chí Minh	24,93%	24,93%	554.292.836.363	TP. Hồ Chí Minh	-	-	-
				1.000.267.658.228				638.870.867.329

(*) Thông tin liên quan đến biến động các khoản đầu tư này được Tổng Công ty trình bày tại TM số 01- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp, mục Thông tin tái cấu trúc Tập đoàn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.178.670.000	(386.991.550)	2.178.670.000	(535.141.800)
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	-	-	4.995.833.299	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ cao	1.057.011.301	-	1.057.011.301	-
- Công ty Cổ phần XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	260.000.000	-	260.000.000	-
	3.495.681.301	(386.991.550)	8.491.514.600	(535.141.800)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Tổng công ty Điện lực Miền Nam	48.006.417.479	67.408.349.632
- Myanmar Solar Rays Co., Ltd Solar Rays Electrical Trading	42.351.514.666	38.775.578.887
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	-	19.260.526.417
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	88.333.399.058	51.114.618.503
- Công ty TNHH Thiết bị điện Quý Dân	95.321.690.364	61.550.243.456
- Công ty Cổ phần Thương mại Điện máy Kim Biên	47.051.275.494	63.448.616.616
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	-	15.811.537.610
- Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	-	23.736.287.344
- Công ty Cổ phần Điện máy Thành phố Hồ Chí Minh	49.378.466.548	46.710.170.167
- Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	-	6.448.347.775
- Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Tiến Phát	48.742.654.633	44.233.677.915
- Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	27.671.454.321	-
- Ban quản lý dự án Các Công trình Điện Miền Nam - Chi nhánh TCT truyền tải điện quốc gia	40.127.724.239	-
- Electricite Du Cambodge (EDC)	23.120.618.693	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng và thương mại Đại Dũng	9.186.218.400	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	716.662.148.024	525.551.160.530
	<u>1.235.953.581.919</u>	<u>964.049.114.852</u>

b) **Phải thu khách hàng là các bên liên quan**
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.

-	<u>19.260.669.510</u>
---	------------------------------

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- RMM Metallhandel	6.871.886.896	(4.810.320.827)	6.871.886.896	(6.871.886.896)
- Upcast Oy Co.,LTD	11.050.119.208	-	-	-
- Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại EMIC	-	-	5.735.060.102	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại HK	5.564.535.848	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	16.545.264.573	-	29.926.348.304	-
	<u>40.031.806.525</u>	<u>(4.810.320.827)</u>	<u>42.533.295.302</u>	<u>(6.871.886.896)</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	-	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	2.000.000.000	12.385.120.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	4.000.000.000	4.500.000.000
Cho vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Khí cụ Điện 1	-	308.402.700
	6.000.000.000	33.193.522.700

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.800.265.279	-	2.491.439.432	-
Phải thu người lao động	4.096.522.722	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	51.430.244	-	41.546.350	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	46.900	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	4.550	-	-	-
Tạm ứng	11.466.484.760	-	4.890.590.185	-
Ký cược, ký quỹ	5.877.244.574	-	3.632.172.469	-
Phải thu tiền đặt cọc mua cổ phần (*)	213.286.200.000	-	-	-
Tạm ứng tiền thưởng HĐQT, ban điều hành	3.000.000.000	-	1.100.000.000	-
Phải thu khác	1.017.135.336	-	489.013.136	-
	244.595.334.365	-	12.644.761.572	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	441.000.000	-	395.000.000	-
	441.000.000	-	395.000.000	-

(*) Khoản tiền đặt cọc mua Cổ phần Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ tại công ty con: Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX. Phương án chào bán cổ phần với số lượng chào bán thêm dự kiến là 28.850.480 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu cho cổ đông chiến lược là Tổng Công ty Cổ phần thiết bị điện Việt Nam. Công ty con của Tổng Công ty là đơn vị thực hiện giao dịch này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

9 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân ⁽¹⁾	19.260.526.417	-	19.260.526.417	-
- RMM METALLHANDEL GMBH ⁽²⁾	6.871.886.896	2.061.566.069	6.871.886.896	-
- Các khoản khác	13.932.375.344	925.250.790	30.709.480.227	10.209.328.187
	40.064.788.657	2.986.816.859	56.841.893.540	10.209.328.187

Ghi chú:

(*) Giá trị có thể thu hồi được trình bày trên cơ sở trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và công ty con xác định các khoản nợ xấu đều có khả năng thu hồi do Tổng Công ty và các công ty con vẫn đang tiếp tục thực hiện cung cấp sản phẩm, hàng hóa cho các đối tác này.

(1) Đối với khoản nợ phải thu Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân của Công ty con - Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), CADIVI đã kiện bên nợ ra tòa án và đã có bản án buộc bên nợ phải trả cho CADIVI theo số tiền nợ ghi nhận. Việc thực hiện bản án đang tiến hành. Khi có các thông tin khác về việc thi hành án, CADIVI sẽ công bố thông tin. Tại thời điểm 31/12/2016, CADIVI chưa đánh giá được giá trị có thể thu hồi của khoản công nợ này. Khoản nợ xấu này đã được CADIVI trích lập dự phòng 100%.

(2) Đối với khoản nợ phải thu RMM METALLHANDEL GMBH của Công ty con - Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam hiện đang chờ Tòa án Liên bang Đức xử phá sản đối với RMM. Tại thời điểm 31/12/2016, CADIVI chưa đánh giá được giá trị có thể thu hồi của khoản công nợ này. Theo yêu cầu từ phía cơ quan thuế, CADIVI đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo mức 70%. (Khoản phải thu này đầu năm đang được CADIVI trích lập dự phòng theo mức 100%.)

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	6.109.305.270	-	6.301.117.300	-
Nguyên liệu, vật liệu	473.637.539.103	-	318.564.535.179	-
Công cụ, dụng cụ	1.569.486.230	-	3.436.578.236	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	287.851.646.496	-	112.003.204.172	-
Thành phẩm	740.462.640.024	(5.999.727.151)	596.464.177.207	(5.164.038.845)
Hàng hoá	36.827.814.020	-	44.288.279.252	(279.751.000)
Hàng gửi đi bán	-	-	13.415.128.195	-
	1.546.458.431.143	(5.999.727.151)	1.094.473.019.541	(5.443.789.845)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	92.397.986.402	40.276.323.737
- Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyễn Hãn	4.138.214.910	4.138.214.910
- Xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành	-	4.526.282.862
- Dự án Nhà máy Cấp điện và xưởng sản xuất dây điện tử tại Tân Phú Trung của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	87.341.965.142	7.796.532.540
- Dự án Nhà máy cấp điện Cadivi Miền Trung	-	369.500.750
- Dự án Xây dựng nhà xưởng sản xuất và văn phòng KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh	-	16.141.737.636
- Dự án đầu tư sản xuất MBA Amorphous	-	5.243.205.244
- Công trình khác	-	2.060.849.795
- Xây dựng cơ bản dở dang khác	917.806.350	-
Mua sắm tài sản cố định	137.921.082.899	3.882.522.088
- Phần mềm ERP	3.356.624.504	3.287.000.400
- Quyền sử dụng đất 799 Kinh Dương Vương (*)	127.243.482.364	-
- Mua sắm máy móc thiết bị tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	7.320.976.031	-
- Tài sản khác	-	595.521.688
Sửa chữa lớn tài sản cố định	3.107.672.994	714.953.672
- Sửa chữa lớn, nâng cấp máy móc tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	3.107.672.994	622.856.122
- Sửa chữa lớn các tài sản khác	-	92.097.550
	<u>233.426.742.295</u>	<u>44.873.799.497</u>

(*) Quyền sử dụng đất tại 799 Kinh Dương Vương tại Công ty con – Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam đang được theo dõi trên Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là số tiền Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước theo thông báo tạm nộp tiền sử dụng đất, diện tích 5.092 m² do chuyển từ thuê hàng năm để sản xuất sang Dự án đầu tư xây dựng trung tâm Thương mại và văn phòng cao cấp.

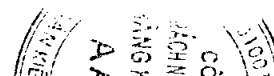
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	754.584.676.524	763.869.478.657	94.295.631.934	102.774.437.232	1.715.524.224.347
- Mua trong năm	8.548.210.062	79.127.498.099	16.784.381.865	762.696.535	105.222.786.561
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	23.893.015.100	-	-	23.893.015.100
- Tăng/giảm do hợp nhất kinh doanh	(13.401.258.204)	72.219.174.592	4.373.224.313	3.665.120.856	66.856.261.557
- Tăng/giảm do phân loại lại	(246.681.818)	5.164.086.081	1.033.806.737	(5.951.211.000)	-
- Điều chỉnh theo giá trị quyết toán XDCB hoàn thành	(868.795.880)	4.644.221.878	-	18.339.099.191	22.114.525.189
- Thanh lý, nhượng bán	-	(18.047.663.404)	(2.247.993.970)	(192.059.765)	(20.487.717.139)
- Tăng/giảm do chuyển đổi báo cáo	-	-	52.184.250	3.319.517	55.503.767
- Giảm khác	(129.474.461)	(1.134.802.651)	(77.650.043)	(74.350.668)	(1.416.277.823)
Số dư cuối năm	748.486.676.223	929.735.008.352	114.213.585.086	119.327.051.898	1.911.762.321.559
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	248.448.543.538	460.546.486.295	59.367.228.702	22.021.529.635	790.383.788.170
- Khấu hao trong năm	25.099.121.915	60.255.882.952	9.063.967.085	8.685.450.766	103.104.422.718
- Tăng/giảm do hợp nhất kinh doanh	3.909.242.266	53.462.229.117	(791.347.795)	3.549.260.984	60.129.384.572
- Điều chỉnh theo giá trị quyết toán XDCB hoàn thành	-	-	-	(813.477.557)	(813.477.557)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(15.974.957.776)	(938.336.187)	(36.461.250)	(16.949.755.213)
- Tăng/giảm do chuyển đổi báo cáo	-	-	24.877.326	3.008.025	27.885.351
Số dư cuối năm	277.456.907.719	558.289.640.588	66.726.389.131	33.409.310.603	935.882.248.041
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	506.136.132.986	303.322.992.362	34.928.403.232	80.752.907.597	925.140.436.177
Tại ngày cuối năm	471.029.768.504	371.445.367.764	47.487.195.955	85.917.741.295	975.880.073.518



TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	58.907.317.659	9.912.234.493	68.819.552.152
- Mua trong năm	-	1.299.481.111	1.299.481.111
- Tăng/giảm do hợp nhất kinh doanh	(4.791.031.700)	(6.888.822.828)	(11.679.854.528)
Số dư cuối năm	54.116.285.959	4.322.892.776	58.439.178.735
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.851.827.153	4.136.181.679	11.988.008.832
- Khấu hao trong năm	-	1.085.920.467	1.085.920.467
- Tăng/giảm do hợp nhất kinh doanh	-	(1.794.921.897)	(1.794.921.897)
Số dư cuối năm	7.851.827.153	3.427.180.249	11.279.007.402
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	51.055.490.506	5.776.052.814	56.831.543.320
Tại ngày cuối năm	46.264.458.806	895.712.527	47.160.171.333

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.176.235.188	11.812.029.259
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	8.926.571.530	6.104.468.867
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	12.743.034.340	13.276.448.872
Chi phí thuê đất trả trước	139.326.117.592	111.421.492.433
Chi phí khuôn mẫu cho Công ty Gelex Emic	7.664.258.054	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.442.410.039	1.305.054.725
	189.278.626.743	143.919.494.156

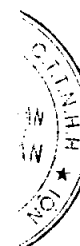
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty LG International (HK)	-	-	35.028.075.466	35.028.075.466
LS NIKKO COPPER INC.	123.177.248.825	123.177.248.825	33.654.074.601	33.654.074.601
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Tân Nghệ Nam	46.820.082.286	46.820.082.286	56.157.913.449	56.157.913.449
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	-	-	17.279.749.520	17.279.749.520
Công ty Cổ phần Địa ốc - Cáp điện Thịnh Phát	1.307.728.962	1.307.728.962	51.654.495.103	51.654.495.103
Công ty Cổ phần Kim loại màu và nhựa Đồng Việt	816.425.284	816.425.284	73.838.368.564	73.838.368.564
Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	-	-	25.052.616.758	25.052.616.758
Daewoo International Corp	-	-	13.418.105.039	13.418.105.039
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	62.028.156.183	62.028.156.183	94.473.185.907	94.473.185.907
Shaanxi saame import and export Co.,LTD	-	-	1.740.727.500	1.740.727.500
Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp THIBIDI	132.593.256.382	132.593.256.382	-	-
Phải trả các đối tượng khác	192.493.146.137	192.493.146.137	169.367.155.843	169.367.155.843
	<u>559.236.044.059</u>	<u>559.236.044.059</u>	<u>571.664.467.750</u>	<u>571.664.467.750</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)	<u>62.028.156.183</u>	<u>62.028.156.183</u>	<u>94.580.705.907</u>	<u>94.580.705.907</u>



TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tăng/giảm do hợp nhất kinh doanh	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	9.632.950	2.807.175.258	237.358.290.199	229.123.478.980	(497.470.786)	345.242.520	10.880.125.261
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	6.688.381	-	1.510.986.247	1.586.210.967	-	81.913.101	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	24.083.794.257	131.736.753.361	112.938.901.052	(3.596.427.742)	2.034.912.802	41.320.131.626
Thuế Thu nhập cá nhân	-	2.269.616.877	20.642.171.115	19.764.362.204	(1.258.521.098)	1.151.065.393	3.039.970.083
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	4.160.240	10.040.819.795	9.415.638.905	707.676.960	-	1.337.018.090
Các loại thuế khác	-	-	794.869.841	644.473.022	-	-	150.396.819
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	912.990.188	78.344.016	-	-	834.646.172
	16.321.331	29.164.746.632	402.996.880.746	373.551.409.146	(4.644.742.666)	3.613.133.816	57.562.288.051

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	11.908.524.969	197.007.906
- Trích trước chi phí vận chuyển, thuê kho, phí bảo vệ, tiền ăn ca	2.827.051.190	4.257.853.767
- Trích trước lãi ký quỹ và các khoản chiết khấu	11.887.647.865	14.196.798.172
- Phí bản quyền của hợp đồng Lixang AVK	-	3.070.875.500
- Chi phí thuê đất tại số 16 Nguyễn Biểu, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh của CTCP Dây cáp điện Việt Nam	-	1.413.720.000
- Trích trước chi phí khuyến mại theo quy chế đại lý	4.039.765.125	6.974.241.959
- Chi phí phải trả khác	18.868.877.139	3.906.887.630
	49.531.866.288	34.017.384.934

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	711.508.637
- Kinh phí công đoàn	763.173.340	1.827.363.518
- Bảo hiểm xã hội	1.960.852.981	643.113.182
- Bảo hiểm y tế	-	72.090.053
- Bảo hiểm thất nghiệp	501.598.273	57.320.033
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	279.174.926.965	301.399.158.645
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.863.439.719	130.320.000
- Phải trả lãi vay	617.961.637	325.463.455
- Phải trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát tại Công ty con	-	8.847.566.054
- Nhận đặt cọc thực hiện dự án 10 Trần Nguyễn Hãn - Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Emic	-	16.699.815.109
- Cổ đông Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 góp thêm vốn điều lệ	-	7.796.340.000
- Phải trả Quỹ khen thưởng, phúc lợi CTCP Dây cáp điện Việt Nam	-	5.307.769.345
- Các cổ đông nộp tiền mua cổ phần phát hành thêm tại công ty mẹ (*)	737.100.000	-
- Các cổ đông nộp tiền mua cổ phần phát hành thêm tại CTCP Dây cáp Điện Việt Nam	1.473.960.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.598.286.922	2.138.288.323
	321.691.299.837	365.956.116.354
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	12.812.274.095	8.900.875.882
- Công ty Cổ phần Chứng khoán IB đặt mua chứng quyền (**)	90.000.000.000	-
	102.812.274.095	8.900.875.882

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

- (*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCD ngày 01/08/2016
- + Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 77.250.000 cổ phần;
 - + Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông;
 - + Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu;
 - + Tỷ lệ phát hành: tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần là 2:1;
 - + Giá phát hành: 18.000 đồng/cổ phần.
- (**) Công ty Cổ phần Chứng khoán IB đặt mua Chứng quyền với các nội dung chính như sau:
1. Hợp đồng đặt mua chứng quyền số 20161206/HĐ/IBSC-GEX ngày 06 tháng 12 năm 2016:
 - + Số lượng Chứng quyền đặt mua: 1.000 Chứng quyền;
 - + Ngày phát hành: Ngày 08 tháng 12 năm 2016;
 - + Thời hạn hiệu lực tối đa: 36 tháng;
 - + Giá mua: 50.000.000 đồng/Chứng quyền;
 - + Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi Chứng quyền: 50.000 cổ phần.
 - + Giá mua cổ phần được áp dụng tại mỗi thời điểm phát hành Trái phiếu kèm chứng quyền là 20.000 đồng/cổ phiếu. Giá mua mỗi cổ phần khi thực hiện chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng theo hợp đồng và trong mọi trường hợp, giá mua cổ phần khi thực hiện chứng quyền không thấp hơn 10.000 đồng/ cổ phần;
 - + Thời điểm thực hiện chứng quyền: được thực hiện 02 lần trong thời gian hiệu lực của chứng quyền. Đợt 01 không muộn hơn ngày 30/06/2018, đợt 02 không muộn hơn ngày 30/06/2019.
 2. Hợp đồng đặt mua chứng quyền số 20161212/HĐ/IBSC-GEX ngày 12 tháng 12 năm 2016 với một số nội dung chính như sau:
 - + Số lượng Chứng quyền đặt mua: 800 Chứng quyền;
 - + Ngày phát hành: Ngày 13 tháng 12 năm 2016;
 - + Thời hạn hiệu lực tối đa: 36 tháng;
 - + Giá mua: 50.000.000 đồng/Chứng quyền;
 - + Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi Chứng quyền: 50.000 cổ phần.
 - + Giá mua cổ phần được áp dụng tại mỗi thời điểm phát hành Trái phiếu kèm chứng quyền là 20.000 đồng/cổ phiếu. Giá mua mỗi cổ phần khi thực hiện chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng theo hợp đồng và trong mọi trường hợp, giá mua cổ phần khi thực hiện chứng quyền không thấp hơn 10.000 đồng/ cổ phần.
 - + Thời điểm thực hiện chứng quyền: được thực hiện 02 lần trong thời gian hiệu lực của chứng quyền. Đợt 01 không muộn hơn ngày 30/06/2018, đợt 02 không muộn hơn ngày 30/06/2019.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.966.640.639.904	478.082.619.923
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	-	59.174.463.176
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	2.042.312.400	5.091.823.440
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	220.963.842.568	157.108.792.439
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương	-	22.825.223.351
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	130.605.674.167
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	118.868.494.156	94.409.634.132
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội	32.923.334.035	5.485.982.888
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	43.219.444.717	3.381.026.330
- Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Ba Đình	31.113.920.806	-
- Ngân hàng A&Z	12.836.927.594	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở Giao dịch 2	26.803.777.975	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	112.017.624.104	-
- Ngân hàng Quốc tế Việt Nam (VIB)	25.184.118.400	-
- Ngân hàng Ngoại thương - CN Đồng Nai	214.303.904.061	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	1.126.362.939.088	-
Vay ngắn hạn tổ chức	1.272.000.000	1.350.000.000
- Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	1.272.000.000	1.300.000.000
- Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	-	50.000.000
Vay cá nhân	16.811.133.000	10.493.545.055
Vay dài hạn đến hạn trả	14.192.689.000	14.188.000.000
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước	14.192.689.000	14.188.000.000
	<u>1.998.916.461.904</u>	<u>504.114.164.978</u>
b) Dài hạn		
- Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước	-	14.192.689.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	76.754.591.005	3.020.500.000
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	20.000.000.000	-
- Trái phiếu thường (*)	1.793.713.636.364	-
	<u>1.890.468.227.369</u>	<u>17.213.189.000</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(*) Thông tin chi tiết liên quan đến khoản trái phiếu của Tổng Công ty

Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 612/2016/HĐĐM.TP/VIB-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chi nhánh Ba Đình ngày 06/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích phát hành trái phiếu: Góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Bất động sản Gelex, bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, cơ cấu lại các khoản nợ của doanh nghiệp và các mục đích hợp pháp khác;
- + Số lượng trái phiếu: 1.000 (Một nghìn) Trái phiếu;
- + Ngày phát hành: 08/12/2016;
- + Ngày đáo hạn: 08/12/2019;
- + Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000.000 (Một tỷ đồng).
- + Tài sản đảm bảo: Giá trị trái phiếu được đảm bảo bằng 20.500.000 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (Cadivi); 20.500.000 cổ phần phổ thông của Cadivi mà Tổng Công ty dự kiến sẽ mua thêm trong quý 1/2017 và phần vốn góp của Tổng công ty vào Công ty TNHH MTV Bất động sản Gelex được hình thành từ nguồn vốn phát hành trái phiếu này.

Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01.2016/HĐĐM/TPBANK-GELEX ngày 12/12/2016 giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Tiên Phong với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích phát hành trái phiếu: Góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex, bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh và các mục đích hợp pháp khác;
- + Số lượng trái phiếu: 800 (Tám trăm) trái phiếu;
- + Ngày phát hành: 12/12/2016;
- + Ngày đáo hạn: 12/12/2019;
- + Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000.000 (Một tỷ đồng).
- + Tài sản đảm bảo: Giá trị trái phiếu được đảm bảo bằng công trình trên đất là tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, 10.946.969 cổ phần Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (Thibidi), 24.242.245 cổ phần Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM), 23.600.000 cổ phần hạn chế chuyển nhượng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (Thibidi) và phần vốn góp của tổ chức phát hành tại Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex có nguồn gốc từ trái phiếu phát hành.

20 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	171.927.161.506	43.641.992.233
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	171.927.161.506	43.641.992.233
	<u>171.927.161.506</u>	<u>43.641.992.233</u>
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	40.384.873.750	49.382.894.377
	<u>40.384.873.750</u>	<u>49.382.894.377</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.400.000.000.000	-	47.513.826.624	(7.125.000.000)	960.044.030	107.862.750.909	198.392.508	629.439.175.337	548.863.726.600	2.727.712.916.008
Tăng vốn trong năm trước	150.000.000.000	66.378.000.000	-	-	-	-	-	-	-	216.378.000.000
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	321.109.975.563	134.886.510.329	455.996.485.892
Phân phối lợi nhuận công ty mẹ	-	-	-	-	-	29.500.000.000	-	(45.655.000.000)	-	(16.155.000.000)
Phân phối lợi nhuận của các công ty con	-	-	-	-	-	8.981.561.604	-	(22.646.866.490)	(8.405.162.687)	(22.070.467.573)
Chi trả cổ tức của Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	(167.400.000.000)	-	(167.400.000.000)
Chi trả cổ tức của Công ty các Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(63.560.472.904)	(63.560.472.904)
Ảnh hưởng khi công ty con tăng vốn	-	-	-	-	-	(1.756.701.142)	-	(1.131.258.777)	13.106.839.919	10.218.880.000
Ảnh hưởng khi chuyển công ty con thành công ty liên kết	-	-	(463.112.454)	2.100.000.000	(838.620.418)	(21.149.044.647)	(198.392.508)	30.577.383.041	(169.558.509.139)	(159.530.296.125)
Chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	(37.047.279)	-	-	6.992.555	-	(30.054.724)
Số dư cuối năm trước	1.550.000.000.000	66.378.000.000	47.050.714.170	(5.025.000.000)	84.376.333	123.438.566.724	-	744.300.401.229	455.332.932.118	2.981.559.990.574
Số dư đầu năm nay	1.550.000.000.000	66.378.000.000	47.050.714.170	(5.025.000.000)	84.376.333	123.438.566.724	-	744.300.401.229	455.332.932.118	2.981.559.990.574
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	461.734.648.688	117.760.568.615	579.495.217.303
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	94.344.781.743	-	(142.848.167.282)	(16.763.185.967)	(65.266.571.506)
Chi trả cổ tức công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	(154.500.000.000)	-	(154.500.000.000)
Chi trả cổ tức các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(39.752.277.631)	(39.752.277.631)
Ảnh hưởng khi công ty liên kết chuyển thành công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	319.520.811.101	319.520.811.101
Ảnh hưởng khi giảm công ty con	-	-	-	-	-	(9.117.465.668)	-	(55.743.868.984)	(64.660.541.438)	(129.521.876.090)
Chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	(771.941)	-	-	-	-	(771.941)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(191.092.826.777)	(72.772.378.223)	(263.865.205.000)
Ảnh hưởng khi công ty con trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	30.338.249.407	(1.115.259)	-	2.245.407	-	15.500.371.604	(289.751.159)	45.550.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(210.355.232)	(239.711.712)	(450.066.944)
Số dư cuối năm nay	1.550.000.000.000	66.378.000.000	77.388.963.577	(5.026.115.259)	83.604.392	208.668.128.206	-	677.140.203.246	698.136.465.704	3.272.769.249.866



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 19/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 04 tháng 03 năm 2016, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	249.651.441.276		
Trích Quỹ đầu tư phát triển	31,11%	77.656.441.276		
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	1,00%	2.495.000.000		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6,01%	15.000.000.000		
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ)	61,89%	154.500.000.000		
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu				
	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư GEX	23,09%	357.968.000.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	76,58%	1.187.032.000.000	99,68%	1.545.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	0,32%	5.000.000.000	0,32%	5.000.000.000
	100%	1.550.000.000.000	100%	1.550.000.000.000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận				
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.550.000.000.000	1.550.000.000.000		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000		
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	150.000.000.000		
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	1.550.000.000.000	1.550.000.000.000		
d) Cổ phiếu				
	31/12/2016	01/01/2016		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.000.000	155.000.000		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	155.000.000	155.000.000		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	155.000.000	155.000.000		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	500.000	500.000		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	500.000	500.000		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	154.500.000	154.500.000		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	154.500.000	154.500.000		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000		
e) Các quỹ công ty				
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND		
Quỹ đầu tư phát triển	208.668.128.206	123.438.566.724		
	208.668.128.206	123.438.566.724		

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	988.000,52	1.410.425,78
- Đồng Bảng Anh (GBP)	-	196,59
- Đồng Krone Đan Mạch (DKK)	-	1.923,75
- Đồng Euro (EUR)	3.385,48	.585,48
- Đồng đô la Úc (AUD)	12.050,00	-
- Đồng Yên Nhật (JPY)	906.000,00	33.000,00
- Đồng Reil Cambodia (Reil)	10.431.616,00	62.028.859,00

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
	14.400.654.422	9.524.621.748

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	7.245.516.959.000	8.445.635.826.757
Doanh thu cung cấp dịch vụ	143.672.586.163	173.654.338.144
Doanh thu hợp đồng xây dựng	20.163.929.454	11.433.519.152
	<u><u>7.409.353.474.617</u></u>	<u><u>8.630.723.684.053</u></u>

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	97.481.015.224	233.769.642.562
Hàng bán bị trả lại	14.759.124.525	14.246.598.595
	<u><u>112.240.139.749</u></u>	<u><u>248.016.241.157</u></u>

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	6.215.456.254.325	7.147.148.755.363
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	96.308.434.003	106.028.536.499
Giá vốn hoạt động xây dựng	18.165.150.889	11.054.072.040
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	-	196.106.412
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.063.645.410)	12.112.213.999
	<u><u>6.328.866.193.807</u></u>	<u><u>7.276.539.684.313</u></u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	32.574.930.824	28.544.412.931
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	306.138.901
Lãi bán các khoản đầu tư	41.509.941.593	220.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	160.366.291.035	93.702.479.511
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.930.837.483	5.161.566.853
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.426.753.038	2.177.708.362
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.686.160.102	34.757.646
	247.494.914.074	130.147.064.204

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	67.726.821.032	54.828.381.840
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	970.726.763	587.490.486
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	65.888.679.265
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.680.641.291	8.837.688.344
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	27.414.438	32.438.787
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(765.375.190)	(466.203.037)
Chi phí tài chính khác	394.888.953	637.011.875
	75.035.117.287	130.345.487.560

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.522.713.957	3.307.483.018
Chi phí nhân công	18.180.505.758	32.134.567.198
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.085.810.363	1.943.037.244
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.625.721.300	75.187.838.260
Chi phí khác bằng tiền	44.742.544.790	49.438.713.020
Chi phí bảo hành	16.503.992.415	39.079.328.844
	148.661.288.583	201.090.967.584

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.302.940.124	11.088.792.801
Chi phí nhân công	109.657.440.454	166.065.862.040
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.857.627.272	11.799.799.878
Thuế, phí, lệ phí	6.929.077.766	12.313.895.849
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(7.752.172.517)	16.148.019.389
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.071.439.384	39.322.843.229
Chi phí khác bằng tiền	90.512.879.971	82.008.878.707
	253.579.232.454	338.748.091.893

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	461.734.648.688	321.109.975.563
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	461.734.648.688	321.109.975.563
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	154.500.000	145.458.242
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.989	2.208

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

31 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 01 tháng 08 năm 2016, Tổng Công ty dự kiến phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn. Theo đó, việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016
	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	461.734.648.688
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	461.734.648.688
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	154.500.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	77.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.995

Thông tin liên quan đến phát hành tăng vốn được trình bày cụ thể tại thuyết minh số 34- "Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm"

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.299.209.427.139	4.525.048.849.562
Chi phí nhân công	361.523.475.809	482.804.251.997
Chi phí khấu hao tài sản cố định	104.190.343.185	109.191.574.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	124.825.093.309	202.367.873.401
Chi phí khác bằng tiền	183.832.605.634	227.534.719.752
	6.073.580.945.076	5.546.947.269.274

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.912.224.131.908	-	518.493.494.834	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.480.989.916.284	(37.077.971.798)	977.088.876.424	(46.632.565.353)
Các khoản cho vay	162.947.794.267	-	481.627.083.589	-
Đầu tư ngắn hạn	196.446.708.523	-	-	-
Đầu tư dài hạn	4.095.681.301	(386.991.550)	8.491.514.600	(535.141.800)
	4.756.704.232.283	(37.464.963.348)	1.985.700.969.447	(47.167.707.153)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	3.889.384.689.273	521.327.353.978
Phải trả người bán, phải trả khác	983.739.617.991	946.521.459.986
Chi phí phải trả	49.531.866.288	34.017.384.934
	4.922.656.173.552	1.501.866.198.898

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.912.224.131.908	-	-	2.912.224.131.908
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.443.470.944.486	441.000.000	-	1.443.911.944.486
Các khoản cho vay	162.947.794.267	-	-	162.947.794.267
Đầu tư ngắn hạn	196.446.708.523	-	-	196.446.708.523
Đầu tư dài hạn	-	3.708.689.751	-	3.708.689.751
	<u>4.715.089.579.184</u>	<u>4.149.689.751</u>	<u>-</u>	<u>4.719.239.268.935</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	518.493.494.834	-	-	518.493.494.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	930.061.311.071	395.000.000	-	930.456.311.071
Các khoản cho vay	481.627.083.589	-	-	481.627.083.589
Đầu tư dài hạn	-	7.956.372.800	-	7.956.372.800
	<u>1.930.181.889.494</u>	<u>8.351.372.800</u>	<u>-</u>	<u>1.938.533.262.294</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	1.998.916.461.904	1.890.468.227.369	-	3.889.384.689.273
Phải trả người bán, phải trả khác	880.927.343.896	102.812.274.095	-	983.739.617.991
Chi phí phải trả	49.531.866.288	-	-	49.531.866.288
	<u>2.929.375.672.088</u>	<u>1.993.280.501.464</u>	<u>-</u>	<u>4.922.656.173.552</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	504.114.164.978	17.213.189.000	-	521.327.353.978
Phải trả người bán, phải trả khác	937.620.584.104	8.900.875.882	-	946.521.459.986
Chi phí phải trả	34.017.384.934	-	-	34.017.384.934
	<u>1.475.752.134.016</u>	<u>26.114.064.882</u>	<u>-</u>	<u>1.501.866.198.898</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 01 tháng 08 năm 2016, Tổng Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ như sau:

- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 77.250.000 cổ phần;
- Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần;
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu;
- Tỷ lệ phát hành: Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần là 2:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần tương ứng với 1 quyền, 2 quyền được mua 1 cổ phần mới);
- Giá phát hành: 18.000 đồng/cổ phần;
- Thời gian thực hiện dự kiến: Ủy quyền cho HĐQT quyết định sau khi được UBCK Nhà nước cấp phép;
- Phương án sử dụng vốn:
 - + Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện thông qua việc mua cổ phần chào bán cho cổ đông chiến lược (578.200.000.000 đồng);
 - + Đầu tư vào ngành logistics thông qua việc tìm kiếm, thương thảo để mua cổ phần chi phối của các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả trong ngành, bao gồm Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam và các doanh nghiệp khác (812.300.000.000 đồng).

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lập và phê duyệt phương án sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích nói trên.

Theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng số 20/2017/GELEX-BC ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam và Công văn số 534/UBCK-QLCB ngày 23 tháng 01 năm 2017 về việc xác nhận đã nhận Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng số 20/2017/GELEX-BC ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam thì số lượng cổ phiếu đã phát hành thành công là 77.000.000 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Tổng Công ty lên là 2.320.000.000.000 đồng. Tổng Công ty đã thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 6 ngày 21 tháng 02 năm 2017 với vốn điều lệ theo đăng ký mới là 2.320.000.000.000 đồng.

Theo Nghị quyết hội đồng quản trị số 12/2017/GELEX/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 03 năm 2017 phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX, vốn điều lệ mới sau khi đăng ký là 1.250.000.000.000 đồng.

Theo báo cáo kết quả chào mua công khai ngày 10 tháng 03 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua bổ sung 22.299.983 cổ phần của Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam (Sotrans) nâng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi chào mua của Tổng Công ty lên 51,03% vốn điều lệ của Sotrans. Khoản đầu tư vào Sotrans trong năm 2017 được Tổng Công ty trình bày là khoản đầu tư vào Công ty con.

Theo Nghị quyết số 15/2017/GELEX/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 03 năm 2017, Tổng Công ty dự kiến thoái toàn bộ 510.000 cổ phần tương ứng 25,5% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại EMIC, và Công ty này không còn là Công ty liên kết của Tổng Công ty. Thời gian dự kiến thực hiện từ ngày 17 tháng 03 năm 2017 đến ngày 17 tháng 04 năm 2017.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty là hoạt động sản xuất, thương mại trong lĩnh vực thiết bị điện và hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ		56.088.351.836	73.561.575.920
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	14.082.000	-
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	487.090.869	471.927.233
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	53.541.859.967	70.720.334.187
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	2.045.319.000	2.369.314.500
Mua hàng hóa		639.600.558.217	583.659.952.483
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	5.660.806.538	119.592.220
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	544.438.093.123	452.947.619.761
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	89.182.795.835	130.185.666.462
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	Công ty liên kết	268.954.321	-
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	49.908.400	407.074.040
Cho vay vốn		-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	10.000.000.000
Lãi cho vay vốn		851.553.600	1.201.440.533
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	371.553.600	743.107.200
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	480.000.000	458.333.333
Cổ tức, lợi nhuận được chia		90.468.207.500	73.466.488.311
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	-	1.490.700.000
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	24.378.127.500	15.940.708.311
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	1.020.000.000	765.000.000
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	Công ty liên kết	61.600.000.000	51.800.000.000
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	3.470.080.000	3.470.080.000
Góp vốn		560.416.496.363	-
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (*)	Công ty liên kết	554.292.836.363	-
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	6.123.660.000	-

(*) Ông Nguyễn Văn Tuấn- Tổng Giám đốc Tổng Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Số dư tại ngày kết thúc năm:

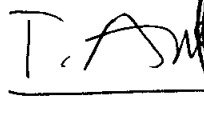

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		-	19.260.669.510
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	19.260.669.510
Phải thu vốn cho vay		2.000.000.000	28.385.120.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	2.000.000.000	12.385.120.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại	Công ty liên kết	-	16.000.000.000
Phải thu lãi cho vay vốn		-	2.195.706.096
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	-	1.917.372.763
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	278.333.333
Phải trả tiền hàng		62.028.156.183	94.580.705.907
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	-	107.520.000
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	62.028.156.183	94.473.185.907
Ứng trước tiền hàng		-	5.813.037.664
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	-	77.977.562
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại	Công ty liên kết	-	5.735.060.102
Phải thu lãi cho vay		2.288.926.363	1.917.372.763
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	2.288.926.363	1.917.372.763
Phải thu khác		-	1.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	-	1.000.000
Phải trả khác		-	16.699.815.109
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	16.699.815.109

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	9.689.278.415	4.321.100.000

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Dương Việt Nga
Người lập


Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởngNguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 46

0081
C
RNS
VI
CH
I
4/1/1

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam ("Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT ngày 10 tháng 7 năm 1990 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 24 tháng 7 năm 2017.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ hiện tại bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên
Ông Võ Anh Linh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yến	Trưởng ban	
Bà Phạm Thị Minh Cúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Bà Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Thế Ngọc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Hùng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Tuấn, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính của Tổng Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con.



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Tuấn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61355749/19516923/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam ("Tổng Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

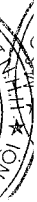
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 28 tháng 8 năm 2017 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đó vào ngày 26 tháng 8 năm 2016. Ngoài ra, công ty kiểm toán này cũng thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 17 tháng 2 năm 2017.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.471.689.984.480	2.387.487.256.005
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	290.490.978.202	1.952.418.381.205
111	1. Tiền		148.990.978.202	307.418.381.205
112	2. Các khoản tương đương tiền		141.500.000.000	1.645.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	630.000.000.000	242.046.708.523
121	1. Chứng khoán kinh doanh		630.000.000.000	197.046.708.523
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	45.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		466.932.268.798	182.141.870.759
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	245.705.991.736	163.450.273.240
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.846.642.413	1.636.721.863
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	4.000.000.000	6.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	219.953.325.355	11.054.875.656
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(4.573.690.706)	-
140	IV. Hàng tồn kho	10	75.169.936.720	326.486.935
141	1. Hàng tồn kho		75.169.936.720	326.486.935
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.096.800.760	10.553.808.583
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		78.136.319	99.327.985
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.005.052.223	10.444.847.648
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		13.612.218	9.632.950
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.109.472.559.226	3.027.652.236.271
220	I. Tài sản cố định		178.093.366.530	214.620.593.551
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	178.093.366.530	214.620.593.551
222	Nguyên giá		286.085.847.438	319.258.326.957
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(107.992.480.908)	(104.637.733.406)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		60.000.000	60.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(60.000.000)	(60.000.000)
230	II. Bất động sản đầu tư	12	167.088.695.221	138.705.542.050
231	1. Nguyên giá		183.722.287.521	148.649.765.571
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(16.633.592.300)	(9.944.223.521)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		4.138.214.910	4.455.651.410
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	4.138.214.910	4.455.651.410
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	4.729.378.189.585	2.638.243.819.355
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.655.651.813.915	1.971.025.617.177
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		86.062.555.604	681.940.062.485
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(12.336.179.934)	(14.721.860.307)
260	V. Tài sản dài hạn khác		30.774.092.980	31.626.629.905
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	30.774.092.980	31.626.629.905
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.581.162.543.706	5.415.139.492.276

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

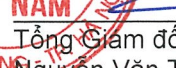
Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.187.450.978.851	3.326.735.731.050
310	I. Nợ ngắn hạn		1.233.212.945.731	1.352.260.147.189
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	151.887.275.032	125.201.617.399
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		478.178.368	331.910.950
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	214.641.000	10.110.354.020
314	4. Phải trả người lao động		3.753.895.284	6.987.068.362
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	9.374.755.713	11.877.743.290
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	3.252.326.552	3.192.367.948
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	21.534.434.026	22.202.719.816
320	8. Vay ngắn hạn	21	1.017.796.171.544	1.152.533.365.523
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	20.343.848.691	18.517.030.360
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.577.419.521	1.305.969.521
330	II. Nợ dài hạn		1.954.238.033.120	1.974.475.583.861
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	46.390.329.854	46.945.637.558
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	99.428.029.395	99.062.274.095
338	3. Vay dài hạn	21	1.792.000.000.002	1.793.713.636.364
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	22	14.938.298.879	25.640.119.184
343	5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.481.374.990	9.113.916.660
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.393.711.564.855	2.088.403.761.226
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	3.391.407.778.748	2.086.022.491.785
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.320.000.000.000	1.550.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.320.000.000.000	1.550.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		688.715.724.760	66.378.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(5.025.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		139.656.441.276	139.656.441.276
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		243.035.612.712	335.013.050.509
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		90.902.919.509	29.506.521.349
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		152.132.693.203	305.506.529.160
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		2.303.786.107	2.381.269.441
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		2.303.786.107	2.381.269.441
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.581.162.543.706	5.415.139.492.276


 Người lập
 Dương Việt Nga


 Kế toán trưởng
 Phạm Tuấn Anh




 Tổng Giám đốc
 Nguyễn Văn Tuấn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.244.163.237.360	732.227.822.687
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	(201.188.000)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.244.163.237.360	732.026.634.687
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(1.217.619.028.915)	(619.451.997.442)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.544.208.445	112.574.637.245
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	243.806.986.992	182.242.946.641
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	26	(98.358.123.443) (98.810.047.807)	(18.321.654.100) (565.668.584)
25	8. Chi phí bán hàng	27	6.763.710.205	(12.861.654.417)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(25.575.346.464)	(19.809.899.044)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		153.181.435.735	243.824.376.325
31	11. Thu nhập khác		150.000	80.688.757
32	12. Chi phí khác		(1.048.892.532)	(225.688.433)
40	13. Lỗ khác		(1.048.742.532)	(144.999.676)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		152.132.693.203	243.679.376.649
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	-	(17.962.929.933)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		152.132.693.203	225.716.446.716



Người lập
Dương Việt Nga



Kế toán trưởng
Phạm Tuấn Anh




Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Tuấn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		152.132.693.203	243.679.376.649
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		9.924.307.945	18.076.694.682
03	Các khoản dự phòng		(6.686.991.641)	22.681.466.719
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.805.859)	334.860.134
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(226.545.730.559)	(182.205.698.993)
06	Chi phí lãi vay	26	98.810.047.807	565.668.584
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		27.632.520.896	103.132.367.775
09	Tăng các khoản phải thu		(76.161.878.749)	(91.165.258.715)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(74.843.449.785)	27.693.745.613
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		6.460.440.165	(112.246.559.202)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		873.728.591	(633.432.384)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(432.953.291.477)	(40.000.000.000)
14	Tiền lãi vay đã trả		(100.402.351.029)	(565.668.584)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(6.918.948.141)	(9.099.399.393)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.838.681.000)	(13.309.614.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(665.151.910.529)	(136.193.818.890)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(4.093.577.965)	(43.048.013.957)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	35.001.600
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(250.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		47.000.000.000	181.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.432.262.876.940)	(19.123.660.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		26.700.707.486	47.175.835.400
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		335.532.130.845	162.384.041.411
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(2.027.123.616.574)	78.423.204.454

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.396.895.970.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		2.085.852.008.468	272.851.582.575
34	Tiền trả nợ gốc vay		(2.220.589.202.447)	(37.290.000.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(231.811.825.000)	(154.352.610.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.030.346.951.021	81.208.972.575
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(1.661.928.576.082)	23.438.358.139
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		1.952.418.381.205	121.223.651.001
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.173.079	(1.715.149)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	5	290.490.978.202	144.660.293.991



Người lập
Dương Việt Nga



Kế toán trưởng
Phạm Tuấn Anh



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Tuấn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT ngày 10 tháng 7 năm 1990 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 24 tháng 7 năm 2017.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ hiện tại bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 83 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 79 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty sở hữu trực tiếp các công ty con với thông tin cụ thể như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong kỳ</i>
1	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam (“Cadivi”)	74,73%	74,73%	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”)	65,88%	65,88%	Km12 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX (“Năng lượng GELEX”)	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực năng lượng
4	Công ty TNHH GELEX Campuchia (“GELEX Campuchia”)	100%	100%	Số 4B Đường 564, Phnom Penh, Campuchia	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
5	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (“Thibidi”)	70,79%	70,79%	Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
6	Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Đo Điện (“EMIC”)	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Sản xuất thiết bị đo điện
7	Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I (“Vinakip”)	72,15%	72,15%	Phố Hữu Nghị, Phường Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện dân dụng và công nghiệp
8	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Sotrans”)	51,03%	51,03%	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Tổng Công ty cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

Công ty Cadivi:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong kỳ</i>
1	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai ("Cadivi Đồng Nai")	100%	100%	Đường số 1, khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc ("Cadivi Miền Bắc")	100%	100%	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Kinh doanh dây và cáp điện

Công ty HEM:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong kỳ</i>
1	Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội ("HECO")	70,02%	70,02%	Lô J12, đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2	Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	51,35%	51,35%	Km12 - Quốc lộ 32, Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

Công ty Năng lượng GELEX:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong kỳ</i>
1	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")	65%	65%	Tổ 9, thôn Thạnh Mỹ 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, Quảng Nam	Sản xuất thủy điện
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX ("GELEX ICC")	81,25%	81,25%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Xây dựng dân dụng và công nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty Sotrans:

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính trong kỳ</u>
1	Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam ("Cảng Miền Nam")	51%	51%	Số 9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải đa phương thức, giao nhận hàng hóa
2	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans ("Hạ tầng Sotrans")	100%	100%	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải
3	Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam ("Sowatco") (*)	75,01%	75,01%	Số 298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại, cơ khí đóng tàu và dịch vụ tiếp vận.
4	Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh ("Sotrans Hà Tĩnh")	100%	100%	Nhà Ông Trịnh Thiên Chiến, tổ dân phố Độ Gõ, Phường Kỳ Thịnh, Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ
5	Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức ("VTX")	82,65%	82,65%	Số 80-82 Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Đà Nẵng	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ và vận tải đường thủy
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình ("ECCO")	86,15%	86,15%	Số 202 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng
7	Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ ("Đóng tàu Cần Thơ")	70%	70%	Số 77B Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	Cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SOWATMES")	51%	51%	Số 59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Tổng Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 14. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày đề ngày 28 tháng 8 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Tổng Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tổng Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tổng Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký vào năm 2004 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản dự phòng

Tổng Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tổng Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tổng Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ cáo tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. NGHIỆP VỤ MUA CÔNG TY CON TRỌNG YẾU TRONG KỲ

4.1 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam

Vào ngày 24 tháng 3 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 26,01% cổ phần của Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam ("Sotrans") và qua đó, Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Sotrans thành 51,03%. Theo đó, Công ty Sotrans trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

Công ty Sotrans là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 11 được cấp ngày 13 tháng 12 năm 2016. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong kỳ của Công ty Sotrans là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho bãi; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa.

Tại ngày 24 tháng 3 năm 2017, Công ty Sotrans sở hữu trực tiếp 4 công ty con bao gồm:

- Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam;
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (*);
- Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh; và
- Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức.

(*) Công ty con này sở hữu Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam, là một công ty sở hữu 3 công ty con và 3 công ty liên kết khác.

Ngoài ra, Công ty Sotrans có 4 khoản đầu tư vào các công ty đầu tư liên doanh, liên kết là:

- Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO;
- Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier;
- Công ty TNHH Lô-gi-Stíc Gefco – Sotrans; và
- Công ty Cổ phần MHC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. NGHIỆP VỤ MUA CÔNG TY CON TRỌNG YẾU TRONG KỲ (tiếp theo)

4.1 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam (tiếp theo)

Thông tin về tỷ lệ sở hữu, tỷ lệ biểu quyết và hoạt động của Công ty Sotrans và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại Thuyết minh Số 1.

Tổng Công ty mua Công ty Sotrans với mục đích phát triển mảng kinh doanh vận tải và tiếp vận của Tập đoàn.

4.2 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 22,91% cổ phần của Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I (“Vinakip”) thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Vinakip. Thông qua giao dịch này, Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Vinakip thành 72,15% và theo đó, Công ty Vinakip trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

Công ty Vinakip là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 247/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công Nghiệp. Công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000160 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp lần đầu ngày 12 tháng 4 năm 2004, và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần 6 số 0500447942 được cấp ngày 18 tháng 1 năm 2016. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong kỳ của Công ty Vinakip là chế tạo và kinh doanh các thiết bị đóng ngắt, điều khiển và bảo vệ dòng điện.

Tổng Công ty mua Công ty Vinakip với mục đích phát triển mảng kinh doanh thiết bị điện của Tập đoàn.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền mặt	4.511.203.792	1.163.674.666
Tiền gửi ngân hàng	144.479.774.410	306.254.706.539
Các khoản tương đương tiền (*)	141.500.000.000	1.645.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>290.490.978.202</u>	<u>1.952.418.381.205</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng mức lãi suất bình quân 5,2%/năm đến 5,3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Trái phiếu (i)	600.000.000.000	600.000.000.000	-	197.046.708.523	197.046.708.523	-
Ủy thác đầu tư (ii)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	630.000.000.000	630.000.000.000	-	197.046.708.523	197.046.708.523	-

(i) Chi tiết các khoản trái phiếu như sau:

Tổ chức phát hành	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	500.000.000.000	Kỳ hạn 2 năm, gốc và lãi được nhận vào ngày 21 tháng 2 năm 2019 khi đáo hạn	9,5%	Tin chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An	100.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm. Trái phiếu đáo hạn vào ngày 31 tháng 5 năm 2020	9,5%	Tin chấp
	600.000.000.000			

Tổng Công ty phân loại các trái phiếu nêu trên là chứng khoán kinh doanh (ngắn hạn) dựa trên chủ trương chuyển nhượng trước ngày đáo hạn được Ban Tổng Giám đốc xây dựng trước khi đầu tư các khoản này.

(ii) Đây là khoản ủy thác đầu tư của Tổng Công ty cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 01/2016/HĐQLDMĐT/VTBC-GELEX ký ngày 19 tháng 1 năm 2017, nhằm mục đích ủy thác đầu tư cổ phiếu (không có danh mục cụ thể) trong vòng 1 năm kể từ thời điểm ký hợp đồng.

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000
TỔNG CỘNG	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu từ khách hàng	45.892.299.661	70.791.784.176
- Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	22.821.750.000	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thép và Vật liệu Điện Hà Nội	5.763.936.875	5.763.936.875
- Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Đồng Nai	4.190.579.833	1.486.823.745
- Các khoản phải thu khách hàng khác	13.116.032.953	63.541.023.556
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	199.813.692.075	92.658.489.064
TỔNG CỘNG	245.705.991.736	163.450.273.240
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.573.690.706)	-

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Công ty Cổ phần Vật tư Xây dựng Hà Nội (*)	4.000.000.000	4.000.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	2.000.000.000
TỔNG CỘNG	4.000.000.000	6.000.000.000

(*) Khoản cho vay này có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6%/năm, đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đặt cọc mua cổ phần (i)	214.448.750.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức	4.604.203.870	2.741.704.141
Phải thu tiền góp vốn tại GELEX Campuchia do giảm vốn	-	4.957.327.000
Tạm ứng tiền thưởng Hội đồng Quản trị, ban điều hành	-	3.000.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	819.110.000	149.000.000
Phải thu khác	81.261.485	206.844.515
TỔNG CỘNG	<u>219.953.325.355</u>	<u>11.054.875.656</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	<i>69.988.928.870</i>	<i>7.246.253.363</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>149.964.396.485</i>	<i>3.808.622.293</i>

(i) Các khoản đặt cọc mua cổ phần tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Tổng Công ty bao gồm:

- Khoản đặt cọc với số tiền 65.550.000.000 VND để mua thêm 5,7 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari (“VIHEM”) – công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, thông qua phương thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty VIHEM cho Tổng công ty. Giao dịch này đã được hoàn thành vào ngày 17 tháng 7 năm 2017 (xem thêm Thuyết minh số 33).
- Khoản đặt cọc với số tiền là 148.898.750.000 VND cho một số cá nhân để mua cổ phần của một công ty trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thiết bị điện, thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh với các cá nhân này ký trong năm 2017.

10. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi đường	75.025.457.839	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	144.478.881	-	326.486.935	-
TỔNG CỘNG	<u>75.169.936.720</u>	<u>-</u>	<u>326.486.935</u>	<u>-</u>

Một số hàng tồn kho đã được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tổng Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 21.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Trang thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)	218.151.651.278	39.195.985.380	9.996.540.909	51.914.149.390	319.258.326.957
- Mua trong kỳ	500.000.000	1.310.296.976		89.745.455	1.900.042.431
- Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 12)	(22.236.812.073)	(2.531.181.706)	-	(10.304.528.171)	(35.072.521.950)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	196.414.839.205	37.975.100.650	9.996.540.909	41.699.366.674	286.085.847.438
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	29.609.226.398	20.334.538.338	3.734.250.000	422.929.864	54.100.944.600
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)	68.864.959.054	23.977.807.879	4.621.891.416	7.173.075.057	104.637.733.406
- Khấu hao trong kỳ	2.648.990.647	759.301.040	521.857.578	2.575.166.240	6.505.315.505
- Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 12)	(1.034.461.518)	(265.389.367)	-	(1.850.717.118)	(3.150.568.003)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	70.479.488.183	24.471.719.552	5.143.748.994	7.897.524.179	107.992.480.908
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)	149.286.692.224	15.218.177.501	5.374.649.493	44.741.074.333	214.620.593.551
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	125.935.351.022	13.503.381.098	4.852.791.915	33.801.842.495	178.093.366.530

Một số tài sản cố định hữu hình bao gồm Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành (phần diện tích sử dụng nội bộ), đã được thế chấp cho khoản trái phiếu của Tổng Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 21.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị (*)</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)	95.163.626.739	53.486.138.832	148.649.765.571
- Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình (<i>Thuyết minh số 11</i>)	22.236.812.074	12.835.709.876	35.072.521.950
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>117.400.438.813</u>	<u>66.321.848.708</u>	<u>183.722.287.521</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)	3.476.476.033	6.467.747.488	9.944.223.521
- Khấu hao trong kỳ	950.557.367	2.588.243.409	3.538.800.776
- Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình (<i>Thuyết minh số 11</i>)	1.034.461.518	2.116.106.485	3.150.568.003
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>5.461.494.918</u>	<u>11.172.097.382</u>	<u>16.633.592.300</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)	<u>91.687.150.706</u>	<u>47.018.391.344</u>	<u>138.705.542.050</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>111.938.943.895</u>	<u>55.149.751.326</u>	<u>167.088.695.221</u>

(*) Đây là các hệ thống máy móc thiết bị gắn liền với bất sản đầu tư là Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư nêu trên do chưa thu thập được thông tin tham chiếu về giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính.

Bất động sản đầu tư là Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội (tính theo tỷ lệ phần diện tích cho thuê trên tổng diện tích thương mại), đã được thế chấp cho khoản trái phiếu của Tổng Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 21.2.

13. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Dự án Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	4.138.214.910	4.138.214.910
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	317.436.500
TỔNG CỘNG	<u>4.138.214.910</u>	<u>4.455.651.410</u>

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017				Ngày 31 tháng 12 năm 2016				Đơn vị tính: VND
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào công ty con		4.655.651.813.915	-	7.510.292.606.000	1.971.025.617.177	-	-	2.821.085.860.322	
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX (*)	100%	1.400.000.000.000	-	1.400.000.000.000	220.000.000.000	-	-	220.000.000.000	
Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam	51,03%	1.134.470.274.098	-	1.133.599.558.000	(i)	-	-	-	
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	74,73%	898.925.841.841	-	2.475.009.760.000	74,73%	484.822.695.174	-	1.085.865.792.000	670.662.038.822 (*)
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện (*)	70,79%	576.262.038.822	-	1.710.074.965.500	70,79%	670.662.038.822	-	368.000.000.000	
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	100%	368.000.000.000	-	368.000.000.000	100%	368.000.000.000	-	463.026.879.500	
Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I Campuchia (*)	65,88%	214.009.733.181	-	341.815.654.500	65,88%	214.009.733.181	-	-	
Công ty TNHH GELEX	72,15%	63.452.775.973	-	81.261.518.000	(ii)	-	-	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX (*)	100%	531.150.000	-	531.150.000	100%	531.150.000	-	531.150.000	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết									
Công ty Dây Đồng Việt Nam – CFT (*)	-	-	-	-	81,25%	13.000.000.000	-	13.000.000.000	
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari	36,35%	69.285.387.977	-	69.285.387.977	36,35%	69.285.387.977	-	69.285.387.977	
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (*) (**)	34,27%	16.777.167.627	(12.336.179.934)	11.031.180.000	34,27%	16.777.167.627	(14.721.860.307)	16.099.560.000	
Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I miền Nam	(ii)	-	-	-	25,50%	5.332.103.750	-	5.332.103.750	
Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam	(i)	-	-	-	49,24%	36.252.566.768	-	47.152.245.000	
					24,93%	554.292.836.363	-	530.370.000.000	
TỔNG CỘNG		4.741.714.369.519	(12.336.179.934)	7.590.609.173.977		2.652.965.679.662	(14.721.860.307)	3.489.325.157.049	

(*) Do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Tổng Công ty trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư theo giá trị ghi sổ.

(**) Đã thoái vốn toàn bộ trong năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 4, Tổng Công ty mua thêm phần sở hữu (cụ thể là 26,01% cổ phần) trong Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam (“Sotrans”) vào ngày 24 tháng 3 năm 2017 và theo đó, Công ty Sotrans chuyển đổi từ công ty liên kết thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.
- (ii) Như trình bày tại Thuyết minh số 4, Tổng Công ty mua thêm phần sở hữu (cụ thể là 22,91% cổ phần) trong Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I (“Vinakip”) vào ngày 31 tháng 5 năm 2017 và theo đó, Công ty Vinakip chuyển đổi từ công ty liên kết thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 1.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty như sau:

- (a) Công ty Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 4 ngày 21 tháng 7 năm 2015. Công ty này có trụ sở chính tại tổ 24, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính trong kỳ của công ty này là sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện.
- (b) Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 1576/GPĐT do Trường Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 8 năm 2002. Công ty này có trụ sở chính tại đường số 9, khu Công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất nguyên liệu chính trong ngành sản xuất dây, cáp điện, dây điện tử và cáp viễn thông. Theo Giấy phép đầu tư nói trên, tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty trong Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT được tăng từ 36,35% lên 45% từ năm 2016 đến hết thời hạn liên doanh (năm 2026) mặc dù phần vốn góp của Tổng Công ty trong đơn vị liên doanh này không đổi.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Dài hạn		
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền (*)	12.476.222.758	12.743.034.340
Chi phí cải tạo văn phòng	8.646.895.414	8.466.491.146
Chi phí thuê đất trả trước (*)	7.293.743.262	7.392.210.744
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.570.551.023	1.862.116.454
Công cụ, dụng cụ	592.106.706	526.509.896
Chi phí trả trước dài hạn khác	194.573.817	636.267.325
TỔNG CỘNG	<u>30.774.092.980</u>	<u>31.626.629.905</u>

(*) Chi phí thuê đất trả trước và chi phí xây dựng hạ tầng và san nền là các khoản chi phí liên quan đến khu đất thuộc Khu công nghiệp Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, hiện đang được thuê lại bởi Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện, công ty con của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	83.374.810.522	83.374.810.522	6.255.393.883	6.255.393.883
- LS-Nikko Copper Inc.	66.046.244.752	66.046.244.752	-	-
- Công ty TNHH Trung tâm Thép NSSB Sài Gòn	6.638.804.123	6.638.804.123	-	-
- Phải trả đối tượng khác	10.689.761.647	10.689.761.647	6.255.393.883	6.255.393.883
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	68.512.464.510	68.512.464.510	118.946.223.516	118.946.223.516
TỔNG CỘNG	151.887.275.032	151.887.275.032	125.201.617.399	125.201.617.399

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp/cần trừ trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Thuế giá trị gia tăng	-	124.363.284.763	(124.363.284.763)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.918.948.141	-	(6.918.948.141)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.024.975.267	7.433.717.861	(8.244.052.128)	214.641.000
Thuế đất	1.331.784.440	4.586.347.805	(5.918.132.245)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	834.646.172	26.997.887	(861.644.059)	-
TỔNG CỘNG	10.110.354.020	136.410.348.316	(146.306.061.336)	214.641.000

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Chi phí lãi vay	8.982.755.713	10.575.058.935
Chi phí phải trả khác	392.000.000	1.302.684.355
TỔNG CỘNG	9.374.755.713	11.877.743.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng	3.252.326.552	3.192.367.948
TỔNG CỘNG	3.252.326.552	3.192.367.948
Dài hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng	46.390.329.854	46.945.637.558
TỔNG CỘNG	46.390.329.854	46.945.637.558

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Nhận đặt cọc thực hiện dự án tại số 10 Trần Nguyễn Hãn - Hà Nội (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.534.434.026	2.202.719.816
TỔNG CỘNG	21.534.434.026	22.202.719.816
Dài hạn		
Chứng quyền đặt mua (**)	90.000.000.000	90.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.428.029.395	9.062.274.095
TỔNG CỘNG	99.428.029.395	99.062.274.095

(*) Đây là khoản tiền đặt cọc của một công ty và một cá nhân để thực hiện dự án tại số 10 Trần Nguyễn Hãn – Hà Nội.

(**) Đây là khoản tiền Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IB") đã trả cho Tổng Công ty để mua chứng quyền theo các Hợp đồng số 20161206/HĐ/IBSC-GEX ngày 6 tháng 12 năm 2016 và số 20161212/HĐ/IBSC-GEX ngày 12 tháng 12 năm 2016. Theo đó, Công ty IB đã mua tổng cộng 1.800 chứng quyền với giá 50 triệu VND/chứng quyền. Mỗi chứng quyền tương ứng với quyền mua 50.000 cổ phần của Tổng Công ty, với giá 20.000 VND/cổ phần. Giá mua mỗi cổ phần khi thực hiện chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng và giá mua không thấp hơn 10.000 VND/cổ phần. Thời gian thực hiện các chứng quyền này không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2019. Việc phát hành các chứng quyền này được sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty, thông qua Nghị quyết số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 1 tháng 8 năm 2016.

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016				Trong kỳ			Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Đơn vị tính: VND
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị			
	Giá trị									
Vay ngắn hạn										
Vay ngân hàng	21.1	1.152.533.365.523	1.152.533.365.523	2.085.852.008.468	(2.220.589.202.447)	1.017.796.171.544	1.017.796.171.544	1.017.796.171.544	1.017.796.171.544	
TỔNG CỘNG		1.152.533.365.523	1.152.533.365.523	2.085.852.008.468	(2.220.589.202.447)	1.017.796.171.544	1.017.796.171.544	1.017.796.171.544	1.017.796.171.544	
Vay dài hạn										
Trái phiếu phát hành	21.2	1.793.713.636.364	1.793.713.636.364	1.600.000.002	(3.313.636.364)	1.792.000.000.002	1.792.000.000.002	1.792.000.000.002	1.792.000.000.002	
TỔNG CỘNG		1.793.713.636.364	1.793.713.636.364	1.600.000.002	(3.313.636.364)	1.792.000.000.002	1.792.000.000.002	1.792.000.000.002	1.792.000.000.002	

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn bằng VND được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	617.700.161.904	Kỳ hạn vay là 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 12 tháng 12 năm 2017	5,0% - 5,2%	Quyền phải thu và hàng tồn kho luân chuyển.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	374.555.939.629	Kỳ hạn vay từ 3 đến 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 29 tháng 11 năm 2017	4,8% - 5,2%	Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế và hàng tồn kho luân chuyển.
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Ba Đình	25.540.070.011	Kỳ hạn vay là 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 27 tháng 10 năm 2017	5,0% - 5,1%	Quyền phải thu và hàng tồn kho luân chuyển.
	1.017.796.171.544			

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Trái phiếu phát hành

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (*)	1.800.000.000.000	8,5%	Tất toán vào tháng 12 năm 2019	8,5%
Chi phí phát hành trái phiếu	(7.999.999.998)			Tất toán vào tháng 12 năm 2019
TỔNG CỘNG	<u>1.792.000.000.002</u>			<u>1.793.713.636.364</u>

(*) Gồm 2 hợp đồng mua bán trái phiếu như sau:

(i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01.2016/HĐĐM/TPBANK-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Tiên Phong; vào ngày 12 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã phát hành 800 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 800 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- ▶ Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành;
- ▶ 10.946.969 cổ phần trong Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Thibidi"), 24.242.245 cổ phần trong Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM"), 23.600.000 cổ phần hạn chế chuyển nhượng trong Công ty Thidibi thuộc sở hữu của Tổng Công ty và phần vốn góp của Tổng Công ty trong Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX có nguồn gốc từ trái phiếu phát hành.

(ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 612/2016/HĐĐM.TPMIB-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình; vào ngày 6 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã phát hành 1.000 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 1.000 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- ▶ 41.000.000 cổ phần phổ thông trong Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam;
- ▶ Toàn bộ phần vốn góp của Tổng Công ty vào Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land (thành lập ngày 12 tháng 7 năm 2017).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	20.343.848.691	18.517.030.360
TỔNG CỘNG	20.343.848.691	18.517.030.360
Dài hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	14.938.298.879	25.640.119.184
TỔNG CỘNG	14.938.298.879	25.640.119.184

Dự phòng bảo hành được trích lập dựa trên các sản phẩm mà Tổng Công ty sản xuất và bán ra trong các năm trước theo điều khoản hợp đồng và thời gian bảo hành cam kết với khách hàng (từ 1 đến 6 năm). Do Tổng Công ty đã chuyển giao toàn bộ hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị đo điện sang công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện trong năm 2016 nên Tổng Công ty không trích lập thêm dự phòng bảo hành trong năm 2017.

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	62.000.000.000	279.157.962.625	1.952.510.962.625
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	225.716.446.716	225.716.446.716
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(154.500.000.000)	(154.500.000.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	77.656.441.276	(77.656.441.276)	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(17.495.000.000)	(17.495.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	139.656.441.276	255.222.968.065	2.006.232.409.341
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	139.656.441.276	335.013.050.509	2.086.022.491.785
- Tăng vốn trong kỳ (*)	770.000.000.000	615.729.724.760	-	-	-	1.385.729.724.760
- Bán cổ phiếu quỹ	-	6.608.000.000	5.025.000.000	-	-	11.633.000.000
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	152.132.693.203	152.132.693.203
- Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	(232.000.000.000)	(232.000.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (***)	-	-	-	-	(12.110.131.000)	(12.110.131.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	2.320.000.000.000	688.715.724.760	-	139.656.441.276	243.035.612.712	3.391.407.778.748

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Dựa trên chủ trương đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCD ngày 1 tháng 8 năm 2016, Tổng Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ thông qua phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 06/2017/GELEX/NQ-HĐQT vào ngày 23 tháng 1 năm 2017 phê duyệt kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, số cổ phiếu này được góp đủ trong năm 2017 và chính thức lưu hành từ ngày 23 tháng 1 năm 2017.

(**) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 21/GELEX/NQ-ĐHCD ngày 25 tháng 4 năm 2017, Tổng Công ty đã trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức bằng tiền vào ngày 19 tháng 5 năm 2017.

23.2 Cổ tức

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Cổ tức đã công bố trong kỳ		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2015: 1.000 VND/cổ phiếu	-	154.500.000.000
Cổ tức cho năm 2016: 1.000 VND/cổ phiếu	232.000.000.000	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 (*)	-	-

(*) Tổng Công ty đã phát hành 34.800.000 cổ phiếu thưởng vào ngày 17 tháng 7 năm 2017 như được trình bày tại Thuyết minh số 33.

23.3 Cổ phiếu

	<u>Số lượng cổ phiếu tại ngày</u>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	232.000.000	155.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	232.000.000	155.000.000
Cổ phiếu phổ thông	232.000.000	155.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	500.000
Cổ phiếu phổ thông	-	500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	232.000.000	154.500.000
Cổ phiếu phổ thông	232.000.000	154.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được niêm yết tại sàn UPCOM theo mã chứng khoán là GEX.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng doanh thu	1.244.163.237.360	732.227.822.687
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm (*)	-	508.611.745.676
Doanh thu bán hàng hóa	1.212.256.245.934	200.466.254.771
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.906.991.426	23.149.822.240
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(201.188.000)
Doanh thu thuần	1.244.163.237.360	732.026.634.687
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm (*)	-	508.410.557.676
Doanh thu bán hàng hóa	1.212.256.245.934	200.466.254.771
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.906.991.426	23.149.822.240
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	86.832.093.820	488.588.251.921
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 30)	1.157.331.143.540	243.438.382.766

(*) Như đề cập tại Thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã chuyển giao toàn bộ hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị đo điện sang công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện trong năm 2016. Do đó, Công ty không còn nghiệp vụ bán thành phẩm trong năm 2017.

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	19.882.395.061	7.237.898.897
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư	16.620.604.092	19.842.550.996
Cổ tức, lợi nhuận được chia	206.780.002.180	155.090.247.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	523.985.659	72.249.248
TỔNG CỘNG	243.806.986.992	182.242.946.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	406.622.722.465
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.201.079.717.325	197.757.005.189
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	16.539.311.590	15.072.269.788
TỔNG CỘNG	<u>1.217.619.028.915</u>	<u>619.451.997.442</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí lãi vay	98.810.047.807	565.668.584
Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	1.600.000.002	-
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	116.666.682	374.219.604
Chi phí tài chính khác	(2.385.680.373)	17.381.765.912
	217.089.325	-
TỔNG CỘNG	<u>98.358.123.443</u>	<u>18.321.654.100</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	1.361.572.763
Chi phí nhân công	-	612.290.941
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.103.041.769	5.275.187.902
Chi phí bảo hành (*)	(8.875.001.974)	4.428.871.561
Chi phí bán hàng khác	8.250.000	1.183.731.250
TỔNG CỘNG	<u>(6.763.710.205)</u>	<u>12.861.654.417</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.108.139.574	1.570.849.478
Chi phí nhân công	10.995.146.258	7.952.973.316
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.992.848.857	350.770.066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	899.821.440	5.795.069.722
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.579.390.335	4.140.236.462
TỔNG CỘNG	<u>25.575.346.464</u>	<u>19.809.899.044</u>

(*) Chi phí bảo hành âm do Tổng Công ty hoàn nhập chi phí dự phòng bảo hành trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	1.205.240.764.399	586.048.785.925
Chi phí nhân công	14.100.324.244	19.946.557.683
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.924.307.945	18.076.694.682
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.795.319.052	17.725.852.971
Hoàn nhập dự phòng	(11.863.311.268)	(669.310.419)
Chi phí khác	12.233.260.802	10.994.970.061
TỔNG CỘNG	<u>1.236.430.665.174</u>	<u>652.123.550.903</u>

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Tổng Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	152.132.693.203	243.679.376.649
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Tổng Công ty	30.426.538.641	48.735.875.330
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí thiếu hóa đơn chứng từ hợp lý hợp lệ	488.988.652	184.583.315
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	-	60.958.320
Dự phòng phải thu khó đòi	914.738.141	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận	9.525.969.618	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(41.356.000.436)	(31.018.049.500)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	(234.616)	(437.532)
Chi phí thuế TNDN	<u>-</u>	<u>17.962.929.933</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

29.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Tổng Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty có khoản lỗ tính thuế lũy kế với tổng số tiền là 47.629.848.090 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai, chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đơn vị tính: VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2016	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/06/2017
2017	2022	47.629.848.090	-	-	47.629.848.090
TỔNG CỘNG		47.629.848.090	-	-	47.629.848.090

(*) Đây là khoản lỗ tính thuế ước tính của Tổng Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa Cổ tức, lợi nhuận được chia	786.084.313.990 150.652.768.000	195.358.655.892 56.165.472.000
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	Mua hàng hóa Cổ tức, lợi nhuận được chia Doanh thu cung cấp dịch vụ	247.486.628.271 10.244.480.513 495.709.050	168.577.849.718 24.378.127.500 487.090.869
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa Cổ tức, lợi nhuận được chia	204.309.189.246 103.640.907.000	10.093.604.630 31.277.056.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết (đến tháng 3 năm 2017)	Doanh thu bán hàng hóa Lãi cho vay Cổ tức, lợi nhuận được chia	162.687.930.378 - -	26.094.744.355 480.000.000 1.020.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo máy Điện Việt Nam – Hungari	Công ty liên doanh	Chuyển tiền đặt cọc mua cổ phần Lãi cho vay	65.550.000.000 150.002.507	- 371.553.600
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	Cổ tức, lợi nhuận được chia Doanh thu bán hàng hóa	48.483.390.000 362.430.870	36.088.875.000 3.146.267.100
Công ty Cổ phần Khí cụ Điện 1	Công ty con	Mua thêm vốn cổ phần Cổ tức, lợi nhuận được chia Doanh thu bán hàng hóa	27.200.209.205 2.490.690.000 -	- 3.470.080.000 1.626.419.000
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện	Công ty con	Cho thuê văn phòng Doanh thu bán hàng hóa	2.032.462.278 1.266.000.000	- -
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	93.107.728	108.678.454
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	-	5.559.222.966
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết (đến tháng 8 năm 2016)	Doanh thu bán hàng hóa	-	963.699.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Tổng Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, cho vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tổng Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7)</i>				
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	Công ty con	Bán hàng hóa	116.648.488.465	81.430.811.033
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty con	Bán hàng hóa	83.158.942.487	-
Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc	Công ty con	Bán hàng hóa	3.840.452	-
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	Công ty con	Bán hàng hóa	1.505.042	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	Bán hàng hóa	915.629	485.617
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Công ty con	Bán hàng hóa	-	10.881.605.862
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	Công ty con	Bán hàng hóa	-	297.221.650
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện	Công ty con	Bán hàng hóa	-	48.364.902
			199.813.692.075	92.658.489.064
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)</i>				
Công ty Cổ phần Chế tạo máy Điện Việt Nam – kết Hungari	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	-	2.000.000.000
			-	2.000.000.000
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)</i>				
Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari	Công ty liên kết	Phải thu tiền đặt cọc mua cổ phần	65.550.000.000	-
		Phải thu lãi cho vay	2.438.928.870	2.288.926.363
Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I	Công ty con	Phải thu tiền cổ tức	2.000.000.000	-
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Công ty con	Phải thu về thu hồi góp vốn đầu tư	-	4.957.327.000
			69.988.928.870	7.246.253.363

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)</i>				
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	Mua hàng hóa	43.880.674.762	43.365.078.051
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện	Công ty con	Mua hàng hóa	24.015.440.199	74.981.795.916
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	Mua hàng hóa	599.349.549	599.349.549
Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc	Công ty con	Mua hàng hóa	17.000.000	-
			68.512.464.510	118.946.223.516

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		
Tổng thu nhập	8.189.246.175	4.808.000.000		
TỔNG CỘNG	8.189.246.175	4.808.000.000		

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết cho thuê hoạt động

Tổng Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>		
Đến 1 năm	37.712.593.864	19.082.981.062		
Trên 1 – 5 năm	116.112.312.840	60.076.301.927		
Trên 5 năm	88.426.929.002	80.312.420.916		
TỔNG CỘNG	242.251.835.706	159.471.703.905		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Cam kết về thuê hoạt động

Tổng Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Tổng Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đến 1 năm	1.299.386.088	702.183.555
Trên 1 – 5 năm	6.496.930.440	3.510.917.775
Trên 5 năm	49.391.337.620	21.890.859.979
TỔNG CỘNG	57.187.654.148	26.103.961.309

32. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng của năm nay. Chi tiết như sau:

<i>Mã số</i>		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)</i>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG				
121	Chứng khoán kinh doanh (i)	-	197.046.708.523	197.046.708.523
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)	242.046.708.523	(197.046.708.523)	45.000.000.000
222	Nguyên giá tài sản cố định hữu hình (ii)	467.908.092.528	(148.649.765.571)	319.258.326.957
223	Giá trị khấu hao lũy kế tài sản cố định hữu hình (ii)	(114.581.956.927)	9.944.223.521	(104.637.733.406)
231	Nguyên giá bất động sản đầu tư (ii)	-	148.649.765.571	148.649.765.571
232	Giá trị khấu hao lũy kế bất động sản đầu tư (ii)	-	(9.944.223.521)	(9.944.223.521)

(i) Phân loại lại các khoản trái phiếu nắm giữ cho mục đích kinh doanh ngắn hạn theo chủ trương đầu tư của Tổng Công ty.

(ii) Phân loại lại tài sản cố định của Tòa nhà Gelex Tower tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội sang bất động sản đầu tư theo tỷ lệ diện tích cho bên ngoài thuê và sử dụng nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã thông qua Quyết định số 30/2017/GELEX/QĐ-HĐQT về việc thành lập Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land với vốn điều lệ là 50 tỷ VND. Ngành nghề kinh doanh của công ty con này là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản.

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 5.700.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari (“VIHEM”) thông qua phương thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ của VIHEM cho Tổng Công ty. Qua đó, Tổng Công ty sở hữu tổng cộng 7.190.700 cổ phần của VIHEM (tương đương 65,37% vốn điều lệ) và VIHEM trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn thành việc chia cổ phiếu thưởng dựa trên chủ trương đã được phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 21/GELEX/NQ-ĐHCD ngày 25 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết số 26/2017/GELEX/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 2 tháng 6 năm 2017. Theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 34.800.000 cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu, bao gồm nguồn thặng dư vốn cổ phần, Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và qua đó, tăng vốn điều lệ lên 2.668 tỷ VND.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty.



Người lập
Dương Việt Nga



Kế toán trưởng
Phạm Tuấn Anh



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Tuấn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017



Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 80

11/01/17
0
11
11

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT ngày 10 tháng 7 năm 1990 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau này, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 24 tháng 7 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tổng Công ty bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên
Ông Võ Anh Linh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yến	Trưởng ban	
Bà Phạm Thị Minh Cúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Bà Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Thế Ngọc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Hùng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Tuấn, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Tuấn

Ngày 28 tháng 8 năm 2017



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61355749/19516923-HN/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 80 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó vào ngày 26 tháng 8 năm 2016. Công ty kiểm toán này cũng thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 30 tháng 3 năm 2017.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

DOF
RN
V
CI
IAV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.211.067.285.711	6.375.260.768.165
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.077.504.002.160	2.912.224.131.908
111	1. Tiền		434.162.439.634	551.676.131.908
112	2. Các khoản tương đương tiền		643.341.562.526	2.360.548.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	1.538.924.147.597	353.394.502.790
121	1. Chứng khoán kinh doanh		845.971.138.255	197.046.708.523
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(22.550.185.849)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		715.503.195.191	156.347.794.267
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.542.779.814.408	1.477.255.794.577
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	2.119.706.467.555	1.223.696.625.485
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	136.017.151.383	40.031.806.525
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	54.340.000.000	6.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.327.753.263.129	244.605.334.365
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(95.820.704.807)	(37.077.971.798)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		783.637.148	-
140	IV. Hàng tồn kho	10	2.005.484.923.681	1.599.320.549.702
141	1. Hàng tồn kho		2.009.166.336.212	1.605.320.276.853
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.681.412.531)	(5.999.727.151)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		46.374.397.865	33.065.789.188
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	15.429.409.333	3.500.945.005
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		29.647.345.687	25.951.710.367
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.297.642.845	3.613.133.816

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.497.166.845.898	2.455.829.770.802
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		80.586.329.570	431.000.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	7.1	76.417.752.200	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		1.528.500.000	-
216	3. Phải thu dài hạn khác		2.640.077.370	431.000.000
220	II. Tài sản cố định		2.877.082.896.332	896.768.403.860
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.718.151.004.868	849.608.232.527
222	Nguyên giá		4.707.558.820.324	1.776.437.667.014
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.989.407.815.456)	(926.829.434.487)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	158.931.891.464	47.160.171.333
228	Nguyên giá		198.079.639.428	58.439.178.735
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(39.147.747.964)	(11.279.007.402)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	140.068.192.865	126.271.840.991
231	1. Nguyên giá		154.011.908.274	135.324.654.546
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(13.943.715.409)	(9.052.813.555)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	14	308.625.123.250	233.426.742.295
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		308.625.123.250	233.426.742.295
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	15	1.076.890.032.499	1.003.976.347.979
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		765.980.368.059	1.000.267.658.228
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.864.805.940	3.495.681.301
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(232.841.500)	(386.991.550)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		306.277.700.000	600.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.013.914.271.382	194.955.435.677
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	207.238.584.621	189.278.626.743
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.3	10.992.362.273	5.676.808.934
269	3. Lợi thế thương mại	17	795.683.324.488	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		13.708.234.131.609	8.831.090.538.967

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.724.845.230.141	5.554.347.800.979
310	I. Nợ ngắn hạn		4.105.291.473.822	3.420.162.929.722
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18.1	786.176.800.031	618.097.889.769
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18.2	69.093.656.143	38.263.732.896
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	81.939.828.306	57.562.288.051
314	4. Phải trả người lao động		110.423.310.848	124.492.002.513
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	36.767.530.190	38.300.478.430
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	42.515.910.927	20.332.886.290
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	551.293.416.559	324.415.731.261
320	8. Vay ngắn hạn	23	2.152.992.467.226	1.998.916.461.904
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	24	149.635.838.962	154.974.905.223
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	25	124.452.714.630	44.806.553.385
330	II. Nợ dài hạn		3.619.553.756.319	2.134.184.871.257
331	1. Phải trả người bán dài hạn	18.1	56.495.273.005	-
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	46.390.329.854	46.945.637.558
337	3. Phải trả dài hạn khác	22	138.491.798.895	99.062.274.095
340	4. Vay dài hạn	23	3.270.035.705.878	1.890.468.227.369
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.3	17.092.299.361	-
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn	24	57.847.100.649	57.337.130.033
343	7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		33.201.248.677	40.371.602.202
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.983.388.901.468	3.276.742.737.988
410	I. Vốn chủ sở hữu	26	5.977.838.596.669	3.272.769.249.866
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.320.000.000.000	1.550.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.320.000.000.000	1.550.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		688.715.724.760	66.378.000.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		77.388.963.577	77.388.963.577
415	4. Cổ phiếu quỹ		-	(5.026.115.259)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		35.975.000	83.604.392
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		216.738.210.746	208.668.128.206
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		749.411.993.595	677.140.203.246
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		325.200.352.770	215.405.554.558
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		424.211.640.825	461.734.648.688
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.925.547.728.991	698.136.465.704
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		5.550.304.799	3.973.488.122
431	1. Nguồn kinh phí		1.755.477.009	(25.923.000)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		3.794.827.790	3.999.411.122
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		13.708.234.131.609	8.831.090.538.967



Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	5.737.030.116.093	3.685.973.926.849
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(46.598.841.728)	(50.821.472.436)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	5.690.431.274.365	3.635.152.454.413
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(4.768.457.970.416)	(3.167.092.400.656)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		921.973.303.949	468.060.053.757
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	678.585.120.774	150.767.616.961
22	7. Chi phí tài chính	29	(199.889.042.886)	(24.851.796.417)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(178.662.039.110)	(23.027.137.533)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(20.345.255.198)	(38.752.053.895)
25	9. Chi phí bán hàng	30	(127.760.879.597)	(77.964.902.067)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(239.050.757.627)	(109.338.951.572)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.013.512.489.415	367.919.966.767
31	12. Thu nhập khác		3.180.134.959	4.788.256.475
32	13. Chi phí khác		(4.134.256.587)	(7.631.444.721)
40	14. Lỗ khác		(954.121.628)	(2.843.188.246)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.012.558.367.787	365.076.778.521
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(207.573.312.973)	(53.308.492.646)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	32.3	(4.224.192.106)	(4.091.988.168)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		800.760.862.708	307.676.297.707
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		424.211.640.825	243.818.583.199
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	26.1	376.549.221.883	63.857.714.508

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Trình bày lại)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	1.650	1.047
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	34	1.222	709



Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		1.012.558.367.787	365.076.778.521
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		143.160.591.979	52.762.052.707
03	Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập dự phòng)		24.331.994.006	(7.785.471.950)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		748.533.070	314.776.749
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(661.229.210.789)	(97.293.551.853)
06	Chi phí lãi vay	29	178.662.039.110	23.027.137.533
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		698.232.315.163	336.101.721.707
09	Tăng các khoản phải thu		(424.697.434.995)	(122.518.832.383)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(357.450.244.896)	324.807.838.705
11	Giảm các khoản phải trả		(77.347.998.063)	(365.154.941.159)
12	Tăng chi phí trả trước		(5.092.711.759)	(25.563.934.415)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(646.334.157.174)	(40.000.000.000)
14	Tiền lãi vay đã trả		(192.090.877.477)	(22.053.691.071)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(194.856.586.678)	(43.264.234.155)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.329.946.811	1.307.906.814
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(42.392.004.631)	(171.966.694.080)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(1.236.699.753.699)	(128.304.860.037)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(128.304.713.324)	(205.842.336.619)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		4.672.909.141	838.418.620
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.330.259.462.584)	(267.155.377.778)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		462.051.171.841	129.300.672.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.468.354.554.384)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		855.248.603.736	10.893.542.810
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		53.382.292.892	117.272.930.435
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.551.563.752.682)	(214.692.150.532)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu và cổ đông không kiểm soát		1.542.601.110.019	-
33	Tiền thu từ đi vay		4.484.331.495.726	1.125.539.887.526
34	Tiền trả nợ gốc vay		(4.653.244.815.402)	(797.622.506.040)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(420.389.540.504)	(228.980.401.400)
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu của công ty mẹ</i>		<i>(231.811.825.000)</i>	<i>(154.352.610.000)</i>
	<i>Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông không kiểm soát</i>		<i>(188.577.715.504)</i>	<i>(74.627.791.400)</i>
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		953.298.249.839	98.936.980.086
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(1.834.965.256.542)	(244.060.030.483)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.912.224.131.908	518.493.494.834
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		245.126.794	(349.440.269)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	1.077.504.002.160	274.084.024.082

Dương Việt Nga
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT ngày 10 tháng 7 năm 1990 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau này, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 24 tháng 7 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tổng Công ty bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 4.218 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.990 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty sở hữu trực tiếp các công ty con với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam (“Cadivi”)	74,73%	74,73%	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”)	65,88%	65,88%	Km12 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX (“Năng lượng GELEX”)	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực năng lượng
4	Công ty TNHH GELEX Campuchia (“GELEX Campuchia”)	100%	100%	Số 4B Đường 564, Phnom Penh, Campuchia	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
5	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (“Thibidi”)	70,79%	70,79%	Đường số 09, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
6	Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Đo Điện (“EMIC”)	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Sản xuất thiết bị đo điện
7	Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I (“Vinakip”)	72,15%	72,15%	Phố Hữu Nghị, Phường Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện dân dụng và công nghiệp
8	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Sotrans”)	51,03%	51,03%	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Tổng Công ty cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

Công ty Cadivi:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai ("Cadivi Đồng Nai")	100%	100%	Đường số 1, Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc ("Cadivi Miền Bắc")	100%	100%	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Kinh doanh dây và cáp điện

Công ty HEM:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội ("HECO")	70,02%	70,02%	Lô J12, đường số 10, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2	Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	51,35%	51,35%	Km12 - Quốc lộ 32, Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

Công ty Năng lượng GELEX:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")	65%	65%	Tổ 9, thôn Thạnh Mỹ 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, Quảng Nam	Sản xuất thủy điện
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX ("GELEX ICC")	81,25%	81,25%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Xây dựng dân dụng và công nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty Sotrans:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong kỳ</i>
1	Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam ("Cảng Miền Nam")	51%	51%	Số 9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải đa phương thức, giao nhận hàng hóa
2	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans ("Hạ tầng Sotrans")	100%	100%	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải
3	Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam ("Sowatco") (*)	75,01%	75,01%	Số 298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại, cơ khí đóng tàu và dịch vụ tiếp vận.
4	Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh ("Sotrans Hà Tĩnh")	100%	100%	Nhà Ông Trịnh Thiên Chiến, tổ dân phố Độ Gỗ, Phường Kỳ Thịnh, Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ
5	Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức ("VTX")	82,65%	82,65%	Số 80-82 Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Đà Nẵng	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ và vận tải đường thủy
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình ("ECCO")	86,15%	86,15%	Số 202 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng
7	Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện Thủy Cần Thơ ("Đóng tàu Cần Thơ")	70%	70%	Số 77B Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	Cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SOWATMES")	51%	51%	Số 59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa Tổng Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|---|
| Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	45 - 50 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không hao mòn

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

21/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất có thời hạn từ 39 năm đến 50 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản và nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ Tổng Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên doanh mà trong đó Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên doanh được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên doanh sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên doanh sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên doanh được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của công ty liên doanh được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên doanh. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh được căn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Báo cáo tài chính của công ty liên doanh được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các khoản dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ bằng cách dựa vào khối lượng công việc hoàn thành thực tế của dự án, trừ khi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng xây dựng đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản phải thu/phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc sản xuất và kinh doanh thiết bị điện, cung cấp dịch vụ vận tải, kinh doanh điện và các dịch vụ khác.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

4.1 Mua Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ

Vào ngày 27 tháng 2 năm 2017, Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX, công ty con được sở hữu 100% bởi Tổng Công ty, đã hoàn tất việc mua 65% cổ phần của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ") và theo đó, Công ty Phú Thạnh Mỹ trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Công ty Phú Thạnh Mỹ là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4000455251, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp vào ngày 17 tháng 1 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 5 được cấp ngày 12 tháng 1 năm 2017.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong kỳ của Công ty Phú Thạnh Mỹ là sản xuất và kinh doanh điện (thuộc dự án Thủy Điện Sông Bung 4A). Tập đoàn mua cổ phần của Công ty Phú Thạnh Mỹ với mục đích phát triển mảng kinh doanh năng lượng của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.1 Mua Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Phú Thạnh Mỹ tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Phú Thạnh Mỹ. Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Phú Thạnh Mỹ tại ngày mua được trình bày dưới đây:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Giá trị tạm tính ghi nhận tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền và các khoản đương tiền	233.187.871.450
Các khoản phải thu ngắn hạn	53.465.944.265
Tài sản ngắn hạn khác	2.143.514.440
Tài sản cố định hữu hình	1.374.153.850.116
Tài sản dài hạn khác	5.770.760.336
	<u>1.668.721.940.607</u>
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	116.238.105.048
Vay và nợ thuê tài chính	1.011.777.823.000
Phải trả khác	50.586.329.285
	<u>1.178.602.257.333</u>
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	490.119.683.274
Cổ đông không kiểm soát	(171.541.889.146)
Giá trị của khoản đầu tư đã mua trước đó	(294.221.335.650)
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (<i>Thuyết minh số 17</i>)	88.929.741.522
	<u>113.286.200.000</u>
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán	
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	233.187.871.450
Tiền chi để mua công ty con	(113.286.200.000)
	<u>119.901.671.450</u>
Kể từ ngày mua, Công ty Phú Thạnh Mỹ đã đóng góp 28.948.239.703 VND vào lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn.	
Doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Công ty Phú Thạnh Mỹ trong kỳ và trước ngày hợp nhất tương ứng là 48.788.190.435 VND và 15.375.203.571 VND.	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.2 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam

Vào ngày 24 tháng 3 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 26,01% cổ phần của Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam ("Sotrans") và qua đó, Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Sotrans thành 51,03%. Theo đó, Công ty Sotrans trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

Công ty Sotrans là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 11 được cấp ngày 13 tháng 12 năm 2016. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong kỳ của Công ty Sotrans là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho bãi; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa.

Tại ngày mua, Công ty Sotrans sở hữu trực tiếp 4 công ty con bao gồm:

- Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam;
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (*);
- Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh; và
- Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức.

(* Công ty con này sở hữu Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam, là một công ty sở hữu 3 công ty con và 3 công ty liên kết khác.

Ngoài ra, Công ty Sotrans có 4 khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết là:

- Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO;
- Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier;
- Công ty TNHH Lô-gi-Stíc Gefco – Sotrans; và
- Công ty Cổ phần MHC.

Thông tin về tỷ lệ sở hữu, tỷ lệ biểu quyết và hoạt động của Công ty Sotrans và các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 15.

Tổng Công ty mua Công ty Sotrans với mục đích phát triển mảng kinh doanh vận tải và tiếp vận của Tập đoàn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Sotrans tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Sotrans.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.2 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam (tiếp theo)

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Sotrans tại ngày mua được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: VND

Giá trị tạm tính ghi nhận tại ngày mua

Tài sản

Tiền và các khoản tương đương tiền	468.963.768.204
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	40.340.032.081
Các khoản phải thu ngắn hạn	298.090.847.066
Tài sản ngắn hạn khác	35.904.463.030
Tài sản cố định	511.655.489.132
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	131.638.500.464
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	406.525.887.910
Đầu tư vào đơn vị khác	321.813.266.614
Tài sản dài hạn khác	19.424.864.653

2.234.357.119.154

Nợ phải trả

Phải trả người bán	93.203.487.028
Vay và nợ	694.674.606.914
Phải trả ngắn hạn khác	274.434.685.928

1.062.312.779.870

Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý

1.172.044.339.284

Cổ đông không kiểm soát	(757.143.239.721)
Giá trị của khoản đầu tư đã mua trước đó	(562.770.981.067)
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17)	728.047.319.239

580.177.437.735

Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán

Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con

Tiền thu về từ công ty con	468.963.768.204
Tiền chi để mua công ty con	(580.177.437.735)

Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua

(111.213.669.531)

Kể từ ngày mua, Công ty Sotrans đã đóng góp 541.608.793.932 VND vào lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn.

Doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Công ty Sotrans trong kỳ và trước ngày hợp nhất tương ứng là 320.553.688.378 VND và 37.886.558.143 VND.

4.3 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I

Vào ngày 19 tháng 5 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 22,91% cổ phần của Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I ("Vinakip") thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Vinakip. Thông qua giao dịch này, Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Vinakip thành 72,15% và theo đó, Công ty Vinakip trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.3 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Khí cụ Điện 1 (tiếp theo)

Công ty Vinakip là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 247/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công Nghiệp. Công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303000160 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp lần đầu ngày 12 tháng 4 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 6 số 0500447942 được cấp ngày 18 tháng 1 năm 2016. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong kỳ của Công ty Vinakip là chế tạo và kinh doanh các thiết bị đóng ngắt, điều khiển và bảo vệ dòng điện.

Tổng Công ty mua Công ty Vinakip với mục đích phát triển mảng kinh doanh thiết bị điện của Tập đoàn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Vinakip tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Vinakip. Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Vinakip tại ngày mua được trình bày dưới đây:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Giá trị tạm tính ghi nhận tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền	21.184.202.902
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	25.910.006.124
Các khoản phải thu ngắn hạn	28.575.137.931
Hàng tồn kho	21.123.929.521
Tài sản cố định	31.101.148.183
Tài sản dài hạn khác	852.209.856
	128.746.634.517
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	21.865.157.256
Phải trả khác	14.083.858.390
	35.949.015.646
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	92.797.618.871
Cổ đông không kiểm soát	(25.851.841.154)
Giá trị của khoản đầu tư đã mua trước đó	(45.734.307.087)
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (<i>Thuyết minh số 17</i>)	5.988.738.575
	27.200.209.205
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán	
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	21.184.202.902
Tiền chi để mua công ty con	(27.200.209.205)
	(6.016.006.303)

Kể từ ngày mua, Công ty Vinakip đã đóng góp 1.472.849.251 VND vào lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn.

Doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Công ty Vinakip trong kỳ và trước ngày hợp nhất tương ứng là 127.999.246.661 VND và 6.228.342.719 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền mặt	13.569.233.167	3.618.795.858
Tiền gửi ngân hàng	420.593.206.467	548.057.336.050
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>643.341.562.526</u>	<u>2.360.548.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.077.504.002.160</u>	<u>2.912.224.131.908</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng mức lãi suất bình quân 4,3%/năm đến 5,3%/năm.

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)		Dự phòng	Dự phòng	Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý			
Chứng khoán kinh doanh:							
- Trái phiếu (i)	653.000.000.000	653.000.000.000	-	197.046.708.523	-	-	
- Chứng chỉ quỹ (ii)	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	
- Ủy thác đầu tư (iii)	140.380.865.697	118.877.308.016	(21.503.557.681)	-	-	-	
- Chứng khoán niêm yết	2.590.272.558	1.543.644.390	(1.046.628.168)	-	-	-	
TỔNG CỘNG	845.971.138.255	823.420.952.406	(22.550.185.849)	197.046.708.523	197.046.708.523	-	

(i) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu theo các hợp đồng như sau:

Tổ chức phát hành	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	500.000.000.000	Kỳ hạn 2 năm, gốc và lãi được nhận vào ngày 21 tháng 2 năm 2019 khi đáo hạn	9,5%	Tin chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An	100.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm. Trái phiếu đáo hạn vào ngày 31 tháng 5 năm 2020	9,5%	Tin chấp
Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng	53.000.000.000	Kỳ hạn 4 năm, lãi nhận 6 tháng/lần. Trái phiếu đáo hạn vào ngày 4 tháng 5 năm 2021	10%	Tin chấp
	653.000.000.000			

Tập đoàn phân loại các trái phiếu nêu trên là chứng khoán kinh doanh (ngắn hạn) dựa trên chủ trương chuyển nhượng trước ngày đáo hạn được Ban Tổng Giám đốc xây dựng trước khi đầu tư các khoản mục này.

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.1 Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

(ii) Chi tiết các khoản đầu tư vào chứng chỉ quỹ như sau:

Nội dung	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Thời hạn đầu tư	Hình thức đảm bảo
	Giá gốc	Dự phòng		
Quỹ Đầu tư Khám phá Giá trị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	50.000.000.000	-	12 tháng	Tin chấp
	50.000.000.000	-		
(iii) Chi tiết các khoản ủy thác đầu tư như sau:				
Nội dung	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Thời hạn đầu tư/Mục đích đầu tư	Hình thức đảm bảo
	Giá gốc	Dự phòng		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát	110.380.865.697	(21.503.557.681)	Thời hạn 12 tháng nhằm mục đích đầu tư chứng khoán và các giấy tờ có giá khác	Tin chấp
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	30.000.000.000	-	Thời hạn 12 tháng kể từ ngày 19 tháng 1 năm 2017 nhằm mục đích đầu tư chứng khoán	Tin chấp
	140.380.865.697	(21.503.557.681)		

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	300.003.195.191	300.003.195.191	-	156.347.794.267	156.347.794.267	-	
- Ủy thác đầu tư (ii)	415.500.000.000	415.500.000.000	-	-	-	-	
TỔNG CỘNG	715.503.195.191	715.503.195.191	-	156.347.794.267	156.347.794.267	-	

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn từ 6 tháng và hưởng mức lãi suất từ 6,3% đến 6,9%/năm.
- (ii) Đây là các khoản ủy thác cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với thời hạn không quá mười hai (12) tháng nhằm mục đích đầu tư ngắn hạn vào trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

7.1 Phải thu khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)
Ngắn hạn		
Phải thu từ khách hàng	2.107.977.107.773	1.223.696.625.485
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	242.831.785.504	48.006.417.479
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	154.580.338.690	88.333.399.058
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	119.525.632.600	-
- Công ty TNHH Thiết bị Điện Quý Dân	110.026.994.005	95.321.690.364
- Công ty TNHH Thibidi Campuchia	90.342.986.031	7.521.558.427
- Công ty Cổ phần Điện máy Thành phố Hồ Chí Minh	63.841.943.666	49.378.466.578
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.326.827.427.277	935.135.093.579
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	11.729.359.782	-
TỔNG CỘNG	2.119.706.467.555	1.223.696.625.485
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(88.347.470.215)	(32.267.650.971)
Dài hạn		
Phải thu từ khách hàng	76.417.752.200	-
- Công ty Điện lực Hưng Yên	11.493.682.200	-
- Công ty Điện lực Vĩnh Phúc	10.385.927.200	-
- Công ty Điện lực Thanh Hóa	8.226.971.500	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	46.311.171.300	-
TỔNG CỘNG	76.417.752.200	-

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty TNHH Đầu tư Long Đức	27.338.123.103	-
Indee International Trading Co., Ltd	13.395.883.352	420.934.784
Upcast Oy Co.,Ltd	11.705.855.408	11.050.119.208
RMM Metallhandel GMBH	7.473.234.592	6.871.886.896
Các khoản trả trước khác	76.104.054.928	21.688.865.637
TỔNG CỘNG	136.017.151.383	40.031.806.525
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi	(7.473.234.592)	(4.810.320.827)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Công ty Cổ phần Vật tư Xây dựng Hà Nội (*)	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện (**)	50.000.000.000	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn khác	340.000.000	2.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>54.340.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>

(*) Khoản cho vay này có kỳ hạn 6 tháng (đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2017), hưởng lãi suất 6%/năm và không có tài sản đảm bảo.

(**) Khoản cho vay này có kỳ hạn 6 tháng (đáo hạn ngày 16 tháng 9 năm 2017), hưởng lãi suất 7%/năm và không có tài sản đảm bảo.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)</i>
Phải thu tiền đặt cọc mua cổ phần (i)	1.147.321.750.000	213.286.200.000
Phải thu cổ tức	46.189.152.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	41.771.108.096	11.466.484.760
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	40.220.918.934	5.800.265.279
Ký quỹ, ký cược	6.221.892.729	5.877.244.574
Phải thu khác	46.028.441.370	8.175.139.752
TỔNG CỘNG	<u>1.327.753.263.129</u>	<u>244.605.334.365</u>

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan
(Thuyết minh số 33)

Phải thu ngắn hạn khác

114.059.580.870	-
1.213.693.682.259	244.605.334.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (tiếp theo)

(i) Các khoản đặt cọc mua cổ phần tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Tập đoàn bao gồm:

- Khoản đặt cọc với số tiền 65.550.000.000 VND để mua thêm 5,7 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam – Hungari (“VIHEM”) – công ty liên kết của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, thông qua phương thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty VIHEM cho Tổng công ty. Giao dịch này đã được hoàn thành vào ngày 17 tháng 7 năm 2017 (xem thêm Thuyết minh số 38).
- Khoản đặt cọc với số tiền là 882.873.000.000 VND cho một công ty để mua cổ phần của một công ty trong lĩnh vực nước sạch thuộc sở hữu của công ty này, thông qua Thỏa thuận đặt cọc ký ngày 20 tháng 2 năm 2017.
- Khoản đặt cọc với số tiền là 148.898.750.000 VND cho một số cá nhân để mua cổ phần của một công ty trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thiết bị điện, thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh với các cá nhân này ký trong năm 2017.
- Khoản đặt cọc với số tiền là 50.000.000.000 VND cho một công ty để mua cổ phần của một công ty trong lĩnh vực sản xuất và truyền tải điện, thông qua Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ký ngày 20 tháng 6 năm 2017.

10. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>(Trình bày lại)</i>			
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi đường	106.017.685.562	-	64.971.150.980	-
Nguyên liệu, vật liệu và phụ tùng thay thế	804.107.991.373	(477.015.584)	473.637.539.103	-
Công cụ, dụng cụ	4.746.138.441	-	1.569.486.230	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	267.817.408.582	-	287.851.646.496	-
Thành phẩm	818.248.636.794	(2.922.139.944)	773.459.768.508	(5.999.727.151)
Hàng hoá	7.051.004.800	(282.257.003)	3.830.685.536	-
Hàng gửi bán	1.177.470.660	-	-	-
TỔNG CỘNG	<u>2.009.166.336.212</u>	<u>(3.681.412.531)</u>	<u>1.605.320.276.853</u>	<u>(5.999.727.151)</u>

Một số hàng tồn kho đã được thế chấp cho các khoản vay và trái phiếu của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 23.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số đầu kỳ	5.999.727.151	5.443.789.845
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	759.272.587	723.740.777
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(3.077.587.207)	(5.443.789.845)
Số cuối kỳ	3.681.412.531	723.740.777

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)	644.102.823.754	943.369.788.725	119.638.043.561	69.327.010.974	1.776.437.667.014
- Mua trong kỳ	-	60.835.785.106	12.227.755.620	591.922.504	73.655.463.230
- Đầu tư XDCB hoàn thành	120.422.620.155	-	-	-	120.422.620.155
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.292.532.518.234	777.388.007.744	684.346.462.230	5.534.984.264	2.759.801.972.472
- Phân loại lại	124.944.777	475.055.223	(600.000.000)	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.097.230.557)	(2.974.418.261)	-	(4.071.648.818)
- Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 13)	(11.766.456.488)	(1.449.202.992)	-	(5.471.594.249)	(18.687.253.729)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	2.045.416.450.432	1.779.522.203.249	812.637.843.150	69.982.323.493	4.707.558.820.324
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	134.770.674.800	348.889.759.966	240.966.872.407	11.083.123.826	735.710.430.999
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)	274.296.666.411	566.676.077.341	66.847.848.172	19.008.842.563	926.829.434.487
- Khấu hao trong kỳ	28.072.463.281	50.555.562.099	23.753.244.149	3.269.618.402	105.650.887.931
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	253.605.012.494	229.205.539.077	474.717.980.640	4.789.765.557	962.318.297.768
- Phân loại lại	62.472.396	69.194.268	(131.666.664)	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(914.676.209)	(2.806.805.864)	-	(3.721.482.073)
- Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 13)	(548.107.531)	(140.616.067)	-	(980.599.059)	(1.669.322.657)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	555.488.507.051	845.451.080.509	562.380.600.433	26.087.627.463	1.989.407.815.456
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)	369.806.157.343	376.693.711.384	52.790.195.389	50.318.168.411	849.608.232.527
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	1.489.927.943.381	934.071.122.740	250.257.242.717	43.894.696.030	2.718.151.004.868

Một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp cho các khoản vay và trái phiếu của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 23.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	54.116.285.959	4.322.892.776	58.439.178.735
- Mua trong kỳ	-	2.912.202.192	2.912.202.192
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	<u>133.101.133.386</u>	<u>3.627.125.115</u>	<u>136.728.258.501</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>187.217.419.345</u>	<u>10.862.220.083</u>	<u>198.079.639.428</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	2.411.070.719	2.411.070.719
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	8.858.319.553	2.420.687.849	11.279.007.402
- Hao mòn trong kỳ	6.521.873.285	466.295.589	6.988.168.874
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	<u>18.092.694.935</u>	<u>2.787.876.753</u>	<u>20.880.571.688</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>33.472.887.773</u>	<u>5.674.860.191</u>	<u>39.147.747.964</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>45.257.966.406</u>	<u>1.902.204.927</u>	<u>47.160.171.333</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u><u>153.744.531.572</u></u>	<u><u>5.187.359.892</u></u>	<u><u>158.931.891.464</u></u>

Một số tài sản cố định vô hình đã được thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại thuyết minh số 23.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị (*)</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)	86.633.065.746	48.691.588.800	135.324.654.546
Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình (<i>Thuyết minh số 11</i>)	11.766.456.488	6.920.797.240	18.687.253.728
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>98.399.522.234</u>	<u>55.612.386.040</u>	<u>154.011.908.274</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)	3.164.841.306	5.887.972.249	9.052.813.555
- Khấu hao trong kỳ	865.348.470	2.356.230.727	3.221.579.197
- Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình (<i>Thuyết minh số 11</i>)	548.107.531	1.121.215.126	1.669.322.657
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>4.578.297.307</u>	<u>9.365.418.102</u>	<u>13.943.715.409</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)	83.468.224.440	42.803.616.551	126.271.840.991
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>93.821.224.927</u>	<u>46.246.967.938</u>	<u>140.068.192.865</u>

(*) Đây là các hệ thống máy móc thiết bị gắn liền với bất sản đầu tư là Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư nêu trên do chưa thu thập được thông tin tham chiếu về giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính.

Bất động sản đầu tư là Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội (tính theo tỷ lệ phần diện tích cho thuê trên tổng diện tích thương mại), đã được thế chấp cho khoản trái phiếu của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 23.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Dự án trung tâm thương mại và văn phòng cao cấp tại 799 Kinh Dương Vương (*)	127.243.482.364	127.243.482.364
Dự án nhà máy cáp điện và xưởng sản xuất dây điện tử tại Tân Phú Trung	98.739.194.843	87.341.965.142
Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải đang được lắp đặt	68.052.698.594	10.428.649.025
Dự án xây dựng văn phòng khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	4.138.214.910	4.138.214.910
Xây dựng cơ bản dở dang khác	10.451.532.539	4.274.430.854
TỔNG CỘNG	<u>308.625.123.250</u>	<u>233.426.742.295</u>

(*) Đây là tiền sử dụng đất cho diện tích 5.092 m2 tại đường Kinh Dương Vương, phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh mà Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam, công ty con của Tổng Công ty, đã tạm nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết					
(Thuyết minh số 15.1)	765.980.368.059	-	1.000.267.658.228	-	1.000.267.658.228
Đầu tư vào đơn vị khác	4.864.805.940	(232.841.500)	3.495.681.301	(386.991.550)	3.108.689.751
Đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn					
(Thuyết minh số 15.2)	306.277.700.000	-	600.000.000	-	600.000.000
TỔNG CỘNG	1.077.122.873.999	(232.841.500)	1.076.890.032.499	(386.991.550)	1.003.976.347.979

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT (i)	45,00	36,35	45,00	36,35
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam – Hungari (ii)	34,27	34,27	34,27	34,27
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (iii)	(*) 25,52	50,00	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (iv)	(*) 25,52	50,00	-	-
Công ty TNHH SAS CTAMAD (v)	23,14	35,00	23,14	35,00
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 (Sowatco-Eco 747) (vi)	(*) 18,76	49,00	-	-
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 (VICT) (vii)	(*) 14,16	37,00	-	-
Công ty Cổ phần Phúc Hưng Tín (viii)	(*) 13,00	20,00	-	-
Công ty TNHH Lô-Gi-Stic Gefco – Sotrans (ix)	(*) 12,50	24,50	-	-
Công ty Cổ phần MHC (x)	(*) 11,74	23,00	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam (Sowatcoser) (xi)	(*) 10,06	26,27	-	-
Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I (KIP) (xii)	-	-	49,24	49,24
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (xiii)	-	-	25,50	25,50
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (STG) (xiv)	-	-	24,93	24,93

(*) Đây là tỷ lệ lợi ích gián tiếp mà Tổng Công ty nắm giữ thông qua các công ty con (mà Tổng Công ty không sở hữu 100% vốn) và theo đó, khác biệt so với tỷ lệ biểu quyết trực tiếp tại các công ty liên doanh, liên kết này.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tập đoàn như sau:

- (i) Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 1576/GPĐT do Trường Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 8 năm 2002. Công ty này có trụ sở chính tại đường số 9, khu Công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất nguyên liệu chính trong ngành sản xuất dây, cáp điện, dây điện tử và cáp viễn thông. Theo Giấy phép đầu tư nói trên, tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty trong Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT được tăng từ 36,35% lên 45% từ năm 2016 đến hết thời hạn liên doanh (năm 2026) mặc dù phần vốn góp của Tổng Công ty trong đơn vị liên doanh này không đổi.
- (ii) Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam – Hungari là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại tổ 24, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính trong kỳ của công ty này là sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

- (iii) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0312576215 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại Tầng 16, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty này là kinh doanh dịch vụ bất động sản.
- (iv) Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0313877800 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại Phòng 1606, lầu 16, tòa nhà Sailing, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty này là kinh doanh bất động sản.
- (v) Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Luật Đầu tư Nước ngoài theo Giấy phép Đầu tư số 1018/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp vào ngày 25 tháng 10 năm 1994 và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 1018/GCNĐC3-BKH ngày 23 tháng 8 năm 2006. Công ty này có trụ sở chính tại số 44B, đường Lý Thường Kiệt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty này là kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng; vận hành máy trò chơi điện tử có thưởng trong khuôn viên khách sạn.
- (vi) Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2900751997 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 7 tháng 6 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại số 161/1 Trường Chinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty này là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- (vii) Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1 là một công ty liên doanh được thành lập theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam và Luật Đầu tư hiện hành theo Giấy phép Đầu tư số 996/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 1994 và theo các Giấy phép Đầu tư điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại Đường A5, Khu phố 5, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty này là kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng trực tiếp sử dụng dịch vụ cảng container.
- (viii) Công ty Cổ phần Phúc Hưng Tín là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4000969881 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 16 tháng 1 năm 2014. Công ty này có trụ sở chính tại huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty này là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- (ix) Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco - Sotrans là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015. Công ty này có trụ sở chính tại số 55-57, Đường Nguyễn Văn Giai, Phường Đa Kao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty này là cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tập đoàn như sau: (tiếp theo)

- (x) Công ty Cổ phần MHC là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100793715 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 1998 và Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 1 tháng 4 năm 2015. Công ty này có trụ sở chính tại Tầng 7, tòa nhà An Hải Km 2, đường Đinh Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty này là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa và bốc xếp hàng hóa.
- (xi) Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303215396 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 4 năm 2004 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại 38 Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty này là cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- (xii) Xem thêm tại Thuyết minh số 4.
- (xiii) Đã thoái vốn trong năm 2017.
- (xiv) Xem thêm tại Thuyết minh số 4.

1/2/17 0 1/2/17

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09a- DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết này như sau:

	Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	Chuyển thành công ty con	Thanh lý trong kỳ	Tặng do hợp nhất kinh doanh (*)	Phần lợi nhuân/(lỗ) từ công ty liên doanh, liên kết	Cổ tức được chia trong kỳ	Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	Đơn vị tính: VND
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	-	-	-	287.328.419.304	3.019.894.942	-	290.348.314.246	
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	279.388.313.061	-	-	-	17.181.557.932	(48.006.000.000)	248.563.870.993	
Công ty Cổ phần MHC Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	108.275.111.882	-	-	95.788.097.450	5.271.213.304	(10.244.480.513)	103.301.844.673 95.788.097.450	
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	-	-	-	9.981.382.984	(733.454)	-	9.980.649.530	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam - Hungari	-	-	-	9.956.735.704	(2.806.778)	-	9.953.928.926	
	985.827.730	-	-	3.167.377.305	(9.780.049)	-	3.157.597.256	
					2.069.275.283	-	3.055.103.013	

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09a- DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết này như sau: (tiếp theo)

	Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	Chuyển thành công ty con	Thanh lý trong kỳ	Tặng do hợp nhất kinh doanh (*)	Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên doanh, liên kết	Cổ tức được chia trong kỳ	Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	Đơn vị tính: VND
Công ty Cổ phần Phúc Hưng Tín	-	-	-	1.572.500.000	-	-	1.572.500.000	
Công ty TNHH Lô- Gi-Stic Gefco – Sotrans	-	-	-	303.875.163	(45.413.191)	-	258.461.972	
Công ty Cổ phần Phú Đại Lộc	-	-	(1.372.500.000)	1.372.500.000	-	-	-	
Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam	554.292.836.363	(562.770.981.067)	-	-	8.478.144.704	-	-	
Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I	49.506.970.116	(45.734.307.087)	-	-	718.026.971	(4.490.690.000)	-	
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	7.818.599.076	-	(7.818.599.076)	-	-	-	-	
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	-	(5.716.535.650)	-	-	5.716.535.650	-	-	
TỔNG CỘNG	1.000.267.658.228	(614.221.823.804)	(9.191.099.076)	409.470.887.910	42.395.915.314	(62.741.170.513)	765.980.368.059	

(*) Trong kỳ, Tổng Công ty có mua thêm một số công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 4. Theo đó, Tổng Công ty sở hữu gián tiếp các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết do các công ty con này nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	6.277.700.000	6.277.700.000	600.000.000	600.000.000
Đầu tư trái phiếu (**)	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	306.277.700.000	306.277.700.000	600.000.000	600.000.000

(*) Đây là khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND với kỳ hạn trên 12 tháng, hưởng lãi suất từ 6,5% đến 6,7%/năm.

(**) Bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu của các công ty sau:

- Công ty Cổ phần Bất động sản Tây Hồ Tây, kỳ hạn 2 năm, đáo hạn vào ngày 6 tháng 1 năm 2019, lãi trái phiếu là 11%/năm, được thanh toán 6 tháng một lần, và có tài sản đảm bảo là 23.500.000 cổ phần trong Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương mà Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây nắm giữ.
- Công ty Cổ phần Chứng khoán IB, kỳ hạn 2 năm, đáo hạn vào ngày 6 tháng 1 năm 2019, lãi trái phiếu là 11%/năm, được thanh toán 6 tháng một lần, và không có tài sản đảm bảo.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	4.397.117.023	1.094.142.272
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	11.032.292.310	2.406.802.733
TỔNG CỘNG	15.429.409.333	3.500.945.005
Dài hạn		
Chi phí thuê đất trả trước	142.823.484.361	139.326.117.592
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	12.988.337.660	12.743.034.340
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	12.139.819.456	8.926.571.530
Công cụ, dụng cụ	11.680.126.750	11.176.235.188
Chi phí cải tạo văn phòng	8.646.895.414	8.466.491.146
Chi phí trả trước dài hạn khác	18.959.920.980	8.640.176.947
TỔNG CỘNG	207.238.584.621	189.278.626.743

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

	Công ty Sotrans	Công ty Phú Thạnh Mỹ	Công ty Vinakip	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	-	-	-
Tăng trong kỳ (Thuyết minh số 4)	728.047.319.239	88.929.741.522	5.988.738.575	822.965.799.336
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	728.047.319.239	88.929.741.522	5.988.738.575	822.965.799.336
Phân bổ lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	-	-	-
Phân bổ trong kỳ	(24.268.243.975)	(2.964.324.718)	(49.906.155)	(27.282.474.848)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	(24.268.243.975)	(2.964.324.718)	(49.906.155)	(27.282.474.848)
Giá trị còn lại				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	703.779.075.264	85.965.416.804	5.938.832.420	795.683.324.488

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

18.1 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Phải trả người bán	739.028.980.857	739.028.980.857	556.069.733.586	556.069.733.586
- LS Nikko Cooper Inc	105.248.452.060	105.248.452.060	240.900.940.245	240.900.940.245
- Phải trả đối tượng khác	633.780.528.797	633.780.528.797	315.168.793.341	315.168.793.341
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	47.147.819.174	47.147.819.174	62.028.156.183	62.028.156.183
TỔNG CỘNG	786.176.800.031	786.176.800.031	618.097.889.769	618.097.889.769
Dài hạn				
Phải trả người bán	56.495.273.005	56.495.273.005	-	-
- Tổng Công ty Thủy lợi Số 4	30.970.062.561	30.970.062.561	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng 47	20.404.335.927	20.404.335.927	-	-
- Phải trả đối tượng khác	5.120.874.517	5.120.874.517	-	-
TỔNG CỘNG	56.495.273.005	56.495.273.005	-	-

18.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ban Quản lý Dự án Các Công trình Điện Miền Nam – Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc gia	16.766.759.627	8.820.677.122
Các đối tượng khác trả tiền trước	52.326.896.516	29.443.055.774
TỔNG CỘNG	69.093.656.143	38.263.732.896

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Giảm	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
	Tăng			
Thuế giá trị gia tăng	10.880.125.261	355.539.189.632	(346.129.248.301)	20.290.066.592
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.320.131.626	207.573.312.973	(194.856.586.678)	54.036.857.921
Thuế thu nhập cá nhân	3.039.970.083	36.303.288.261	(36.648.031.950)	2.695.226.394
Thuế đất	1.337.018.090	4.586.347.805	(5.918.132.245)	5.233.650
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	985.042.991	18.802.231.164	(14.874.830.406)	4.912.443.749
TỔNG CỘNG	57.562.288.051	622.804.369.835	(598.426.829.580)	81.939.828.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)</i>
Chi phí lãi vay	17.945.711.846	12.526.486.606
Chi phí khác	18.821.818.344	25.773.991.824
TỔNG CỘNG	<u>36.767.530.190</u>	<u>38.300.478.430</u>

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng	6.465.312.563	8.964.986.290
Thu nhập từ bồi thường di dời chưa thực hiện từ công ty liên kết (*)	36.050.598.364	-
Doanh thu bán hàng	-	11.367.900.000
TỔNG CỘNG	<u>42.515.910.927</u>	<u>20.332.886.290</u>
Dài hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng	46.390.329.854	46.945.637.558
TỔNG CỘNG	<u>46.390.329.854</u>	<u>46.945.637.558</u>

(*) Đây là phần lợi nhuận chưa thực hiện liên quan đến khoản nhận bồi thường di dời tài sản (ghi nhận trong năm 2016) với số tiền là 73 tỷ VND từ Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO, công ty liên kết của Tập đoàn theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao các khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)</i>
Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	322.091.043.193	282.574.926.965
Nhận tạm ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời (ii)	63.126.256.380	-
Nhận tạm ứng chuyển nhượng các khoản đầu tư (iii)	39.940.000.000	-
Tạm ứng cổ tức phải trả	33.330.740.483	9.863.439.719
Nhận ký quỹ liên quan đến dịch vụ xuất khẩu lao động (v)	25.302.560.151	-
Nhận đặt cọc thực hiện dự án (vi)	20.000.000.000	20.000.000.000
Vay không lãi đến hạn trả (iv)	8.080.089.500	-
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	6.265.059.107	3.225.624.594
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	33.157.667.745	8.751.739.983
TỔNG CỘNG	<u>551.293.416.559</u>	<u>324.415.731.261</u>
Dài hạn		
Chứng quyền đặt mua (vii)	90.000.000.000	90.000.000.000
Vay không lãi (iv)	24.494.968.500	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	22.381.329.395	9.062.274.095
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	1.615.501.000	-
TỔNG CỘNG	<u>138.491.798.895</u>	<u>99.062.274.095</u>

Trong đó:

<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	40.816.000.000	-
<i>Phải trả các bên khác</i>	648.969.215.454	423.478.005.356

(i) Đây chủ yếu là khoản nhận ký quỹ và ký cược từ khách hàng và chịu lãi suất 9,6%/năm.

(ii) Bao gồm các khoản:

- Khoản nhận tạm ứng hỗ trợ với số tiền là 40 tỷ VND từ Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO, công ty liên kết của Tập đoàn theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao các khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Khoản nhận tạm ứng bồi thường, hỗ trợ thiệt hại với số tiền là 23,1 tỷ VND từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ theo Quyết định số 4352/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ ngày 6 tháng 12 năm 2006 về việc Tập đoàn có nghĩa vụ di dời nhà máy đóng tàu của Công ty Đóng tàu Cần Thơ tại Lô 77B Đường Trần Phú, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ để phục vụ cho Dự án Mở rộng Trụ sở Công An Thành phố Cần Thơ.

(iii) Đây là các khoản nhận tạm ứng từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C theo các Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS và số 02/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier và Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO, các công ty liên doanh, liên kết của Tập đoàn.

(iv) Bao gồm các khoản hỗ trợ vốn lưu động từ các đối tác của Công ty Phú Thạnh Mỹ, công ty con của Tập đoàn. Các khoản vay tiền này không có lãi suất, không có tài sản đảm bảo và đáo hạn trong khoảng thời gian từ ngày 31 tháng 12 năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

- (v) Đây là khoản ký quỹ, ký cược của người tham gia xuất khẩu lao động theo thỏa thuận với Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng xuất khẩu lao động.
- (vi) Đây là khoản tiền đặt cọc của một công ty và một cá nhân để thực hiện dự án tại số 10 Trần Nguyên Hãn – Hà Nội.
- (vii) Đây là khoản tiền Công ty Cổ phần Chứng khoán IB (“IB”) đã trả cho Tổng Công ty để mua chứng quyền theo các Hợp đồng số 20161206/HĐ/IBSC-GEX ngày 6 tháng 12 năm 2016 và số 20161212/HĐ/IBSC-GEX ngày 12 tháng 12 năm 2016. Theo đó, Công ty IB đã mua tổng cộng 1.800 chứng quyền với giá 50 triệu VND/chứng quyền. Mỗi chứng quyền tương ứng với quyền mua 50.000 cổ phần của Tổng Công ty, với giá 20.000 VND/cổ phần. Giá mua mỗi cổ phần khi thực hiện chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng và giá mua không thấp hơn 10.000 VND/cổ phần. Thời gian thực hiện các chứng quyền này không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2019. Việc phát hành các chứng quyền này được sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty, thông qua Nghị quyết số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 1 tháng 8 năm 2016.

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Tăng do hợp nhất kinh doanh		Phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn									
Vay ngân hàng	23.1	1.966.640.639.904	1.966.640.639.904	35.352.775.664	4.456.627.636.731	(4.360.343.256.628)	2.098.277.795.671	2.098.277.795.671	
Vay từ đối tượng khác	23.3	18.083.133.000	18.083.133.000	7.098.689.000	14.330.450.000	(17.607.000.000)	21.905.272.000	21.905.272.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	23.2	14.192.689.000	14.192.689.000	19.857.882.439	16.579.695.526	(17.820.867.410)	32.809.399.555	32.809.399.555	
TỔNG CỘNG		1.998.916.461.904	1.998.916.461.904	62.309.347.103	4.487.537.782.257	(4.395.771.124.038)	2.152.992.467.226	2.152.992.467.226	
Vay dài hạn									
Vay ngân hàng	23.2	96.754.591.005	96.754.591.005	1.039.201.756.613	14.926.007.892	(20.739.750.526)	1.130.142.604.984	1.130.142.604.984	
Trái phiếu	23.4	1.793.713.636.364	1.793.713.636.364	596.335.555.561	3.157.545.333	(253.313.636.364)	2.139.893.100.894	2.139.893.100.894	
TỔNG CỘNG		1.890.468.227.369	1.890.468.227.369	1.635.537.312.174	18.083.553.225	(274.063.386.890)	3.270.035.705.878	3.270.035.705.878	

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	617.700.161.904	Kỳ hạn vay 06 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 12 tháng 12 năm 2017	5,0% - 5,2%	Quyền phải thu và hàng tồn kho luân chuyển của Tổng Công ty
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	374.555.939.629	Kỳ hạn vay từ 03 đến 06 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 11 năm 2017	4,8% - 5,2%	Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế và hàng tồn kho luân chuyển của Tổng Công ty
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa - Đồng Nai	333.005.140.066	Kỳ hạn vay 06 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 30 tháng 12 năm 2017	5,0% - 5,5%	Hàng tồn kho, tài sản cố định của Công ty Cổ phần Thiết bị Điện
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	277.698.686.399	Kỳ hạn vay từ 03 đến 04 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 27 tháng 10 năm 2017	5%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	256.821.287.449	Kỳ hạn vay từ 03 đến 04 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 27 tháng 9 năm 2017	4,8%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	53.195.273.953	Kỳ hạn vay 08 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 1 tháng 1 năm 2018	5,0% - 5,2%	Tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Long Biên	55.000.000.000	Kỳ hạn vay 06 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 30 tháng 9 năm 2017	5%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình	25.540.070.011	Kỳ hạn vay 06 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 27 tháng 10 năm 2017	5,0% - 5,1%	Quyền phải thu và hàng tồn kho luân chuyển của Tổng Công ty
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Mỹ Đình	19.694.735.782	Kỳ hạn vay 06 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 9 tháng 8 năm 2017	5,5%	Tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	18.039.015.724	Kỳ hạn vay 09 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 25 tháng 9 năm 2017	5,4% - 5,5%	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và phương tiện vận tải của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ	17.842.741.326	Kỳ hạn vay từ 03 đến 06 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 28 tháng 9 năm 2017	4,85%	Hàng tồn kho và các khoản phải thu của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7.000.000.000	Kỳ hạn vay 03 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 24 tháng 7 năm 2017	5%	Hợp đồng tiền gửi của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam với giá trị 45 tỷ VND

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	13.324.449.160	Kỳ hạn vay từ 04 đến 06 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 13 tháng 9 năm 2017	5,0% - 5,5%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch	10.000.000.000	Kỳ hạn vay 03 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 27 tháng 9 năm 2017	4,9%	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	9.011.652.746	Kỳ hạn vay 04 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 13 tháng 7 năm 2017	4,65%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Sở giao dịch số 2	6.412.386.748	Kỳ hạn vay 03 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 28 tháng 7 năm 2017	5%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Đà Nẵng	2.263.000.000	Kỳ hạn vay từ 05 đến 12 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 3 tháng 11 năm 2017	9,45% - 9,66%	Các hợp đồng tiền gửi của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ với giá trị 1,5 tỷ VND và 763 triệu VND
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đà Nẵng	1.173.254.774	Kỳ hạn vay 06 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 27 tháng 9 năm 2017	5,6%	Máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức

TỔNG CỘNG

2.098.277.795.671

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	626.043.118.500	-	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 24 tháng 11 năm 2028. Lãi vay trả hàng tháng	6,9%	Toàn bộ công trình Thủy điện Sông Bung 4A của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	240.421.704.500	-	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 24 tháng 11 năm 2028. Lãi vay trả hàng tháng	10% - 11%	Toàn bộ công trình Thủy điện Sông Bung 4A của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	132.850.000.000	-	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 25 tháng 7 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng	9,8% - 10,5%	Tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi, quyền sử dụng mặt nước, quyền khai thác tài nguyên thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	89.967.945.000	-	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 2 tháng 1 năm 2023. Lãi trả hàng quý	7%	Công trình nhà xưởng gắn liền với đất, máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay trong tương lai và máy xoắn Drum Twister thuộc dự án "Nhà máy sản xuất dây cáp điện" của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam
Ngân hàng TNHH CTCB – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	16.000.000.000	-	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 15 tháng 3 năm 2019. Lãi trả 6 tháng một lần	6,65%	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và hàng hóa thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II (Hiệp định vay các nghiệp vụ thông thường - Khoản vay OCR)	50.842.858.849	2.232.888	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 15 tháng 11 năm 2034. Lãi trả hàng tháng	0,68%	Phương tiện vận tải với giá trị 15 tỷ VND và Hợp đồng tiền gửi với giá trị 50 tỷ VND thuộc sở hữu của Tổng Công ty Cổ phần Đường
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II (Hiệp định vay các nghiệp vụ đặc biệt - Khoản vay ADF)	6.826.377.690	299.797	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 15 tháng 11 năm 2041. Lãi trả hàng tháng	1%	sông Miền Nam

TỔNG CỘNG **1.162.952.004.539**

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 32.809.399.555
Vay dài hạn 1.130.142.604.984

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	(VND)			
Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	3.064.550.000	Thanh toán khi có yêu cầu	5,5%	Tin chấp
Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	11.742.033.000	Thanh toán khi có yêu cầu	5,5%	Tin chấp
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước	7.098.689.000	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 20 tháng 12 năm 2017. Lãi trả hàng tháng	9,15%	Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên lô đất 70-72 Nam Kỳ thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam

TỔNG CỘNG

21.905.272.000

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

(**) Gồm 3 hợp đồng mua bán trái phiếu như sau:

(i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2015/DM/VIETINBANK.HCM-SOTRANS giữa Công ty Sotrans và Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Hồ Chí Minh: vào ngày 23 tháng 12 năm 2015, Công ty Sotrans đã phát hành 400 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 400 tỷ đồng. Trong kỳ, Công ty Sotrans đã mua lại 250 trái phiếu với tổng mệnh giá là 250 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm: 39.905.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Sowatco"), công ty con của Tập đoàn.

(ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 328/HĐ/STG-VFC giữa Công ty Sotrans và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát: vào ngày 19 tháng 4 năm 2016, Công ty Sotrans đã phát hành 130 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 130 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- ▶ 7.218.806 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức ("VTX"), công ty con của Tập đoàn;
- ▶ 98.374 cổ phiếu của Công ty VTX, công ty con của Tập đoàn do một công ty khác sở hữu; và
- ▶ 3.279.317 cổ phiếu của Công ty Sowatco, công ty con của Tập đoàn.

(iii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 20160622/HĐ/STG-VTBC giữa Sotrans và Công ty TNHH Một thành viên Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: vào ngày 22 tháng 6 năm 2016, Công ty đã phát hành 70 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 70 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- ▶ 4.500.000 cổ phiếu của Công ty VTX, công ty con của Tập đoàn;
- ▶ 5.000.000 cổ phiếu của Công ty Sowatco, công ty con của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)</i>
Ngắn hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành (*)	149.635.838.962	154.974.905.223
TỔNG CỘNG	149.635.838.962	154.974.905.223
Dài hạn		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	13.923.849.620	8.900.936.787
Dự phòng chi phí bảo hành (*)	43.923.251.029	48.436.193.246
TỔNG CỘNG	57.847.100.649	57.337.130.033

(*) Dự phòng bảo hành được trích lập dựa trên các sản phẩm mà Tập đoàn sản xuất và bán ra trong các năm trước theo điều khoản hợp đồng và thời gian bảo hành cam kết với khách hàng (từ 1 đến 6 năm).

25. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số dư đầu kỳ	44.806.553.385	27.900.672.783
Tăng do hợp nhất kinh doanh	9.277.383.301	-
Trích lập trong kỳ	112.867.178.985	49.988.583.590
Sử dụng trong kỳ	(42.498.401.041)	(33.553.886.324)
Số dư cuối kỳ	124.452.714.630	44.335.370.049

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016									
Vào ngày 1 tháng									
1 năm 2016	1.550.000.000.000	66.378.000.000	47.050.714.170	(5.025.000.000)	84.376.333	123.438.566.724	744.300.401.229	455.332.932.118	2.981.559.990.574
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	243.818.583.199	63.857.714.508	307.676.297.707
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	94.344.781.743	(94.344.781.743)	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(38.594.585.796)	(11.393.997.794)	(49.988.583.590)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(154.500.000.000)	(49.992.716.259)	(204.492.716.259)
- Thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	(9.117.465.668)	(72.789.169.117)	(49.750.137.908)	(131.656.772.693)
- Công ty con trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	30.227.226.490	-	-	-	-	7.728.056.041	37.955.282.531
- Tặng/(giảm) khác	-	-	-	(635.745)	77.568.555	1.279.977	(197.302.888)	(217.152.787)	(336.242.888)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.550.000.000.000	66.378.000.000	77.277.940.660	(5.025.635.745)	161.944.888	208.667.162.776	627.693.144.884	415.564.697.919	2.940.717.255.382

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

26.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017									
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2017	1.550.000.000.000	66.378.000.000	77.388.963.577	(5.026.115.259)	83.604.392	208.668.128.206	677.140.203.246	698.136.465.704	3.272.769.249.866
- Tăng vốn (*)	770.000.000.000	615.729.724.760	-	-	-	-	-	145.237.270.000	1.530.966.994.760
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	424.211.640.825	376.549.221.883	800.760.862.708
- Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	-	-	(232.000.000.000)	(211.856.841.268)	(443.856.841.268)
- Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	-	-	-	-	(8.070.082.540)	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (***)	-	-	-	-	-	-	(86.483.336.016)	(26.383.842.969)	(112.867.178.985)
- Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(148.143.600)	(238.856.400)	(387.000.000)
- Mua công ty con	-	-	-	-	-	-	(25.008.274.421)	(10.191.725.579)	(35.200.000.000)
- Bán cổ phiếu quỹ	-	6.608.000.000	-	5.026.115.259	-	-	-	954.536.970.021	954.536.970.021
- Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	(47.629.392)	-	(230.013.899)	(240.932.401)	(518.575.692)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	2.320.000.000.000	688.715.724.760	77.388.963.577	-	35.975.000	216.738.210.746	749.411.993.595	1.925.547.728.991	5.977.838.596.669

(*) Dựa trên chủ trương đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 27/TBĐVN/Q-ĐHCĐ ngày 1 tháng 8 năm 2016, Tổng Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ thông qua phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 06/2017/GELEX/NQ-HĐQT vào ngày 23 tháng 1 năm 2017 phê duyệt kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, số cổ phiếu này được góp đủ trong năm 2017 và chính thức lưu hành từ ngày 23 tháng 1 năm 2017.

(**) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 21/GELEX/NQ-ĐHCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tổng Công ty và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của các công ty con, Tập đoàn đã trích lập bổ sung quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức bằng tiền trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

26.2 Cổ tức

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Cổ tức đã công bố trong kỳ		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2015: 1.000 VND/cổ phiếu	-	154.500.000.000
Cổ tức cho năm 2016: 1.000 VND/cổ phiếu	232.000.000.000	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 (*)	-	-

(*) Tổng Công ty đã phát hành 34.800.000 cổ phiếu thưởng vào ngày 17 tháng 7 năm 2017 như được trình bày tại Thuyết minh số 38.

26.3 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu tại ngày</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	232.000.000	155.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	232.000.000	155.000.000
Cổ phiếu phổ thông	232.000.000	155.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	500.000
Cổ phiếu phổ thông	-	500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	232.000.000	154.500.000
Cổ phiếu phổ thông	232.000.000	154.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được niêm yết tại sàn UPCOM theo mã chứng khoán là GEX.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng doanh thu	5.737.030.116.093	3.685.973.926.849
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	5.191.869.358.935	3.609.784.862.849
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	335.862.023.076	-
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh điện	88.630.287.429	-
Doanh thu khác	120.668.446.653	76.189.064.000
Trừ:		
Chiết khấu thương mại	(40.823.467.202)	(46.570.970.046)
Hàng bán bị trả lại	(5.775.374.526)	(4.250.502.390)
Doanh thu thuần	5.690.431.274.365	3.635.152.454.413
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	5.145.270.517.207	3.558.963.390.413
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	335.862.023.076	-
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh điện	88.630.287.429	-
Doanh thu khác	120.668.446.653	76.189.064.000
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	5.512.635.323.666	3.533.741.696.543
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 33)	177.795.950.699	101.410.757.870

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư (*)	539.533.466.791	31.434.860.094
Lãi tiền gửi, cho vay	72.083.169.707	7.092.315.066
Cổ tức, lợi nhuận được chia	64.288.581.858	111.216.053.384
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.679.902.418	1.024.388.417
TỔNG CỘNG	678.585.120.774	150.767.616.961

(*) Bao gồm khoản lợi nhuận từ chuyển nhượng vốn góp trong kỳ tại Công ty TNHH Keppel Land Watco IV là 525 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	4.385.067.164.150	3.114.549.387.625
Giá vốn dịch vụ vận tải và kho vận cung cấp	283.571.284.981	-
Giá vốn hoạt động kinh doanh điện	30.460.730.755	
Giá vốn khác	69.358.790.530	52.543.013.031
TỔNG CỘNG	<u>4.768.457.970.416</u>	<u>3.167.092.400.656</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Trình bày lại)</i>
Lãi tiền vay, trái phiếu	167.467.591.766	11.645.997.785
Lãi ký quỹ	11.194.447.344	11.381.139.748
Chi phí phát hành trái phiếu	2.520.439.337	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.466.163.993	1.255.563.756
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	13.714.929.625	(127.289.200)
Chi phí tài chính khác	525.470.821	696.384.328
TỔNG CỘNG	<u>199.889.042.886</u>	<u>24.851.796.417</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.316.102.340	1.875.481.650
- Chi phí nhân công	40.619.350.475	8.285.303.975
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.220.312.781	267.959.421
- Chi phí bảo hành	(10.035.692.439)	14.457.942.659
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.297.602.347	30.816.655.122
- Chi phí bán hàng khác	53.343.204.093	22.261.559.240
TỔNG CỘNG	127.760.879.597	77.964.902.067
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.058.876.735	4.498.782.516
- Chi phí nhân công	94.328.773.443	49.583.205.160
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.349.527.773	4.500.876.204
- Thuế, phí, và lệ phí	7.612.831.630	2.207.802.396
- Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	24.392.680.579	(259.066.412)
- Phân bổ lợi thế thương mại	27.282.474.847	2.600.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.073.130.907	15.619.044.042
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	43.952.461.713	30.588.307.666
TỔNG CỘNG	239.050.757.627	109.338.951.572

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	4.166.235.654.442	2.801.266.653.733
Chi phí nhân công	334.303.335.485	170.598.136.256
Chi phí khấu hao tài sản cố định	143.160.591.979	46.589.082.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	330.216.983.682	81.844.709.019
Chi phí khác	186.107.672.424	76.509.068.521
TỔNG CỘNG	5.160.024.238.012	3.176.807.650.346

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Ngoại trừ trường hợp của công ty con là Công ty Phú Thạnh Mỹ, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Tổng Công ty và các công ty con khác là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 06/CN-UBND do UBND Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 8 tháng 2 năm 2010, Công ty Phú Thạnh Mỹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và được miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (năm 2016) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty Phú Thạnh Mỹ là 5% lợi nhuận chịu thuế.

Các quyết toán thuế của Tổng Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sau đó có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	206.566.170.300	53.308.492.646
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu năm trước	1.007.142.673	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.224.192.106	4.091.988.168
TỔNG CỘNG	<u>211.797.505.079</u>	<u>57.400.480.814</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>1.012.558.367.787</u>	<u>365.076.778.521</u>
Thuế TNDN của Tập đoàn theo thuế suất phổ thông	199.616.849.587	57.233.821.367
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận đối với lỗ tính thuế của Tổng Công ty	9.525.969.618	-
Chi phí không được khấu trừ khác	5.898.491.409	462.459.447
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước theo quyết định thanh tra thuế	1.007.142.673	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(51.678.000)	(295.800.000)
Lỗ năm trước chuyển sang	<u>(4.199.270.208)</u>	<u>-</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>211.797.505.079</u>	<u>57.400.480.814</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

32.3 Thuế TNDN hoãn lại

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Thu nhập từ bồi thường di dời chưa thực hiện trong công ty liên kết	7.210.119.673	-	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.086.515.449	1.780.187.357	(657.019.592)	-
Chi phí trích trước	831.243.713	2.427.653.299	(2.438.435.179)	(584.773.739)
Khác	864.483.438	1.468.968.278	180.607.251	-
	10.992.362.273	5.676.808.934		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch đánh giá lại tài sản do hợp nhất kinh doanh	(16.005.977.301)	-	-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(712.269.880)	-	-	(3.507.214.429)
Khác	(374.052.180)	-	(1.309.344.586)	-
	(17.092.299.361)	-		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			(4.224.192.106)	(4.091.988.168)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.3 Thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Tổng Công ty và công ty Phú Thạnh Mỹ được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty và Công ty Phú Thạnh Mỹ có khoản lỗ tính thuế lũy kế với tổng số tiền là 143.628.622.027 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế (*)</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
2014	2019	129.938.019.826	(47.538.151.018)	-	82.399.868.808
2015	2020	13.598.905.129	-	-	13.598.905.129
2017	2022	47.629.848.090	-	-	47.629.848.090
TỔNG CỘNG		191.166.773.045	(47.538.151.018)	-	143.628.622.027

(*) Đây là khoản lỗ tính thuế ước tính của Tổng Công ty và Công ty Phú Thạnh Mỹ chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Tổng Công ty và công ty Phú Thạnh Mỹ chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	Mua hàng hóa Cổ tức, lợi nhuận được chia Doanh thu cung cấp dịch vụ	264.879.898.951 10.244.480.513 495.709.050	244.079.026.147 24.378.127.500 487.090.869
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết (đến tháng 3 năm 2017)	Doanh thu bán hàng hóa Mua hàng hóa, nguyên vật liệu Lãi cho vay Cổ tức, lợi nhuận được chia	162.687.930.378 162.880.751.658 - -	57.261.109.529 73.585.539.212 480.000.000 1.020.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	Đặt cọc mua cổ phần Lãi cho vay	65.550.000.000 150.002.507	- 371.553.600
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên doanh	Cổ tức, lợi nhuận được chia	46.070.652.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty con (từ tháng 12 năm 2016)	Doanh thu bán hàng hóa Mua hàng hóa Cổ tức, lợi nhuận được chia	- - -	39.915.153.716 13.225.000 31.277.056.000
Công ty Cổ phần Khí cụ Điện 1	Công ty con (từ tháng 5 năm 2017)	Cổ tức, lợi nhuận được chia Doanh thu bán hàng hóa	4.490.690.000 -	3.470.080.000 1.626.419.000
Công ty Liên Doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	Công ty liên doanh	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.612.311.271	-
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết (đến tháng 8 năm 2016)	Doanh thu bán hàng hóa Lãi cho vay	- -	2.120.984.756 135.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Tập đoàn mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả đối với bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 không cần bảo đảm, không chịu lãi và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu/phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</i>				
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	Công ty liên kết	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.463.918.325	-
Công ty Liên Doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	Công ty liên doanh	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.738.755.518	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng Hợp Miền Nam	Công ty liên kết	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	526.685.939	-
			11.729.359.782	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)</i>				
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	Phải thu tiền đặt cọc mua cổ phần	65.550.000.000	-
		Phải thu lãi cho vay	2.438.928.870	-
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên doanh	Phải thu tiền cổ tức	46.070.652.000	-
			114.059.580.870	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu/phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 18.1)				
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	Mua hàng hóa, dịch vụ	47.147.819.174	62.028.156.183
			47.147.819.174	62.028.156.183
Phải trả khác (Thuyết minh số 22)				
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên doanh	Nhận ứng trước tiền hỗ trợ di dời	40.000.000.000	-
Công ty TNHH Liên doanh BNX - Vietranstimex	Bên liên quan	Phải trả khác	816.000.000	-
			40.816.000.000	-

Các giao dịch với bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng thu nhập	8.189.246.175	4.808.000.000
TỔNG CỘNG	8.189.246.175	4.808.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	424.211.640.825	243.818.583.199
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(45.667.451.030)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	424.211.640.825	198.151.132.169
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	257.062.431	189.300.000
Ảnh hưởng suy giảm (***)	90.000.000	90.000.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	347.062.431	279.300.000
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	1.650	1.047
- Lãi suy giảm	1.222	709

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Tổng Công ty và các công ty con.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

(**) Bao gồm cả 34.800.000 cổ phiếu thưởng được công bố phát hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 21/GELEX/NQ-ĐHCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết số 26/2017/GELEX/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 2 tháng 6 năm 2017 (xem thêm tại Thuyết minh số 38).

(***) Đây là số cổ phiếu sẽ phát hành trong tương lai theo các hợp đồng chứng quyền đặt mua như trình bày tại Thuyết minh số 22.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- ▶ Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện;
- ▶ Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận;
- ▶ Kinh doanh điện; và
- ▶ Các lĩnh vực kinh doanh khác.

Tập đoàn không trình bày báo cáo các bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất là lãnh thổ Việt Nam.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, hơn 90% hoạt động của Tập đoàn là hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện; do đó, Tập đoàn không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	Kinh doanh điện	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày						
Doanh thu	5.145.270.517.207	335.862.023.076	88.630.287.429	120.668.446.653	-	5.690.431.274.365
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	1.275.397.376.787	17.975.338.848	-	17.710.865.733	(1.311.083.581.368)	-
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	760.203.353.057	52.290.738.095	58.169.556.675	51.309.656.122		921.973.303.949
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	4.715.342.194.170	858.810.307.680	1.421.518.601.619	209.302.762.750		7.204.973.866.219
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)						6.503.260.265.390
Lợi nhuận thuần trước thuế						13.708.234.131.609
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						4.874.426.512.129
Lợi nhuận thuần sau thuế						7.724.845.230.141
Tài sản và công nợ						272.188.666.532
Tài sản bộ phận						269.276.464.340
Tài sản không phân bổ (*)						2.912.202.192
Công nợ bộ phận						108.872.467.128
Công nợ không phân bổ (*)						6.988.168.874
Tổng tài sản						
Công nợ bộ phận	3.247.180.724.156	505.565.917.498	1.056.764.545.832	64.915.324.643		4.874.426.512.129
Công nợ không phân bổ (*)						2.850.418.718.012
Tổng công nợ						7.724.845.230.141
Các thông tin bộ phận khác						
Chi phí hình thành tài sản cố định (**)	100.660.761.683	165.541.093.768	5.951.811.081	35.000.000		272.188.666.532
Tài sản cố định hữu hình	97.748.559.491	165.541.093.768	5.951.811.081	35.000.000		269.276.464.340
Tài sản cố định vô hình	2.912.202.192	-	-	-		2.912.202.192
Khấu hao	56.767.577.406	26.264.739.240	20.508.620.807	5.331.529.675		108.872.467.128
Hao mòn	911.862.727	6.076.306.147	-	-		6.988.168.874

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và một số thu nhập khác và chi phí khác.

Tài sản không phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khác và một số tài sản dài hạn khác.

Công nợ không phân bổ bao gồm các khoản trái phiếu phát hành và một số khoản phải trả khác.

(**) Bao gồm cả giá trị xây dựng cơ bản dở dang chưa kết chuyển sang tài sản cố định.

36. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê máy móc, thiết bị và thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đến 1 năm	27.611.643.997	1.629.968.344
Trên 1 – 5 năm	43.380.110.672	7.222.056.930
Trên 5 năm	114.304.326.962	49.073.683.353
TỔNG CỘNG	185.296.081.631	57.925.708.627

Cam kết cho thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang cho thuê văn phòng và kho bãi theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đến 1 năm	86.670.713.978	27.244.235.607
Trên 1 – 5 năm	123.942.312.840	60.652.301.927
Trên 5 năm	88.426.929.002	80.312.420.916
TỔNG CỘNG	299.039.955.820	168.208.958.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

37. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của năm nay. Chi tiết như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)</i>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Chứng khoán kinh doanh (i)	-	197.046.708.523	197.046.708.523
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)	353.394.502.790	(197.046.708.523)	156.347.794.267
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.235.953.581.919	(12.256.956.434)	1.223.696.625.485
Phải thu ngắn hạn khác	244.595.334.365	10.000.000	244.605.334.365
Hàng tồn kho (ii)	1.546.458.431.143	58.861.845.710	1.605.320.276.853
Phải thu dài hạn khác	441.000.000	(10.000.000)	431.000.000
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình (iii)	1.911.762.321.559	(135.324.654.545)	1.776.437.667.014
Giá trị khấu hao lũy kế tài sản cố định hữu hình (iii)	(935.882.248.041)	9.052.813.554	(926.829.434.487)
Nguyên giá bất động sản đầu tư (iii)	-	135.324.654.546	135.324.654.546
Giá trị khấu hao lũy kế bất động sản đầu tư (iii)	-	(9.052.813.555)	(9.052.813.555)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.337.025.329	(660.216.395)	5.676.808.934
Phải trả người bán ngắn hạn (ii)	559.236.044.059	58.861.845.710	618.097.889.769
Chi phí phải trả ngắn hạn	49.531.866.288	(11.231.387.858)	38.300.478.430
Phải trả ngắn hạn khác	321.691.299.837	2.724.431.424	324.415.731.261
Dự phòng phải trả ngắn hạn (iv)	171.927.161.506	(16.952.256.283)	154.974.905.223
Phải trả dài hạn khác	102.812.274.095	(3.750.000.000)	99.062.274.095
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	660.216.395	(660.216.395)	-
Dự phòng phải trả dài hạn (iv)	40.384.873.750	16.952.256.283	57.337.130.033
	<i>Giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (trình bày lại)</i>
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ			
Doanh thu hoạt động tài chính	150.910.464.545	(142.847.584)	150.767.616.961
Chi phí tài chính	(24.994.644.001)	142.847.584	(24.851.796.417)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

37. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

- (i) Phân loại lại các khoản trái phiếu nắm giữ cho mục đích kinh doanh ngắn hạn theo chủ trương đầu tư của Tổng Công ty.
- (ii) Điều chỉnh hồi tố tăng khoản mục hàng tồn kho và khoản mục phải trả người bán ngắn hạn của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền là 58.861.845.710 VND để phản ánh nghiệp vụ hàng mua đang đi đường tại ngày này.
- (iii) Phân loại lại tài sản cố định của Tòa nhà Gelex Tower tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội thuộc sở hữu của Tổng Công ty sang bất động sản đầu tư theo tỷ lệ diện tích cho bên ngoài thuê và sử dụng nội bộ.
- (iv) Phân loại lại dự phòng phải trả ngắn hạn của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sang dự phòng phải trả dài hạn theo chính sách bảo hành của các hợp đồng liên quan.



38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã thông qua Quyết định số 30/2017/GELEX/QĐ-HĐQT về việc thành lập Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land với vốn điều lệ là 50 tỷ VND. Ngành nghề kinh doanh của công ty con này là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản.

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2017, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua thêm 5.700.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari (“VIHEM”) thông qua phương thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty VIHEM cho Tổng Công ty. Qua đó, Tổng Công ty sở hữu tổng cộng 7.190.700 cổ phần của Công ty VIHEM (tương đương 65,37% vốn điều lệ) và Công ty VIHEM trở thành công ty con của Tập đoàn từ ngày này.

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn thành việc chia cổ phiếu thưởng dựa trên chủ trương đã được phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 21/GELEX/NQ-ĐHCD ngày 25 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết số 26/2017/GELEX/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 2 tháng 6 năm 2017. Theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 34.800.000 cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu, bao gồm nguồn thặng dư vốn cổ phần, Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và qua đó, tăng vốn điều lệ lên 2.668 tỷ VND.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 52 Lê Đại Hành - Phường Lê Đại Hành - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.38257979

Fax: 024.38260735

GELEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3/2017



HÀ NỘI, THÁNG 10 NĂM 2017

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo tài chính riêng	02-33
Bảng cân đối kế toán riêng	02-03
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	04
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	05-06
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	07-33

10
CÔ
PH
B
f
N

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.329.481.081.292	2.387.487.256.005
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	97.126.716.959	1.952.418.381.205
111	1. Tiền		70.626.716.959	307.418.381.205
112	2. Các khoản tương đương tiền		26.500.000.000	1.645.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	757.662.774.590	242.046.708.523
121	1. Chứng khoán kinh doanh		757.662.774.590	197.046.708.523
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	45.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		466.390.872.580	182.141.870.759
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	254.940.019.365	163.450.273.240
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.114.196.818	1.636.721.863
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	71.300.000.000	6.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	142.610.347.103	11.054.875.656
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(4.573.690.706)	-
140	IV. Hàng tồn kho	8	137.077.186	326.486.935
141	1. Hàng tồn kho		137.077.186	326.486.935
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.163.639.977	10.553.808.583
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	209.066.876	99.327.985
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.940.960.883	10.444.847.648
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	13.612.218	9.632.950
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.171.807.329.795	3.027.652.236.271
220	II. Tài sản cố định		178.213.348.386	214.620.593.551
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	178.213.348.386	214.620.593.551
222	- Nguyên giá		289.088.259.129	319.258.326.957
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(110.874.910.743)	(104.637.733.406)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		60.000.000	60.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(60.000.000)	(60.000.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	164.901.627.322	138.705.542.050
231	- Nguyên giá		183.722.287.521	148.649.765.571
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.820.660.199)	(9.944.223.521)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.138.214.910	4.455.651.410
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	4.138.214.910	4.455.651.410
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	4.795.428.189.585	2.638.243.819.355
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.738.478.981.542	1.971.025.617.177
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		69.285.387.977	681.940.062.485
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(12.336.179.934)	(14.721.860.307)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		29.125.949.592	31.626.629.905
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	29.125.949.592	31.626.629.905
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.501.288.411.087	5.415.139.492.276

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.010.964.394.385	3.326.735.731.050
310	I. Nợ ngắn hạn		1.054.992.600.098	1.352.260.147.189
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	79.313.720.623	125.201.617.399
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		404.109.299	331.910.950
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	197.444.000	10.110.354.020
314	4. Phải trả người lao động		4.334.194.349	6.987.068.362
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	47.533.437.440	11.877.743.290
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	3.279.105.075	3.192.367.948
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	21.674.423.690	22.202.719.816
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	879.928.499.389	1.152.533.365.523
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		15.804.246.712	18.517.030.360
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.523.419.521	1.305.969.521
330	II. Nợ dài hạn		1.955.971.794.287	1.974.475.583.861
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16	46.112.676.002	46.945.637.558
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	100.794.608.034	99.062.274.095
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	1.792.800.000.003	1.793.713.636.364
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		14.804.297.759	25.640.119.184
343	5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.460.212.489	9.113.916.660
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.490.324.016.702	2.088.403.761.226
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	3.488.058.972.262	2.086.022.491.785
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.668.000.000.000	1.550.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.668.000.000.000	1.550.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		622.337.724.760	66.378.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(5.025.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		-	139.656.441.276
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		197.721.247.502	335.013.050.509
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	29.506.521.349
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		197.721.247.502	305.506.529.160
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		2.265.044.440	2.381.269.441
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		2.265.044.440	2.381.269.441
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.501.288.411.087	5.415.139.492.276



Dương Việt Nga
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Quý III/2017

Mã số	CHI TIÊU	Thuyết minh	Quý III/2017	Quý 3/2016	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2017	Lũy kế từ đầu năm trước đến 30/09/2016
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	434.119.489.925	384.821.425.579	1.678.282.727.285	1.117.049.248.266
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	17.349.717	3.905.523.000	17.349.717	4.106.711.000
	- Chiết khấu thương mại		-	-	-	-
	- Hàng bán bị trả lại		17.349.717	3.905.523.000	17.349.717	4.106.711.000
	- Giảm giá hàng bán		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		434.102.140.208	380.915.902.579	1.678.265.377.568	1.112.942.537.266
11	4. Giá vốn hàng bán	22	422.482.920.784	332.198.017.801	1.640.101.949.699	951.650.015.243
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.619.219.424	48.717.884.778	38.163.427.869	161.292.522.023
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	146.755.200.765	39.802.748.131	390.562.187.757	222.045.694.772
22	7. Chi phí tài chính	24	52.473.587.907	2.654.239.284	150.831.711.350	20.975.893.384
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		51.673.587.906	-	150.483.635.713	3.553.761.385
25	8. Chi phí bán hàng	25	(3.955.721.650)	21.169.977.105	(10.719.431.855)	34.031.631.522
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	13.145.410.418	18.418.300.357	38.720.756.882	38.228.199.401
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		96.711.143.514	46.278.116.163	249.892.579.249	290.102.492.488
31	11. Thu nhập khác		50.000	3.393.341.400	200.000	3.474.030.157
32	12. Chi phí khác		60.000.000	528.167.851	1.108.892.532	753.856.284
40	13. Lợi nhuận khác		(59.950.000)	2.865.173.549	(1.108.692.532)	2.720.173.873
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		96.651.193.514	49.143.289.712	248.783.886.717	292.822.666.361
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	9.893.501.198	-	27.856.431.131
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		96.651.193.514	39.249.788.514	248.783.886.717	264.966.235.230




Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Quý III/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ đầu năm
			đến 30/09/2017	trước đến 30/09/2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		248.783.886.717	292.822.666.361
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.933.901.511	26.177.262.641
03	- Các khoản dự phòng		(11.360.594.740)	36.863.191.777
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.805.859)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(376.332.794.256)	(225.235.947.782)
06	- Chi phí lãi vay		150.483.635.713	3.553.761.385
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		26.506.229.086	134.180.934.382
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(86.441.110.301)	39.984.794.985
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		189.409.749	(30.916.467.209)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(59.986.240.539)	(64.515.742.433)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.390.941.422	(1.710.543.962)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(560.616.066.067)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(113.645.257.208)	(3.553.761.385)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.918.948.141)	(19.299.399.393)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.892.681.000)	(22.789.012.134)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(809.413.722.999)	31.380.802.851
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.585.017.622)	(73.536.161.122)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	35.001.600
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(67.300.000.000)	(331.937.128.822)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		47.000.000.000	463.112.526.600
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.519.030.428.940)	(198.751.920.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		132.560.877.000	74.807.828.800
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		473.421.981.610	182.239.140.884
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.937.932.587.952)	115.969.287.940

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Quý III/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ đầu năm
			đến 30/09/2017	trước đến 30/09/2016
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.396.625.624.760	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		2.504.772.295.370	291.058.013.430
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(2.777.377.161.504)	(257.290.660.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(231.967.285.000)	(154.408.210.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>892.053.473.626</i>	<i>(120.640.856.570)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.855.292.837.325)	26.709.234.221
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.952.418.381.205	121.223.651.001
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.173.079	(626.186)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>97.126.716.959</u>	<u>147.932.259.036</u>



Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III/2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT ngày 10 tháng 7 năm 1990 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 23 tháng 8 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ hiện tại bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHIẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tin hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính [riêng]/Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.9 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.12 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán .

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán . Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ kế toán .

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán .

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thương hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thương hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thương hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán .

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	5.139.595.185	1.163.674.666
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	65.487.121.774	306.254.706.539
Các khoản tương đương tiền	26.500.000.000	1.645.000.000.000
	<u><u>97.126.716.959</u></u>	<u><u>1.952.418.381.205</u></u>

Tại 30/09/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 5,2%/năm đến 5,3%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000
	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/09/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	13.162.774.590	13.162.774.590	-	-	-	-
- Tổng giá trị trái phiếu	700.000.000.000	700.000.000.000	-	197.046.708.523	197.046.708.523	-
CTCP Chứng khoán IB (1)	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-	-	-
CTCP Đầu tư công nghệ và Giáo dục Hải An (2)	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-	-	-
Trái phiếu khác	-	-	-	197.046.708.523	197.046.708.523	-
- Ủy thác đầu tư (3)	44.500.000.000	44.500.000.000	-	-	-	-
	757.662.774.590	757.662.774.590	-	197.046.708.523	197.046.708.523	-

(1) Hợp đồng mua bán trái phiếu số 20170217/HĐDMTP/IBSC-GEX ngày 21 tháng 02 năm 2017: 500 trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 500 tỷ đồng; Ngày phát hành: 21/02/2017; Ngày Tổng Công ty mua 21/02/2017; Ngày đáo hạn: 21/02/2019; Lãi suất: 9,5%/năm.

(2) Bao gồm 02 hợp đồng mua bán trái phiếu:

- Hợp đồng mua bán trái phiếu số 31052017/HĐDM/HaiAn-GEX ngày 31 tháng 05 năm 2017: 100 trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 100 tỷ đồng; Ngày phát hành: 31/05/2017; ngày Tổng Công ty mua 31/05/2017; Ngày đáo hạn: 31/05/2020; Lãi suất: 9,5%/năm.
- Hợp đồng mua bán trái phiếu số 20170829.01/HĐDM/HAIAN-GEX ngày 29 tháng 8 năm 2017: 100 trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương số tiền là 100 tỷ đồng; Ngày phát hành: 29/08/2017; ngày Tổng Công ty mua: 29/08/2017; ngày đáo hạn: 29/08/2020; Lãi suất: 9,5%/năm.

(3) Ủy thác đầu tư cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 01/2016/HĐQLDMĐT/VTBC-GELEX ký ngày 19 tháng 1 năm 2017, nhằm mục đích ủy thác đầu tư cổ phiếu (không có danh mục cụ thể) trong vòng 1 năm kể từ thời điểm ký hợp đồng. Và phụ lục 07 Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 01/2016/HĐQLDMĐT/VTBC-GELEX ký ngày 26/09/2017 (có danh mục cụ thể) trong thời gian từ ngày 27/09/2017 đến 6/10/2017).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	4.738.478.981.542	6.969.234.177.500	(12.336.179.934)	1.971.025.617.177	2.821.085.860.322	-
- Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX (*)	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000	-	220.000.000.000	220.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam	1.134.470.274.098	906.879.646.400	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	898.925.841.841	2.431.966.112.000	-	484.822.695.174	1.085.865.792.000	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	576.262.038.822	1.343.877.094.100	-	670.662.038.822	670.662.038.822	-
- Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện (*)	368.000.000.000	368.000.000.000	-	368.000.000.000	368.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	214.009.733.181	373.330.573.000	-	214.009.733.181	463.026.879.500	-
- Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I	63.452.775.973	81.590.512.000	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari	82.327.167.627	62.559.090.000	(12.336.179.934)	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Gelex Land (*)	500.000.000	500.000.000	-	-	-	-
- Công ty TNHH GELEX Campuchia (*)	531.150.000	531.150.000	-	531.150.000	531.150.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX (*)	-	-	-	13.000.000.000	13.000.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	69.285.387.977	69.285.387.977	-	681.940.062.485	668.239.296.727	(14.721.860.307)
- Công ty Dây Đồng Việt Nam – CFT (*)	69.285.387.977	69.285.387.977	-	69.285.387.977	69.285.387.977	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari	-	-	-	16.777.167.627	16.099.560.000	(14.721.860.307)
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (*) (**)	-	-	-	5.332.103.750	5.332.103.750	-
- Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I	-	-	-	36.252.566.768	47.152.245.000	-
- Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam	-	-	-	554.292.836.363	530.370.000.000	-
	4.807.764.369.519	7.038.519.565.477	(12.336.179.934)	2.652.965.679.662	3.489.325.157.049	(14.721.860.307)

(*) Do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Tổng Công ty trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư theo giá trị ghi sổ.

(**) Đã thoái vốn toàn bộ trong năm 2017.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/09/2017 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	100,00%	100,00%	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực năng lượng
Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam (1)	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	51,03%	51,03%	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	74,73%	74,73%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai	70,79%	70,79%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất thiết bị đo điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Km12 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	65,88%	65,88%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I (2)	Phố Hữu Nghị, Phường Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	72,15%	72,15%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện dân dụng và công nghiệp
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari (3)	Tổ 24, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	65,37%	65,37%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện.
Công ty TNHH MTV Gelex Land (4)	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Số 4B Đường 564, Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư vào công ty con

(1) Tổng Công ty mua thêm phần sở hữu (cụ thể là 26,01% cổ phần) trong Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam (“Sotrans”) vào ngày 24 tháng 3 năm 2017 và theo đó, Công ty Sotrans chuyển đổi từ công ty liên kết thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

(2) Tổng Công ty mua thêm phần sở hữu (cụ thể là 22,91% cổ phần) trong Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I (“Vinakip”) vào ngày 31 tháng 5 năm 2017 và theo đó, Công ty Vinakip chuyển đổi từ công ty liên kết thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

(3) Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungary (VIHEM) phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, Tổng Công ty mua thêm phần sở hữu trong VIHEM (cụ thể là 31,10%) hoàn tất vào ngày 17/07/2017 và theo đó, Công ty VIHEM chuyển đổi từ công ty liên kết thành công ty con của Tổng công ty từ ngày này.

(4) Tổng Công ty thành lập Công ty TNHH MTV GELEX LAND ngày 11 tháng 7 năm 2017, với số vốn điều lệ là 50 tỷ đồng.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/09/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Dây Đồng Việt Nam – CFT (*)	Đường số 9, khu Công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	45,00%	36,35%	Sản xuất nguyên liệu chính trong ngành sản xuất dây, cáp điện, dây điện tử và cáp viễn thông

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 28.

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Tổng Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh TNHH	26.734.050.000	-
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	3.195.189	48.006.417.479
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	182.932.179.282	81.430.811.033
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện	23.635.770.414	-
- Công ty TNHH GELEX Campuchia	-	10.881.605.862
- Các khoản phải thu khách hàng khác	21.634.824.480	23.131.438.866
	254.940.019.365	163.450.273.240
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	254.940.019.365	163.450.273.240
	254.940.019.365	163.450.273.240
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28.	206.567.949.696	92.658.489.064

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex	67.300.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	4.000.000.000	4.000.000.000
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	-	2.000.000.000
	71.300.000.000	6.000.000.000

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	10.000.000.000	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.470.653.870	-	2.741.704.141	-
Tạm ứng	266.800.000	-	149.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	22.470.000	-	22.470.000	-
Tạm ứng tiền thưởng HĐQT, ban điều hành	-	-	3.000.000.000	-
Phải thu Công ty GELEX Cambodia	-	-	4.957.327.000	-
Đặt cọc mua cổ phần	128.810.052.000	-	-	-
Phải thu khác	40.371.233	-	184.374.515	-
	142.610.347.103	-	11.054.875.656	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	137.077.186	-	326.486.935	-
	137.077.186	-	326.486.935	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4.138.214.910	4.455.651.410
- Văn phòng - Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội	4.138.214.910	4.138.214.910
- Xây dựng cơ bản dở dang khác	-	317.436.500
	4.138.214.910	4.455.651.410

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	218.151.651.278	39.195.985.380	9.996.540.909	51.914.149.390	319.258.326.957
- Mua trong kỳ	500.000.000	1.310.296.976	2.296.720.000	795.437.146	4.902.454.122
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(22.236.812.073)	(2.531.181.706)	-	(10.304.528.171)	(35.072.521.950)
Số dư cuối kỳ	196.414.839.205	37.975.100.650	12.293.260.909	42.405.058.365	289.088.259.129
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	68.864.959.054	23.977.807.879	4.621.891.416	7.173.075.057	104.637.733.406
- Khấu hao trong kỳ	3.863.001.496	1.099.537.103	814.685.256	3.610.521.485	9.387.745.340
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.034.461.518)	(265.389.367)	-	(1.850.717.118)	(3.150.568.003)
Số dư cuối kỳ	71.693.499.032	24.811.955.615	5.436.576.672	8.932.879.424	110.874.910.743
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	149.286.692.224	15.218.177.501	5.374.649.493	44.741.074.333	214.620.593.551
Tại ngày cuối kỳ	124.721.340.173	13.163.145.035	6.856.684.237	33.472.178.941	178.213.348.386

Tài sản cố định hữu hình bao gồm Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội (phần diện tích sử dụng nội bộ), đã được thế chấp cho khoản trái phiếu của Tổng Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.2.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**a) Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	95.163.626.739	53.486.138.832	148.649.765.571
- Kết chuyển từ TSCĐ hữu hình	<u>22.236.812.074</u>	<u>12.835.709.876</u>	<u>35.072.521.950</u>
Số dư cuối kỳ	<u>117.400.438.813</u>	<u>66.321.848.708</u>	<u>183.722.287.521</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.476.476.033	6.467.747.488	9.944.223.521
- Khấu hao trong kỳ	1.537.650.311	4.188.218.364	5.725.868.675
- Kết chuyển từ TSCĐ hữu hình	<u>1.034.461.518</u>	<u>2.116.106.485</u>	<u>3.150.568.003</u>
Số dư cuối kỳ	<u>6.048.587.862</u>	<u>12.772.072.337</u>	<u>18.820.660.199</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	<u>91.687.150.706</u>	<u>47.018.391.344</u>	<u>138.705.542.050</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>111.351.850.951</u>	<u>53.549.776.371</u>	<u>164.901.627.322</u>

Bất động sản đầu tư là Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội (tính theo tỷ lệ phần diện tích cho thuê trên tổng diện tích thương mại), đã được thế chấp cho khoản trái phiếu của Tổng Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.2.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	55.984.376	-
Chi phí bảo hiểm	153.082.500	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	99.327.985
	<u>209.066.876</u>	<u>99.327.985</u>
b) Dài hạn		
Chi phí xây dựng hạ tầng	12.342.816.967	12.743.034.340
Quyền sử dụng đất	7.244.509.521	7.392.210.744
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.952.713.764	1.862.116.454
Công cụ, dụng cụ	529.595.211	526.509.896
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.056.314.129	9.102.758.471
	<u>29.125.949.592</u>	<u>31.626.629.905</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	21.917.579.126	21.917.579.126	74.981.795.916	74.981.795.916
Công ty Cổ phần Dây đồng CFT	50.804.725.741	50.804.725.741	43.365.078.051	43.365.078.051
Phải trả các đối tượng khác	6.591.415.756	6.591.415.756	6.854.743.432	6.854.743.432
	<u>79.313.720.623</u>	<u>79.313.720.623</u>	<u>125.201.617.399</u>	<u>125.201.617.399</u>
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Phải trả người bán ngắn hạn	79.313.720.623	-	125.201.617.399	-
	<u>79.313.720.623</u>	<u>-</u>	<u>125.201.617.399</u>	<u>-</u>
c) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28.)				
	<u>73.122.497.227</u>	<u>73.122.497.227</u>	<u>118.946.223.516</u>	<u>118.946.223.516</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	9.632.950	-	101.791.067.802	101.791.067.802	9.632.950	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	1.118.204.342	1.118.204.342	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	6.918.948.141	-	6.918.948.141	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.024.975.267	8.095.054.861	8.922.586.128	-	197.444.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	1.331.784.440	4.598.180.709	5.933.944.417	3.979.268	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	834.646.172	26.997.887	861.644.059	-	-
	9.632.950	10.110.354.020	115.629.505.601	125.546.394.889	13.612.218	197.444.000

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	47.413.437.440	10.575.058.935
- Chi phí phải trả khác	120.000.000	1.302.684.355
	<u>47.533.437.440</u>	<u>11.877.743.290</u>

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu cho thuê văn phòng	3.279.105.075	3.192.367.948
	<u>3.279.105.075</u>	<u>3.192.367.948</u>
b) Dài hạn		
- Doanh thu cho thuê văn phòng	46.112.676.002	46.945.637.558
	<u>46.112.676.002</u>	<u>46.945.637.558</u>

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	58.402.025	48.160.884
- Bảo hiểm xã hội	7.909.472	8.934.072
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	220.180.720	208.050.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	229.330.000	196.615.000
- Nhận đặt cọc thực hiện dự án Trụ sở số 10 Trần Nguyên		
- Hãn, Hà Nội (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
- Các cổ đông nộp tiền mua cổ phần phát hành thêm	-	737.100.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.158.601.473	1.003.859.860
	<u>21.674.423.690</u>	<u>22.202.719.816</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.794.608.034	9.062.274.095
- Chứng quyền đặt mua (**)	90.000.000.000	90.000.000.000
	<u>100.794.608.034</u>	<u>99.062.274.095</u>

(*) Đây là khoản tiền đặt cọc của một công ty và một cá nhân để thực hiện dự án tại số 10 Trần Nguyên Hãn – Hà Nội.

(**) Đây là khoản tiền Công ty Cổ phần Chứng khoán IB (“IB”) đã trả cho Tổng Công ty để mua chứng quyền theo các Hợp đồng số 20161206/HĐ/IBSC-GEX ngày 6 tháng 12 năm 2016 và số 20161212/HĐ/IBSC-GEX ngày 12 tháng 12 năm 2016. Theo đó, Công ty IB đã mua tổng cộng 1.800 chứng quyền với giá 50 triệu VND/chứng quyền. Mỗi chứng quyền tương ứng với quyền mua 50.000 cổ phần của Tổng Công ty, với giá 20.000 VND/cổ phần. Giá mua mỗi cổ phần khi thực hiện chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng và giá mua không thấp hơn 10.000 VND/cổ phần. Thời gian thực hiện các chứng quyền này không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2019. Việc phát hành các chứng quyền này được sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty, thông qua Nghị quyết số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCD ngày 1 tháng 8 năm 2016.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong kỳ		30/09/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.152.533.365.523	1.152.533.365.523	2.504.772.295.370	2.777.377.161.504	879.928.499.389	879.928.499.389
- Vay ngân hàng	1.152.533.365.523	1.152.533.365.523	2.504.772.295.370	2.777.377.161.504	879.928.499.389	879.928.499.389
	1.152.533.365.523	1.152.533.365.523	2.504.772.295.370	2.777.377.161.504	879.928.499.389	879.928.499.389
b) Vay dài hạn						
- Trái phiếu thường	1.793.713.636.364	1.793.713.636.364	2.400.000.003	3.313.636.364	1.792.800.000.003	1.792.800.000.003
	1.793.713.636.364	1.793.713.636.364	2.400.000.003	3.313.636.364	1.792.800.000.003	1.792.800.000.003
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	1.793.713.636.364	1.793.713.636.364	2.400.000.003	3.313.636.364	1.792.800.000.003	1.792.800.000.003

18.1 Chi tiết các khoản vay ngắn hạn bằng VND được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		(%/năm)	
- Ngân hàng quốc tế VIB - Chi nhánh Ba Đình	15.502.113.407	Kỳ hạn vay là 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 27 tháng 10 năm 2017	5,0%	Quyền phải thu và hàng tồn kho luân chuyển.
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hà Nội	271.079.185.940	Kỳ hạn vay từ 3 đến 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 17 tháng 3 năm 2018	5,0% - 5,2%	Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế và hàng tồn kho luân chuyển.
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN TP Hồ Chí Minh	560.590.617.105	Kỳ hạn vay là 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 08 tháng 3 năm 2018	5,0% - 5,2%	Quyền phải thu và hàng tồn kho luân chuyển.
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I	32.756.582.937	Kỳ hạn vay từ 3 đến 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 23 tháng 11 năm 2017	5%	Quyền phải thu và hàng tồn kho luân chuyển.
	879.928.499.389			

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

18.2 Trái phiếu phát hành

	30/09/2017			01/01/2017		
	Giá trị (VND)	Lãi suất (%)	Kỳ hạn	Giá trị (VND)	Lãi suất (%)	Kỳ hạn
- Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (*)	1.800.000.000.000	8,50%	Tất toán tháng 12/2019	1.800.000.000.000	8,50%	Tất toán tháng 12/2019
- Chi phí phát hành trái phiếu	(7.199.999.997)			(6.286.363.636)		
TỔNG CỘNG	1.792.800.000.003			1.793.713.636.364		

(*) Gồm 2 hợp đồng mua bán trái phiếu như sau:

(i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01.2016/HĐĐM/TPBANK-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Tiên Phong; vào ngày 12 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã phát hành 800 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 800 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành;
- 10.946.969 cổ phần trong Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (“Thibidi”), 24.242.245 cổ phần trong Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”), 23.600.000 cổ phần hạn chế chuyển nhượng trong Công ty Thidibi thuộc sở hữu của Tổng Công ty và phần vốn góp của Tổng Công ty trong Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX có nguồn gốc từ trái phiếu phát hành.

(ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 612/2016/HĐĐM.TP/VIB-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình; vào ngày 6 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã phát hành 1.000 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 1.000 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- 41.000.000 cổ phần phổ thông trong Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam;
- Toàn bộ phần vốn góp của Tổng Công ty vào Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land (thành lập ngày 12 tháng 7 năm 2017).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	62.000.000.000	279.157.962.625	1.952.510.962.625
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	264.966.235.230	264.966.235.230
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	77.656.441.276	(249.651.441.276)	(171.995.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	139.656.441.276	294.472.756.579	2.045.482.197.855
Số dư đầu năm nay	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	139.656.441.276	335.013.050.509	2.086.022.491.785
Tăng vốn trong kỳ này (1)	770.000.000.000	615.729.654.760	-	-	-	1.385.729.654.760
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	248.783.886.717	248.783.886.717
Chia cổ tức bằng tiền (2)	-	-	-	-	(232.000.000.000)	(232.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (2)	-	-	-	-	(12.110.131.000)	(12.110.131.000)
Phát hành cổ phiếu thưởng (3)	348.000.000.000	(66.378.000.000)	-	(139.656.441.276)	(141.965.558.724)	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	6.608.070.000	5.025.000.000	-	-	11.633.070.000
Số dư cuối kỳ này	2.668.000.000.000	622.337.724.760	-	-	197.721.247.502	3.488.058.972.262

(1) Dựa trên chủ trương đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 1 tháng 8 năm 2016, Tổng Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ thông qua phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 06/2017/GELEX/NQ-HĐQT vào ngày 23 tháng 1 năm 2017 phê duyệt kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, số cổ phiếu này được góp đủ trong năm 2017 và chính thức lưu hành từ ngày 23 tháng 1 năm 2017.

(2) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 21/GELEX/NQ-ĐHCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017, Tổng Công ty đã trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức bằng tiền vào ngày 19 tháng 5 năm 2017.

(3) Tổng Công ty đã hoàn thành việc chia cổ phiếu thưởng dựa trên chủ trương đã được phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 21/GELEX/NQ-ĐHCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết số 26/2017/GELEX/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 2 tháng 6 năm 2017. Theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 34.800.000 cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu, bao gồm nguồn thặng dư vốn cổ phần, Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và qua đó, tăng vốn điều lệ lên 2.668 tỷ VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Quý 3/2017</u>	<u>Quý III/2017</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.668.000.000.000	1.550.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>1.550.000.000.000</i>	<i>1.550.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	<i>1.118.000.000.000</i>	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>2.668.000.000.000</i>	<i>1.550.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	232.000.000.000	154.500.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>232.000.000.000</i>	<i>154.500.000.000</i>

c) Cổ phiếu

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	266.800.000	155.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	266.800.000	155.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>266.800.000</i>	<i>155.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	-	500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	<i>500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	266.800.000	154.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>266.800.000</i>	<i>154.500.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý III/2017	Quý 3/2016	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2017	Lũy kế từ đầu năm trước đến 30/09/2016
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng	417.884.707.357	369.618.161.596	1.630.140.953.291	1.078.696.162.043
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.234.782.568	15.203.263.983	48.141.773.994	38.353.086.223
	434.119.489.925	384.821.425.579	1.678.282.727.285	1.117.049.248.266

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Quý III/2017	Quý 3/2016	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2017	Lũy kế từ đầu năm trước đến 30/09/2016
	VND	VND	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	17.349.717	3.905.523.000	17.349.717	4.106.711.000
	17.349.717	3.905.523.000	17.349.717	4.106.711.000

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý III/2017	Quý 3/2016	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2017	Lũy kế từ đầu năm trước đến 30/09/2016
	VND	VND	VND	VND
Giá vốn của hàng đã bán	413.983.609.915	322.089.123.333	1.615.063.327.240	926.468.850.987
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.499.310.869	10.108.894.468	25.038.622.459	25.181.164.256
	422.482.920.784	332.198.017.801	1.640.101.949.699	951.650.015.243

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý III/2017	Quý 3/2016	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2017	Lũy kế từ đầu năm trước đến 30/09/2016
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	33.055.814.992	17.398.006.418	52.938.210.053	24.635.905.315
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	-	13.705.407.842	-
Lãi bán các khoản đầu tư	-	-	2.915.196.250	19.842.550.996
Cổ tức, lợi nhuận được chia	113.699.385.773	-	320.479.387.953	155.090.247.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	6.335.669	523.985.659	78.584.917
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	22.398.406.044	-	22.398.406.044
	146.755.200.765	39.802.748.131	390.562.187.757	222.045.694.772

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý III/2017	Quý 3/2016	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2017	Lũy kế từ đầu năm trước đến 30/09/2016
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền vay	51.673.587.906	2.988.092.801	150.483.635.713	3.553.761.385
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-	116.666.682	374.219.604
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	278.871.423	103.718.113	278.871.423
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	-	(2.385.680.373)	17.381.765.912
Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	800.000.001	-	2.400.000.003	-
Chi phí tài chính khác	-	(612.724.940)	113.371.212	(612.724.940)
	52.473.587.907	2.654.239.284	150.831.711.350	20.975.893.384

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý III/2017	Quý 3/2016	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2017	Lũy kế từ đầu năm trước đến 30/09/2016
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	731.172.282	-	2.092.745.045
Chi phí nhân công	-	705.012.721	-	1.317.303.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài	717.881.449	2.784.156.909	2.820.923.218	8.059.344.811
Chi phí khác bằng tiền	-	1.102.726.540	8.250.000	2.286.457.790
Chi phí bảo hành	-	15.846.908.653	-	20.275.780.214
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(4.673.603.099)	-	(13.548.605.073)	-
	(3.955.721.650)	21.169.977.105	(10.719.431.855)	34.031.631.522

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý III/2017	Quý 3/2016	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2017	Lũy kế từ đầu năm trước đến 30/09/2016
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.911.059.108	1.002.083.532	5.019.198.682	2.572.933.010
Chi phí nhân công	5.727.801.843	13.362.377.523	16.722.948.101	21.315.350.839
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.053.759.284	343.155.813	6.046.608.141	693.925.879
Thuế, phí, lệ phí	15.812.172	70.000.088	3.903.515.576	70.000.088
Chi phí dự phòng	-	-	4.573.690.706	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.046.658.655)	(7.815.120.032)	(1.046.658.655)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	801.245.888	1.446.983.994	1.701.067.328	7.242.053.716
Chi phí khác bằng tiền	2.635.732.123	3.240.358.062	8.568.848.380	7.380.594.524
	13.145.410.418	18.418.300.357	38.720.756.882	38.228.199.401

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý III/2017	Quý 3/2016	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2017	Lũy kế từ đầu năm trước đến 30/09/2016
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	416.088.015.551	131.211.645.184	1.621.328.779.950	717.260.431.109
Chi phí nhân công	7.244.340.689	32.362.739.481	21.344.664.933	52.309.297.164
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.009.593.566	7.927.909.622	14.933.901.511	26.004.604.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.408.520.840	9.134.621.284	11.203.839.892	26.858.474.255
Hoàn nhập dự phòng	(4.673.603.099)	-	(16.536.914.367)	(669.310.419)
Chi phí khác bằng tiền	3.859.498.207	21.088.640.945	16.092.759.009	32.083.611.006
	431.936.365.754	201.725.556.516	1.668.367.030.928	853.847.107.419

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Trong quý, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Quý III/2017	Quý 3/2016
		VND	VND
Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ		392.050.383.727	150.123.213.824
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	348.597.310.766	127.452.538.312
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty con	39.576.751.664	4.004.426.760
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện	Công ty con	3.236.532.893	2.053.926.511
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	180.394.840	3.012.589.373
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	Công ty con	34.407.960	-
Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I	Công ty con	-	418.900.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari	Công ty con	-	14.082.000
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Công ty con	-	2.359.267.950
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	Công ty con gián tiếp	46.553.864	222.769.409
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	Công ty con gián tiếp	378.431.740	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Emic	Công ty liên kết (đến 3/2017)	-	10.584.713.509
Mua hàng hóa, dịch vụ		158.437.399.519	300.829.029.465
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty con	-	13.775.000
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện	Công ty con	28.166.110.720	87.725.233.190
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	-	93.124.654.936
Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam	Công ty con	334.500.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari	Công ty con	-	5.660.806.538
Công ty Dây Đồng Việt Nam – CFT	Công ty liên kết	129.936.788.799	95.549.839.541
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	Công ty con gián tiếp	-	3.157.463.637
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Emic	Công ty liên kết (đến 3/2017)	-	15.597.256.623
Cổ tức, lợi nhuận được chia		113.699.385.773	-
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện	Công ty con	113.699.385.773	-
Cho vay		67.300.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	Công ty con	67.300.000.000	-
Lãi cho vay		880.316.667	-
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	Công ty con	880.316.667	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Quý III/2017</u> VND	<u>Quý 3/2016</u> VND
Góp vốn, mua thêm vốn, cổ phần		66.050.000.000	517.852.702.390
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	-	149.852.702.390
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện	Công ty con	-	368.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari	Công ty con	65.550.000.000	-
Công ty TNHH MTV Gelex Land	Công ty con	500.000.000	-
Chuyển tiền đặt cọc mua cổ phần		6.267.552.000	-
Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I	Công ty con	6.267.552.000	-
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/09/2017</u> VND	<u>01/01/2017</u> VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		206.567.949.696	92.658.489.064
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	182.932.179.282	81.430.811.033
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty con	23.635.770.414	-
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện	Công ty con	-	48.364.902
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	-	485.617
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Công ty con	-	10.881.605.862
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	Công ty con gián tiếp	-	297.221.650
Phải thu về cho vay ngắn hạn		67.300.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	Công ty con	67.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari	Công ty con	-	2.000.000.000
Phải thu cổ tức lợi nhuận được chia		10.000.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện	Công ty con	10.000.000.000	-
Phải thu lãi vay		3.319.245.637	2.288.926.363
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	Công ty con	880.316.667	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari	Công ty con	2.438.928.970	2.288.926.363
Đặt cọc mua cổ phần		6.257.552.000	-
Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I	Công ty con	6.257.552.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn		73.122.497.227	118.946.223.516
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện	Công ty con	21.917.579.126	74.981.795.916
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	400.192.360	599.349.549
Công ty Dây Đồng Việt Nam – CFT	Công ty liên kết	50.804.725.741	43.365.078.051
Phải trả khác		154.741.613	-
Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam	Công ty con	154.741.613	-

29 . TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình báo của báo cáo tài chính riêng năm nay. Chi tiết như sau:

Mã số	Ngày 31/12/2016 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Đơn vị tính: VND Ngày 31/12/2016 (đã được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG			
121	Chứng khoán kinh doanh (i) -	197.046.708.523	197.046.708.523
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo (i) 242.046.708.523	(197.046.708.523)	45.000.000.000
222	Nguyên giá Tài sản cố định hữu (ii) 467.908.092.528	(148.649.765.571)	319.258.326.957
	hình		
223	Giá trị hao mòn lũy kế Tài sản (ii) (114.581.956.927)	9.944.223.521	(104.637.733.406)
	cố định hữu hình		
231	Nguyên giá Bất động sản đầu tư (ii) -	148.649.765.571	148.649.765.571
232	Giá trị hao mòn lũy kế Bất (ii) -	(9.944.223.521)	(9.944.223.521)
	động sản đầu tư		
(i)	Phân loại lại các khoản trái phiếu nắm giữ cho mục đích kinh doanh ngắn hạn theo chủ trương đầu tư của Tổng Công ty		
(ii)	Phân loại lại tài sản cố định của Tòa nhà Gelex Tower tại số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội sang bất động sản đầu tư theo tỷ lệ diện tích cho bên ngoài thuê và sử dụng nội bộ		

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 10 tháng 10 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã thông qua Nghị quyết số 39/2017/GELEX/NQ-HĐQT về việc chuyển nhượng toàn bộ 7.190.700 cổ phần của Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari ("VIHEM") cho Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội ("HEM") và ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định thời điểm, giá chuyển nhượng, phương thức giao dịch cùng các nội dung khác có liên quan đến việc chuyển nhượng.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.



Dương Việt Nga
Người lập




Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2017

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 52 Lê Đại Hành - Phường Lê Đại Hành - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.38257979 Fax: 024.38260735

GALEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 3/2017



HÀ NỘI, THÁNG 10 NĂM 2017

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo tài chính hợp nhất	02-46
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	02-04
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	05
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	06-07
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	08-46

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.570.720.237.182	6.375.260.768.165
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	864.272.758.788	2.912.224.131.908
111	1. Tiền		472.741.685.552	551.676.131.908
112	2. Các khoản tương đương tiền		391.531.073.236	2.360.548.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.891.523.366.919	353.394.502.790
121	1. Chứng khoán kinh doanh		916.407.447.146	197.046.708.523
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(21.625.810.849)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		996.741.730.622	156.347.794.267
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.891.651.644.307	1.477.255.794.577
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.864.308.697.645	1.223.696.625.485
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	107.884.076.686	40.031.806.525
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	4.300.000.000	6.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.152.382.386.680	244.605.334.365
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(237.607.582.216)	(37.077.971.798)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		384.065.512	-
140	IV. Hàng tồn kho	9	1.883.961.444.168	1.599.320.549.702
141	1. Hàng tồn kho		1.896.721.983.097	1.605.320.276.853
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.760.538.929)	(5.999.727.151)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		39.311.023.000	33.065.789.188
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	13.189.935.483	3.500.945.005
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		23.529.180.128	25.951.710.367
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	2.591.907.389	3.613.133.816

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 30 tháng 09 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.779.647.646.859	2.455.829.770.802
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		85.693.354.103	431.000.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	77.121.508.400	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	6	1.222.800.000	-
216	3. Phải thu dài hạn khác	8	7.349.045.703	431.000.000
220	II. Tài sản cố định		2.850.974.083.560	896.768.403.860
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.709.740.326.714	849.608.232.527
222	- Nguyên giá		4.818.415.939.191	1.776.437.667.013
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.108.675.612.477)	(926.829.434.486)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	141.233.756.846	47.160.171.333
228	- Nguyên giá		157.461.149.384	58.439.178.735
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.227.392.538)	(11.279.007.402)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	138.234.803.432	126.271.840.991
231	- Nguyên giá		156.386.109.873	135.324.654.546
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.151.306.441)	(9.052.813.555)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		316.818.745.570	233.426.742.295
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		316.818.745.570	233.426.742.295
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	14	1.248.536.919.670	1.003.976.347.979
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		935.874.852.781	1.000.267.658.228
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.564.805.940	3.495.681.301
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.062.039.051)	(386.991.550)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		308.159.300.000	600.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.139.389.740.524	194.955.435.677
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	348.849.510.098	189.278.626.743
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		3.958.436.259	5.676.808.934
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		1.113.280.000	-
269	4. Lợi thế thương mại		785.468.514.167	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		13.350.367.884.041	8.831.090.538.967

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.116.086.006.451	5.554.347.800.979
310	I. Nợ ngắn hạn		3.487.615.399.498	3.437.115.186.005
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	573.927.085.201	618.097.889.769
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	70.368.693.922	38.263.732.896
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	91.350.677.204	57.562.288.051
314	4. Phải trả người lao động		126.704.075.459	124.492.002.513
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	99.000.372.324	38.300.478.430
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	62.518.681.859	20.332.886.290
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	461.486.567.177	324.415.731.261
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	1.785.635.415.170	1.998.916.461.904
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	124.074.769.636	171.927.161.506
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		92.549.061.546	44.806.553.385
330	II. Nợ dài hạn		3.628.470.606.953	2.117.232.614.974
331	1. Phải trả người bán dài hạn	16	61.940.125.121	-
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20	46.112.676.002	46.945.637.558
337	3. Phải trả dài hạn khác	21	137.007.688.034	99.062.274.095
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23	3.283.134.425.445	1.890.468.227.369
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		9.375.938.173	-
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn	22	57.724.132.287	40.384.873.750
343	7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		33.175.621.891	40.371.602.202
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.234.281.877.590	3.276.742.737.988
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	6.225.485.874.577	3.272.769.249.866
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.668.000.000.000	1.550.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.668.000.000.000	1.550.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		622.337.724.760	66.378.000.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		77.388.963.577	77.388.963.577
415	4. Cổ phiếu quỹ		-	(5.026.115.259)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		56.653.861	83.604.392
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		77.099.502.050	208.668.128.206
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		779.955.680.415	677.140.203.246
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		199.648.204.941	215.405.554.558
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		580.307.475.474	461.734.648.688
429	9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.000.647.349.914	698.136.465.704
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		8.796.003.013	3.973.488.122
431	1. Nguồn kinh phí		(1.807.322.991)	(25.923.000)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		10.603.326.004	3.999.411.122
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		63.350.367.884.041	8.831.090.538.967



Dương Việt Nga
Người lập

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2017

Phạm Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
9 tháng đầu năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 3/2017	Quý 3/2016	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	3.006.942.138.099	1.956.116.152.294	8.743.972.254.192	5.642.090.079.143
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	28.841.906.596	30.357.867.668	75.440.748.324	81.179.340.104
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.978.100.231.503	1.925.758.284.626	8.668.531.505.868	5.560.910.739.039
11	4. Giá vốn hàng bán	27	2.458.058.425.683	1.656.092.743.444	7.226.516.396.099	4.823.185.144.100
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		520.041.805.820	269.665.541.182	1.442.015.109.769	737.725.594.939
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	45.414.442.701	52.047.372.187	723.999.563.475	202.957.836.732
22	7. Chi phí tài chính	29	106.342.907.669	17.135.433.981	306.231.950.555	42.130.077.982
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		95.783.584.780	-	263.251.176.546	38.654.398.083
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		15.145.922.708	41.145.800.845	(5.199.332.490)	2.393.746.950
25	9. Chi phí bán hàng	30	58.484.195.152	53.326.147.219	186.245.074.749	131.291.049.286
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	135.148.525.042	64.065.068.328	374.199.282.669	173.404.019.900
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		280.626.543.366	228.332.064.686	1.294.139.032.781	596.252.031.453
31	12. Thu nhập khác		16.326.560.508	1.286.755.468	19.506.695.467	6.075.011.943
32	13. Chi phí khác		9.777.842.589	(672.801.638)	13.912.099.176	6.958.643.083
40	14. Lợi nhuận khác		6.548.717.919	1.959.557.106	5.594.596.291	(883.631.140)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		287.175.261.285	230.291.621.792	1.299.733.629.072	595.368.400.313
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	68.725.578.280	36.677.419.447	276.298.891.253	89.985.912.093
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(5.436.576.816)	(341.277.710)	(1.212.384.710)	3.750.710.458
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		223.886.259.821	193.955.480.055	1.024.647.122.529	501.631.777.762
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		156.095.834.649	162.710.733.387	580.307.475.474	406.529.316.586
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		67.790.425.172	31.244.746.668	444.339.647.055	95.102.461.176
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	585	860	2.229	2.148
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	34	437	583	1.657	1.456



Dương Việt Nga
Người lập

 
Phạm Anh Tuấn
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT9 tháng đầu năm 2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	9 tháng đầu năm	9 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.299.733.629.072	595.368.400.313
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		260.353.263.681	76.007.190.480
03	- Các khoản dự phòng		(2.489.031.389)	(25.591.810.917)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.569.826.361	314.776.749
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(714.997.746.990)	(192.888.967.125)
06	- Chi phí lãi vay		263.251.176.546	38.654.398.083
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.107.421.117.281	491.863.987.583
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.095.931.959.362)	(496.593.264.935)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(208.455.178.991)	394.257.322.749
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		917.954.151.507	(310.256.605.462)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(144.464.163.387)	(50.059.681.676)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(716.770.466.065)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(209.776.841.897)	(38.499.257.154)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(247.351.087.269)	(74.012.985.737)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		13.645.116.811	25.539.453.871
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(82.367.920.938)	(176.274.185.394)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.666.097.232.310)	(234.035.216.155)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(188.450.306.759)	(139.232.701.335)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		17.693.839.934	125.910.692
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.382.476.587.082)	(381.308.923.089)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		891.067.841.841	490.837.198.600
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.631.331.028.475)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		947.688.773.250	38.525.536.210
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		157.428.183.904	143.092.655.385
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.188.379.283.387)	152.039.676.463

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

9 tháng đầu năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	9 tháng đầu năm	9 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.621.099.864.019	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		5.717.301.193.217	958.106.179.776
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(6.319.917.652.523)	(870.217.033.485)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(212.197.769.620)	(229.032.046.400)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>806.285.635.093</i>	<i>(141.142.900.109)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.048.190.880.604)	(223.138.439.801)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.912.224.131.908	518.493.494.834
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		239.507.484	(341.210.460)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>864.272.758.788</u>	<u>295.013.844.573</u>



Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Anh Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT ngày 10 tháng 7 năm 1990 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau này, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 23 tháng 8 năm 2017.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tổng Công ty bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng Công ty có các công ty con trực tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam (“Cadivi”)	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	74,73%	74,73%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”)	Km12 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội	65,88%	65,88%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX (“Năng lượng GELEX”)	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	100,00%	100,00%	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực năng lượng
Công ty TNHH GELEX Campuchia (“GELEX Campuchia”)	Số 4B Đường 564, Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2017

Công ty con trực tiếp (tiếp theo):

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("Thibidi")	Đường số 09, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai	70,79%	70,79%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Đo Điện ("EMIC")	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất thiết bị đo điện
Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I ("Vinakip")	Phố Hữu Nghị, Phường Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	72,15%	72,15%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện dân dụng và công nghiệp
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Sotrans")	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	51,03%	51,03%	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari ("VIHEM")	Tổ 24, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	65,37%	65,37%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện.
Công ty TNHH MTV Gelex Land	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản

- Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Tổng Công ty cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

Công ty Cadivi:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai ("Cadivi Đồng Nai")	Đường số 1, Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	100,00%	100,00%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc ("Cadivi Miền Bắc")	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh dây và cáp điện

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2017

Công ty Hèm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội ("HECO")	Lô J12, đường số 10, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	80,40%	80,40%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Km12 - Quốc lộ 32, Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội	51,35%	51,35%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

Công ty Năng lượng GELEX:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")	Tổ 9, thôn Thạnh Mỹ 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, Quảng Nam	65,00%	65,00%	Sản xuất thủy điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX ("GELEX ICC")	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	81,25%	81,25%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty CP Năng lượng Gelex Bình Thuận	Khu biệt thự Sunny Villa, Hòn Rơm, Phường Mũi Né, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	86,50%	90,00%	Sản xuất và truyền tải điện
Công ty TNHH MTVT Năng lượng Gelex Ninh Thuận	Số 126 đường 16/4, Phường Mỹ Hải, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	100,00%	100,00%	Sản xuất và truyền tải điện

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2017

Công ty Sotrans:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (“Cảng Miền Nam”)	Số 9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Kinh doanh vận tải đa phương thức, giao nhận hàng hóa
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (“Hạ tầng Sotrans”)	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam (“Sowatco”)	Số 298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	75,01%	75,01%	Kinh doanh thương mại, cơ khí đóng tàu và dịch vụ tiếp vận.
Công ty TNHH MTV Sotrans Hà Tĩnh (“Sotrans Hà Tĩnh”)	Nhà Ông Trịnh Thiên Chiến, tổ dân phố Độ Gỗ, Phường Kỳ Thịnh, Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh	100,00%	100,00%	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức (“VTX”)	Số 80-82 Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Đà Nẵng	82,65%	82,65%	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ và vận tải đường thủy
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình (“ECCO”)	Số 202 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	86,15%	86,15%	Xây dựng các công trình dân dụng
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện Thủy Cần Thơ (“Đóng tàu Cần Thơ”)	Số 77B Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	70,00%	70,00%	Cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam (“SOWATMES”)	Số 59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi

Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn

1. Tổng Công ty mua thêm phần sở hữu (cụ thể là 26,01% cổ phần) trong Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam (“Sotrans”) vào ngày 24 tháng 3 năm 2017 và theo đó, Công ty Sotrans chuyển đổi từ công ty liên kết thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.
2. Tổng Công ty mua thêm phần sở hữu (cụ thể là 22,91% cổ phần) trong Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I (“Vinakip”) vào ngày 31 tháng 5 năm 2017 và theo đó, Công ty Vinakip chuyển đổi từ công ty liên kết thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.
3. Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungary (VIHEM) phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, Tổng Công ty mua thêm phần sở hữu trong VIHEM (cụ thể là 31,10%) hoàn tất vào ngày 17/07/2017 và theo đó, Công ty VIHEM chuyển đổi từ công ty liên kết thành công ty con của Tổng công ty từ ngày này.
4. Tổng Công ty thành lập Công ty TNHH MTV GELEX LAND ngày 12 tháng 7 năm 2017, với số vốn điều lệ là 50 tỷ đồng.
5. Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex thành lập Công ty Cổ phần Năng lượng Gelex Bình Thuận vào ngày 03/08/2017, vốn điều lệ là 30 tỷ đồng.
6. Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex thành lập Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex Ninh Thuận vào ngày 29/09/2017, vốn điều lệ là 30 tỷ đồng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Tổng Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	45 - 50 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 08 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản và nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ Tổng Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán .

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán . Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác ...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán .

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán .

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- c) Ưu đãi thuế

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 06/CN-UBND do UBND Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 8 tháng 2 năm 2010, Công ty Phú Thạnh Mỹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và được miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (năm 2016) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Trong giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017, thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty Phú Thạnh Mỹ là 5% lợi nhuận chịu thuế.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	16.819.877.574	3.618.795.858
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	406.899.957.978	548.057.336.050
Tiền đang chuyển	49.021.850.000	-
Các khoản tương đương tiền	391.531.073.236	2.360.548.000.000
	<u><u>864.272.758.788</u></u>	<u><u>2.912.224.131.908</u></u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 3/2017

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

a) Chứng khoán kinh doanh

	30/09/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Cổ phiếu	13.290.647.148	13.168.393.980	(122.253.168)	-	-	-
- Trái phiếu (1)	700.000.000.000	700.000.000.000	-	197.046.708.523	197.046.708.523	-
- Ủy thác đầu tư (2)	153.116.799.998	131.613.242.317	(21.503.557.681)	-	-	-
- Chứng chỉ quỹ (3)	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-
	916.407.447.146	894.781.636.297	(21.625.810.849)	197.046.708.523	197.046.708.523	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	373.973.675.122	373.973.675.122	-	156.347.794.267	-	-
- Trái phiếu (4)	207.268.055.500	207.268.055.500	-	-	-	-
- Ủy thác đầu tư (5)	415.500.000.000	415.500.000.000	-	-	-	-
	996.741.730.622	996.741.730.622	-	156.347.794.267	-	-

(1) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu theo các hợp đồng như sau:

Tổ chức phát hành	ngày 30 tháng 09 năm 2017	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VND			
- Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	500.000.000.000	Kỳ hạn 2 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn ngày 21 tháng 2 năm 2019	9,50%	Tin chấp
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An	200.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm.	9,50%	Tin chấp
	700.000.000.000			

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 3/2017

(2) Chi tiết các khoản ủy thác đầu tư như sau:

Nội dung	ngày 30 tháng 09 năm 2017		Thời hạn đầu tư/ Mục đích đầu tư	Hình thức đảm bảo
	Giá gốc	Dự phòng		
- Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	44.500.000.000	-	Thời hạn 12 tháng nhằm mục đích đầu tư chứng khoán	Tín chấp
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát	108.616.799.998	(21.503.557.681)	Thời hạn 12 tháng nhằm mục đích đầu tư chứng khoán và các giấy tờ có giá khác	Tín chấp
	153.116.799.998	(21.503.557.681)		

(3) Chi tiết các đầu tư vào chứng chỉ quỹ như sau:

Nội dung	ngày 30 tháng 09 năm 2017		Thời hạn đầu tư	Hình thức đảm bảo
	Giá gốc	Dự phòng		
- Quỹ Đầu tư Khám phá Giá trị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	50.000.000.000	-	12 tháng	Tín chấp
	50.000.000.000	-		

(4) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn như sau:

Tổ chức phát hành	khác nắm giữ đến ngày đáo hạn VND		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	Giá gốc	Dự phòng			
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An	103.645.833.300	-	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần kể từ ngày 18/4/2017	10,50%	Trong phạm vi các tài sản hợp pháp của Công ty hoặc bên thứ ba
- Công ty Cổ khai khoáng luyện kim Bắc Việt	103.622.222.200	-	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận 1 năm một lần kể từ ngày 28/3/2017	8,00%	
	207.268.055.500	-			

(5) Đây là các khoản ủy thác cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với thời hạn không quá mười hai tháng nhằm mục đích đầu tư ngắn hạn vào trái phiếu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 3/2017

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	108.210.296.930	198.121.655.488
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	99.195.436.348	88.333.399.058
- Công ty TNHH Thiết bị Điện Quý Dân	83.724.398.093	95.321.690.364
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	61.429.747.892	4.575.948.332
- THIBIDI (CAMBODIA) CO., LTD	85.709.767.976	-
- Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	57.325.892.525	-
- Công ty cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	106.378.046.487	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.339.456.619.794	837.343.932.243
	<u>1.941.430.206.045</u>	<u>1.223.696.625.485</u>
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	1.864.308.697.645	1.223.696.625.485
- Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	77.121.508.400	-
	<u>1.941.430.206.045</u>	<u>1.223.696.625.485</u>
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.	<u>11.939.519.796</u>	<u>-</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Công ty TNHH TMSX Dây và Cáp điện Đại Long	18.460.317.315	-	884.474.738	-
- Upcast Oy Co.,Ltd	11.705.855.408	-	11.050.119.208	-
- RMM Metallhandel	7.473.234.592	(7.473.234.592)	6.871.886.896	(6.871.886.896)
- Y and W Engineering and trading Co	13.530.096.700	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	56.714.572.671	-	21.225.325.683	-
	<u>107.884.076.686</u>	<u>(7.473.234.592)</u>	<u>40.031.806.525</u>	<u>(6.871.886.896)</u>
b) Dài hạn				
- Trả trước	1.222.800.000	-	-	-
	<u>1.222.800.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 3/2017

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Vật tư Xây dựng Hà Nội	4.000.000.000	4.000.000.000
- Các khoản cho vay ngắn hạn khác	300.000.000	2.000.000.000
	4.300.000.000	6.000.000.000

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	23.066.477.700	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.958.383.046	-	5.800.265.279	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	559.424	-	51.430.244	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	46.905	-	46.900	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	4.550	-	4.550	-
Tạm ứng	35.742.505.144	-	11.466.484.760	-
Ký cược, ký quỹ	4.424.996.099	-	5.877.244.574	-
Các khoản chi hộ	178.800.000	-	-	-
Phải thu tiền đặt cọc mua cổ phần	1.005.415.500.000	-	213.286.200.000	-
Phải thu khác	77.595.113.812	-	8.123.658.058	-
	1.152.382.386.680	-	244.605.334.365	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	7.349.045.703	-	431.000.000	-
	7.349.045.703	-	431.000.000	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan				
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.			46.070.652.000	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2017

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2017		01/01/2017 (trình bày lại)	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	2.471.269.809	-	64.971.150.980	-
Nguyên liệu, vật liệu	726.573.216.316	(3.528.668.638)	473.637.539.103	-
Công cụ, dụng cụ	4.215.516.316	(13.797.685)	1.569.486.230	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	254.841.730.000	(1.009.535.551)	287.851.646.496	-
Thành phẩm	898.856.328.790	(7.906.005.669)	773.459.768.508	(5.999.727.151)
Hàng hoá	8.599.835.207	(302.531.386)	3.830.685.536	-
Hàng gửi đi bán	1.164.086.659	-	-	-
	1.896.721.983.097	(12.760.538.929)	1.605.320.276.853	(5.999.727.151)

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	254.206.697.469	219.890.420.276
- Dự án trung tâm thương mại và văn phòng cao cấp tại 799 Kinh Dương Vương	127.243.482.364	127.243.482.364
- Dự án nhà máy cấp điện và xưởng sản xuất dây điện tử tại Tân Phú Trung	87.698.829.991	87.341.965.142
- Dự án xây dựng văn phòng khách sạn tại số 10 Trần Nguyễn Hãn	4.138.214.910	4.138.214.910
- Dự án trang trại điện mặt trời Ninh Thuận	506.259.909	-
- Dự án Thủy điện Sông Bung 4A	2.180.663.640	-
- Xây dựng cơ bản dở dang khác	32.439.246.655	1.166.757.860
Mua sắm tài sản cố định	58.573.564.263	10.428.649.025
- Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải đang được lắp đặt	58.573.564.263	10.428.649.025
Sửa chữa lớn tài sản cố định	4.038.483.838	3.107.672.994
- Chi phí sửa chữa lớn, lắp đặt	4.038.483.838	3.107.672.994
	316.818.745.570	233.426.742.295

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 3/2017

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	644.102.823.754	943.369.788.725	119.638.043.561	69.327.010.973	1.776.437.667.013
- Mua trong kỳ	15.348.740.347	93.282.155.538	53.308.077.800	1.841.857.602	163.780.831.287
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	120.264.072.824	548.059.292	-	-	120.812.132.116
- Tăng/giảm do hợp nhất kinh doanh	1.313.849.277.995	813.003.218.824	691.705.461.466	6.297.346.224	2.824.855.304.509
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(11.766.456.487)	(1.449.202.992)	-	(5.471.594.249)	(18.687.253.728)
- Thanh lý, nhượng bán	(14.783.583.660)	(26.649.270.505)	(6.944.191.865)	(401.436.843)	(48.778.482.873)
- Phân loại lại	124.944.777	475.055.223	(600.000.000)	-	-
- Giảm khác	-	-	(4.259.133)	-	(4.259.133)
Số dư cuối kỳ	2.067.139.819.550	1.822.579.804.105	857.103.131.829	71.593.183.707	4.818.415.939.191
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	274.296.666.411	566.676.077.341	66.847.848.172	19.008.842.562	926.829.434.486
- Khấu hao trong kỳ	57.347.615.399	99.029.983.986	44.702.378.107	4.574.882.335	205.654.859.827
- Tăng/giảm do hợp nhất kinh doanh	274.279.701.304	260.790.599.214	481.281.324.540	5.552.127.517	1.021.903.752.575
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(548.107.531)	(140.616.068)	-	(980.599.058)	(1.669.322.657)
- Thanh lý, nhượng bán	(13.708.173.188)	(24.175.958.504)	(6.543.755.314)	(401.436.843)	(44.829.323.849)
- Tăng/Giảm khác	-	-	(2.580.772)	788.792.866	786.212.094
Số dư cuối kỳ	591.667.702.395	902.180.085.969	586.285.214.733	28.542.609.379	2.108.675.612.477
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	369.806.157.343	376.693.711.384	52.790.195.389	50.318.168.411	849.608.232.527
Tại ngày cuối kỳ	1.475.472.117.155	920.399.718.136	270.817.917.096	43.050.574.328	2.709.740.326.714

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	54.116.285.959	4.322.892.776	58.439.178.735
- Mua trong kỳ	-	3.345.902.192	3.345.902.192
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	95.010.300.542	5.314.311.255	100.324.611.797
- Thanh lý, nhượng bán	(3.523.766.400)	-	(3.523.766.400)
- Giảm khác	-	(1.124.776.940)	(1.124.776.940)
Số dư cuối kỳ	145.602.820.101	11.858.329.283	157.461.149.384
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	8.858.319.553	2.420.687.849	11.279.007.402
- Khấu hao trong kỳ	764.869.293	833.229.890	1.598.099.183
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	4.475.062.893	4.475.062.893
- Giảm khác	-	(1.124.776.940)	(1.124.776.940)
Số dư cuối kỳ	9.623.188.846	6.604.203.692	16.227.392.538
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	45.257.966.406	1.902.204.927	47.160.171.333
Tại ngày cuối kỳ	135.979.631.255	5.254.125.591	141.233.756.846

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa vật kiến trúc	Cơ sở hạ tầng	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	86.633.065.746	48.691.588.800	135.324.654.546
- Kết chuyển từ TSCĐ HH	11.766.456.488	6.920.797.240	18.687.253.728
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.374.201.599	-	2.374.201.599
Số dư cuối kỳ	100.773.723.833	55.612.386.040	156.386.109.873
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.164.841.306	5.887.972.249	9.052.813.555
- Khấu hao trong kỳ	1.357.500.543	3.697.468.087	5.054.968.630
- Kết chuyển từ TSCĐ HH	548.107.531	1.121.215.126	1.669.322.657
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.374.201.599	-	2.374.201.599
Số dư cuối kỳ	7.444.650.979	10.706.655.462	18.151.306.441
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	83.468.224.440	42.803.616.551	126.271.840.991
Tại ngày cuối kỳ	93.329.072.854	44.905.730.578	138.234.803.432

14 . ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

14a) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	30/09/2017		01/01/2017	
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	14,16%	37,00%	-	-
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	23,14%	35,00%	23,14%	23,14%
Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT (*)	45,00%	36,35%	45,00%	36,35%
Công ty Cổ phần MHC	11,74%	23,00%	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	25,52%	50,00%	-	-
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	25,52%	50,00%	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	10,06%	26,27%	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình và Thương mại 747	18,76%	49,00%	-	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam – Hungary	-	-	34,27%	34,27%
Công ty Cổ phần Phúc Hưng Tín	13,00%	20,00%	-	-
Công ty TNHH Lô-Gi-Stic Gefco – Sotrans	12,50%	24,50%	-	-
Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam	-	-	24,93%	24,93%
Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I	-	-	49,24%	49,24%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	-	-	25,50%	25,50%
Công ty TNHH SCI Nghệ An	49,00%	49,00%	-	-
Công ty Cổ phần VIHEM 1	22,23%	34,00%	-	-
Công ty Cổ phần VIHEM 2	22,23%	34,00%	-	-

(*) Đây là công ty liên kết của Tổng Công ty. Các công ty còn lại là công ty liên kết Tổng Công ty nắm giữ thông qua các công ty con (mà Tổng Công ty không sở hữu 100% vốn) và theo đó, khác biệt so với tỷ lệ biểu quyết trực tiếp tại các công ty liên doanh, liên kết này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 3/2017

14 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

a) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên đơn vị	Tại ngày 01/01/2017	Chuyển thành công ty con	Thanh lý trong kỳ	Tăng do mua mới trong kỳ	Tăng do hợp nhất kinh doanh (*)	Phân lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên doanh, liên kết	Cổ tức được chia trong kỳ	Tại ngày 30/09/2017
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1	Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	-	-	-	-	287.328.419.304	5.803.421.651	-	293.131.840.955
2	Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	279.388.313.061	-	-	-	-	23.750.532.269	(48.006.000.000)	255.132.845.330
3	Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT	108.275.111.882	-	-	-	-	10.437.020.842	(10.244.480.513)	108.467.652.211
4	Công ty Cổ phần MHC	-	-	-	-	95.788.097.450	801.813.029	-	96.589.910.479
5	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	-	-	-	-	9.981.382.983	(4.307.916)	-	9.977.075.067
6	Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	-	-	-	-	9.956.735.704	(4.248.602)	-	9.952.487.102
7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	-	-	-	-	3.167.377.305	(5.571.933)	-	3.161.805.372
8	Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam – Hungari	985.827.730	(3.055.040.550)	-	-	-	2.069.212.820	-	-
9	Công ty Cổ phần Phúc Hưng Tín	-	-	-	-	1.200.000.000	-	-	1.200.000.000
10	Công ty TNHH Lô-Gi-Stic Gefco – Sotrans	-	-	-	-	303.875.163	(147.638.898)	-	156.236.265
11	Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam	554.292.836.363	(562.740.617.708)	-	-	-	8.447.781.345	-	-
12	Công ty Cổ phần Khi cụ Điện I	49.506.970.116	(45.693.567.882)	-	-	-	677.287.766	(4.490.690.000)	-
13	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	7.818.599.076	-	(7.818.599.076)	-	-	-	-	-
15	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	-	(5.716.535.650)	-	-	-	5.716.535.650	-	-
15	Công ty TNHH SCI Nghệ An	-	-	-	156.065.000.000	-	-	-	156.065.000.000
16	Công ty Cổ phần VIHEM 1	-	-	-	-	1.020.000.000	-	-	1.020.000.000
17	Công ty Cổ phần VIHEM 2	-	-	-	-	1.020.000.000	-	-	1.020.000.000
TỔNG CỘNG		1.000.267.658.228	(617.205.761.790)	(7.818.599.076)	156.065.000.000	409.765.887.909	57.541.838.023	(62.741.170.513)	935.874.852.781

Trong kỳ, Tổng Công ty có mua thêm một số công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 4. Theo đó, Tổng Công ty sở hữu gián tiếp các khoản đầu tư vào công ty ty liên doanh, liên kết do các công ty con này nắm giữ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 3/2017

14 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.178.670.000	1.900.341.600	(278.328.400)	2.178.670.000	1.791.678.450	(386.991.550)
- Công ty Cổ phần Công nghệ cao	1.057.011.301	1.057.011.301	-	1.057.011.301	1.057.011.301	-
- Công ty Cổ phần XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	-	-	-	260.000.000	260.000.000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	2.329.124.639	1.545.413.988	(783.710.651)	-	-	-
	5.564.805.940	4.502.766.889	(1.062.039.051)	3.495.681.301	3.108.689.751	(386.991.550)

c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn	8.159.300.000	8.159.300.000	600.000.000	600.000.000
- Trái phiếu (*)	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-
	308.159.300.000	308.159.300.000	600.000.000	600.000.000

(*) Bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu của các công ty sau:

- Công ty Cổ phần Bất động sản Tây Hồ Tây, kỳ hạn 2 năm, đáo hạn vào ngày 6 tháng 1 năm 2019, lãi trái phiếu là 11%/năm, được thanh toán 6 tháng một lần, và có tài sản đảm bảo là 23.500.000 cổ phần trong Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương mà Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây nắm giữ.
- Công ty Cổ phần Chứng khoán IB, kỳ hạn 2 năm, đáo hạn vào ngày 6 tháng 1 năm 2019, lãi trái phiếu là 11%/năm, được thanh toán 6 tháng một lần, và không có tài sản đảm bảo.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2017

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.556.028.954	1.094.142.272
Chi phí bảo hiểm	706.048.287	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.927.858.242	2.406.802.733
	<u>13.189.935.483</u>	<u>3.500.945.005</u>
b) Dài hạn		
Quyền sử dụng đất và chi phí thuê đất trả trước	278.165.459.369	139.326.117.592
Chi phí xây dựng hạ tầng	12.342.816.967	12.743.034.340
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	12.075.652.541	8.926.571.530
Công cụ, dụng cụ	20.323.428.016	11.176.235.188
Chi phí cải tạo văn phòng, nhà xưởng	1.147.460.871	8.466.491.146
Lợi thế thuê đất đánh giá tăng tại ngày mua công ty con	9.464.096.322	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	15.330.596.012	8.640.176.947
	<u>348.849.510.098</u>	<u>189.278.626.743</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 3/2017

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- LS Nikko Cooper Inc	44.487.751.836	44.487.751.836	240.900.940.245	240.900.940.245
- Công ty Cổ phần địa ốc cấp điện Thịnh Phát	58.638.309.163	58.638.309.163	1.307.728.962	1.307.728.962
- Công ty CP tập đoàn Hanaka	48.777.104.970	48.777.104.970	-	-
- Tổng Công ty Thủy lợi 4- CTCP	61.940.125.121	61.940.125.121	-	-
Phải trả các đối tượng khác	422.023.919.232	422.023.919.232	375.889.220.562	375.889.220.562
	635.867.210.322	635.867.210.322	618.097.889.769	618.097.889.769
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Phải trả người bán ngắn hạn	573.927.085.201	573.927.085.201	618.097.889.769	618.097.889.769
Phải trả người bán dài hạn	61.940.125.121	61.940.125.121	-	-
	635.867.210.322	635.867.210.322	618.097.889.769	618.097.889.769
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)	53.741.382.797	53.741.382.797	62.028.156.183	62.028.156.183

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Thiết bị điện Quý Dân	9.254.200.000	5.202.300.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Tiến Phát	4.300.000.000	3.070.000.000
BQLDA Các Công trình Điện Miền Nam – TCT Truyền tải Điện Quốc gia	6.062.556.298	8.820.677.122
Các đối tượng khác trả tiền trước	50.751.937.624	21.170.755.774
	70.368.693.922	38.263.732.896

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2017

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	345.242.520	10.880.125.261	365.811.256.200	358.554.228.221	9.632.950	17.801.543.670
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	81.913.101	-	4.273.507.514	4.447.582.266	272.964.058	16.976.205
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.034.912.802	41.320.131.626	259.553.211.828	247.351.087.269	2.304.414.793	53.791.758.176
Thuế Thu nhập cá nhân	1.151.065.393	3.039.970.083	43.857.826.228	42.831.701.830	916.320	2.915.945.408
Thuế Tài nguyên	-	-	13.623.671.061	13.029.322.803	-	594.348.258
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	1.337.018.090	32.783.229.276	19.870.067.245	3.979.268	14.254.159.389
Các loại thuế khác	-	150.396.819	4.911.623.631	3.821.140.572	-	1.240.879.878
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	834.646.172	2.842.664.447	2.942.244.399	-	735.066.220
	3.613.133.816	57.562.288.051	727.656.990.185	692.847.374.605	2.591.907.389	91.350.677.204

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2017

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	66.000.821.255	12.526.486.606
- Chi phí phải trả khác	32.999.551.069	25.773.991.824
	<u>99.000.372.324</u>	<u>38.300.478.430</u>

20 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	3.279.105.075	8.964.986.290
- Thu nhập từ bồi thường di dời chưa thực hiện từ công ty liên kết (*)	36.050.598.364	-
- Doanh thu bán hàng	13.519.876.770	11.367.900.000
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	9.669.101.650	-
	<u>62.518.681.859</u>	<u>20.332.886.290</u>
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	46.112.676.002	46.945.637.558
	<u>46.112.676.002</u>	<u>46.945.637.558</u>

(*) Đây là phần lợi nhuận chưa thực hiện liên quan đến khoản nhận bồi thường di dời tài sản (ghi nhận trong năm 2016) với số tiền là 73 tỷ VND từ Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO, công ty liên kết của Tập đoàn theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao các khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

21 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	238.339.094	-
- Kinh phí công đoàn	860.072.347	572.005.659
- Bảo hiểm xã hội	2.942.856.830	2.653.618.935
- Bảo hiểm y tế	98.989.587	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	76.179.448	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	260.744.463.108	282.574.926.965
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	29.665.670.099	9.863.439.719
- Nhận đặt cọc thực hiện dự án	20.000.000.000	20.000.000.000
- Nhận tạm ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời	64.772.824.257	-
- Phải trả cho thuyền viên	25.812.932.401	-
- Nhận tạm ứng chuyển nhượng các khoản đầu tư	39.940.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.334.240.006	8.751.739.983
	461.486.567.177	324.415.731.261
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30.847.509.034	9.062.274.095
- Tổng Công ty Xây Dựng Thủy Lợi 4 - CTCP	16.160.179.000	-
- Chứng quyền đặt mua (*)	90.000.000.000	90.000.000.000
	137.007.688.034	99.062.274.095

(*) Đây là khoản tiền Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IB") đã trả cho Tổng Công ty để mua chứng quyền theo các Hợp đồng số 20161206/HĐ/IBSC-GEX ngày 6 tháng 12 năm 2016 và số 20161212/HĐ/IBSC-GEX ngày 12 tháng 12 năm 2016. Theo đó, Công ty IB đã mua tổng cộng 1.800 chứng quyền với giá 50 triệu VND/chứng quyền. Mỗi chứng quyền tương ứng với quyền mua 50.000 cổ phần của Tổng Công ty, với giá 20.000 VND/cổ phần. Giá mua mỗi cổ phần khi thực hiện chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng và giá mua không thấp hơn 10.000 VND/cổ phần. Thời gian thực hiện các chứng quyền này không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2019. Việc phát hành các chứng quyền này được sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty, thông qua Nghị quyết số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCD ngày 1 tháng 8 năm 2016.

22 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	124.074.769.636	171.927.161.506
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	123.703.822.441	171.927.161.506
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	218.217.136	-
- Dự phòng phải trả khác	152.730.059	-
	124.074.769.636	171.927.161.506
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	43.931.480.067	40.384.873.750
- Dự phòng phải trả khác	13.792.652.220	-
	57.724.132.287	40.384.873.750

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 3/2017

23 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Tăng do hợp nhất kinh doanh	Trong kỳ		30/09/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND		VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn							
- Vay ngân hàng	1.966.640.639.904	1.966.640.639.904	96.912.745.818	5.678.112.984.232	5.982.271.026.339	1.759.395.343.615	1.759.395.343.615
- Vay tổ chức	15.464.689.000	15.464.689.000	-	2.192.550.000	11.813.000.000	5.844.239.000	5.844.239.000
- Vay cá nhân	16.811.133.000	16.811.133.000	-	21.981.500.000	27.506.200.000	11.286.433.000	11.286.433.000
- Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	-	-	26.956.571.439	579.695.526	18.426.867.410	9.109.399.555	9.109.399.555
	1.998.916.461.904	1.998.916.461.904	123.869.317.257	5.702.866.729.758	6.040.017.093.749	1.785.635.415.170	1.785.635.415.170
b) Vay dài hạn							
- Vay ngân hàng	96.754.591.005	96.754.591.005	1.039.201.756.613	15.014.158.985	8.739.750.526	1.142.230.756.077	1.142.230.756.077
- Trái phiếu thường	1.793.713.636.364	1.793.713.636.364	596.335.555.561	4.168.113.807	253.313.636.364	2.140.903.669.368	2.140.903.669.368
	1.890.468.227.369	1.890.468.227.369	1.635.537.312.174	19.182.272.792	262.053.386.890	3.283.134.425.445	3.283.134.425.445

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2017

23 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**23.3 Trái phiếu phát hành**

	30/09/2017			01/01/2017		
	Giá trị	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (1)	1.800.000.000.000	8,50%	Tất toán tháng 12/2019	1.800.000.000.000	8,50%	Tất toán tháng 12/2019
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (2)	350.000.000.000	10,08%- 10,3%	Tất toán tháng 6/2019	-		
Chi phí phát hành trái phiếu	(9.096.330.632)			(6.286.363.636)		
TỔNG CỘNG	<u>2.140.903.669.368</u>			<u>1.793.713.636.364</u>		

(1) Gồm 2 hợp đồng mua bán trái phiếu như sau:

(i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01.2016/HĐĐM/TPBANK-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Tiên Phong: vào ngày 12 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã phát hành 800 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 800 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành;
- 10.946.969 cổ phần trong Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (“Thibidi”), 24.242.245 cổ phần trong Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”), 23.600.000 cổ phần hạn chế chuyển nhượng trong Công ty Thidibi thuộc sở hữu của Tổng Công ty và phần vốn góp của Tổng Công ty trong Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX có nguồn gốc từ trái phiếu phát hành.

(ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 612/2016/HĐDM.TP/VIB-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình: vào ngày 6 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã phát hành 1.000 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 1.000 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- 41.000.000 cổ phần phổ thông trong Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam;
- Toàn bộ phần vốn góp của Tổng Công ty vào Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land (thành lập ngày 12 tháng 7 năm 2017).

(2) Gồm 3 hợp đồng mua bán trái phiếu như sau:

(i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2015/DM/VIETINBANK.HCM-SOTRANS giữa Công ty Sotrans và Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Hồ Chí Minh: vào ngày 23 tháng 12 năm 2015, Công ty Sotrans đã phát hành 400 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 400 tỷ đồng. Trong kỳ, Công ty Sotrans đã mua lại 250 trái phiếu với tổng mệnh giá là 250 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm: 39.905.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sồng Miền Nam (“Sowatco”), công ty con của Tập đoàn.

(ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 328/HĐ/STG-VFC giữa Công ty Sotrans và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát: vào ngày 19 tháng 4 năm 2016, Công ty Sotrans đã phát hành 130 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 130 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- 7.218.806 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức (“VTX”), công ty con của Tập đoàn;
- 98.374 cổ phiếu của Công ty VTX, công ty con của Tập đoàn do một công ty khác sở hữu; và
- 3.279.317 cổ phiếu của Công ty Sowatco, công ty con của Tập đoàn.

(iii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 20160622/HĐ/STG-VTBC giữa Sotrans và Công ty TNHH Một thành viên Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: vào ngày 22 tháng 6 năm 2016, Công ty đã phát hành 70 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 70 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- 4.500.000 cổ phiếu của Công ty VTX, công ty con của Tập đoàn;
- 5.000.000 cổ phiếu của Công ty Sowatco, công ty con của Tập đoàn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 3/2017

24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.550.000.000.000	66.378.000.000	47.050.714.170	(5.025.000.000)	84.376.333	123.438.566.724	744.300.401.229	455.332.932.118	2.981.559.990.574
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	406.529.316.586	95.102.461.176	501.631.777.762
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	94.344.781.743	(132.939.367.539)	(11.514.290.947)	(50.108.876.743)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(154.500.000.000)	(49.992.716.259)	(204.492.716.259)
Ảnh hưởng khi công ty con trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	30.227.226.490	(635.745)	-	1.279.977	35.611.273	7.728.056.041	37.991.538.036
Ảnh hưởng khi giảm công ty con	-	-	-	-	-	(9.117.465.668)	(72.789.169.873)	(49.750.137.908)	(131.656.773.449)
Chuyển đổi báo cáo công ty con	-	-	-	-	76.038.202	-	-	-	76.038.202
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(110.140.656.130)	(39.712.046.260)	(149.852.702.390)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(686.968.899)	(531.564.648)	(1.218.533.547)
Số dư cuối kỳ trước	1.550.000.000.000	66.378.000.000	77.277.940.660	(5.025.635.745)	160.414.535	208.667.162.776	679.809.166.648	406.662.693.313	2.983.929.742.187
Số dư đầu năm nay	1.550.000.000.000	66.378.000.000	77.388.963.577	(5.026.115.259)	83.604.392	208.668.128.206	677.140.203.246	698.136.465.704	3.272.769.249.866
Tăng vốn trong kỳ này	770.000.000.000	615.729.724.760	-	-	-	-	-	145.237.270.000	1.530.966.994.760
Lợi nhuận thuần trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	580.307.475.474	444.339.647.055	1.024.647.122.529
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(231.600.000.000)	(211.337.080.140)	(442.937.080.140)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	8.087.815.120	(8.087.815.120)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(87.099.601.542)	(27.325.573.440)	(114.425.174.982)
Thủ lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-	(399.191.636)	(479.808.364)	(879.000.000)
Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(8.351.128.485)	(29.548.871.515)	(37.900.000.000)
Mua công ty con	-	-	-	-	-	-	-	981.869.472.816	981.869.472.816
Phát hành cổ phiếu thưởng	348.000.000.000	(66.378.000.000)	-	-	-	(139.656.441.276)	(141.965.558.724)	-	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	6.608.000.000	-	5.025.000.000	-	-	-	-	11.633.000.000
Giảm khác	-	-	-	1.115.259	(26.950.531)	-	11.297.202	(244.172.202)	(258.710.272)
Số dư cuối kỳ này	2.668.000.000.000	622.337.724.760	77.388.963.577	-	56.653.861	77.099.502.050	779.955.680.415	2.000.647.349.914	6.225.485.874.577

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2017

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.668.000.000.000	1.550.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>1.550.000.000.000</i>	<i>1.550.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	<i>1.118.000.000.000</i>	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>2.668.000.000.000</i>	<i>1.550.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	232.000.000.000	154.500.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>232.000.000.000</i>	<i>154.500.000.000</i>

c) Cổ phiếu

	30/09/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	266.800.000	155.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	266.800.000	155.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>266.800.000</i>	<i>155.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	-	500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	<i>500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	266.800.000	154.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>266.800.000</i>	<i>154.500.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

d) Các quỹ công ty

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	77.099.502.050	208.668.128.206
	77.099.502.050	208.668.128.206

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2017

25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 3/2017	Quý 3/2016	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng	2.626.788.912.459	1.928.880.690.681	7.818.658.271.394	5.538.665.553.530
Doanh thu cung cấp dịch vụ	315.157.473.776	23.880.840.704	771.687.943.505	100.069.904.704
Doanh thu bán điện	48.108.895.583	-	136.739.183.012	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	16.886.856.281	3.354.620.909	16.886.856.281	3.354.620.909
	3.006.942.138.099	1.956.116.152.294	8.743.972.254.192	5.642.090.079.143

26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Quý 3/2017	Quý 3/2016	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Chiết khấu thương mại	27.814.384.098	26.594.849.421	68.637.851.300	73.165.819.467
Hàng bán bị trả lại	1.027.522.498	3.763.018.247	6.802.897.024	8.013.520.637
	28.841.906.596	30.357.867.668	75.440.748.324	81.179.340.104

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 3/2017	Quý 3/2016	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Giá vốn hàng bán	2.131.943.242.739	1.636.549.537.005	6.546.638.939.416	4.755.240.157.247
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	288.933.802.512	16.524.047.621	604.937.254.786	69.067.060.652
Giá vốn bán điện	20.400.733.885	-	50.861.464.640	-
Giá vốn hợp đồng xây dựng	4.492.276.142	3.019.158.818	14.867.954.059	3.019.158.818
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	12.288.370.405	-	9.210.783.198	(4.141.232.617)
	2.458.058.425.683	1.656.092.743.444	7.226.516.396.099	4.823.185.144.100

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2017

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 3/2017	Quý 3/2016	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	45.163.863.053	18.421.782.783	117.247.032.760	25.514.097.849
Lãi bán các khoản đầu tư	127.500.000	10.806.096.946	539.660.966.791	42.240.957.040
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	10.237.438.000	63.405.746.611	121.453.491.384
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	123.079.648	776.407.949	3.685.817.313	1.943.643.950
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	213.336.655	-	213.336.655
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	11.592.309.854	-	11.592.309.854
	45.414.442.701	52.047.372.187	723.999.563.475	202.957.836.732

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 3/2017	Quý 3/2016	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền vay	95.783.584.780	9.936.690.676	263.251.176.546	21.582.688.461
Lãi ký quỹ	6.979.706.238	5.690.569.874	18.174.153.582	17.071.709.622
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	75.238.772	766.567.660	600.709.593	766.567.660
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	116.666.682	-	116.666.682	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	529.055.713	880.981.146	4.995.219.706	2.279.392.486
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.569.826.361	528.113.404	1.569.826.361	528.113.404
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(119.134.303)	(64.404.955)	13.595.795.322	(191.694.155)
Chi phí tài chính khác	1.407.963.426	(603.083.824)	3.928.402.763	93.300.504
	106.342.907.669	17.135.433.981	306.231.950.555	42.130.077.982

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 3/2017

30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý 3/2017	Quý 3/2016	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.736.371.905	1.178.976.428	8.052.474.245	3.054.458.078
Chi phí nhân công	19.231.942.987	4.826.539.523	59.851.293.462	13.111.843.498
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.201.324.254	123.015.941	3.421.637.035	390.975.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.965.177.115	13.921.958.622	59.262.779.462	44.738.613.744
Chi phí khác bằng tiền	37.306.798.693	15.644.249.639	90.650.002.786	47.541.625.412
Chi phí bảo hành	(24.957.419.802)	17.631.407.066	(34.993.112.241)	22.453.533.192
	58.484.195.152	53.326.147.219	186.245.074.749	131.291.049.286

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 3/2017	Quý 3/2016	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.341.413.651	2.514.928.107	12.400.290.386	7.013.710.623
Chi phí nhân công	55.922.041.661	32.638.066.190	150.250.815.104	82.221.271.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.927.372.149	1.826.094.334	15.276.899.922	6.326.970.538
Thuế, phí, lệ phí	2.126.945.736	288.794.065	9.739.777.366	2.496.596.461
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(7.815.120.032)	(1.046.658.655)	16.577.560.547	(1.305.725.067)
- Dự phòng phải thu khó đòi	(7.815.120.032)	1.565.828.446	25.014.626.520	1.306.762.034
- Hoàn nhập quỹ dự phòng	-	(2.612.487.101)	(8.437.065.973)	(2.612.487.101)
Phân bổ lợi thế thương mại	20.762.861.193	-	48.045.336.040	2.600.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.157.814.284	7.581.117.371	38.230.945.191	23.200.161.413
Chi phí khác bằng tiền	39.725.196.400	20.262.726.916	83.677.658.113	50.851.034.582
	135.148.525.042	64.065.068.328	374.199.282.669	173.404.019.900

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2017

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 3/2017	Quý 3/2016	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	287.175.261.285	36.677.419.447	1.299.733.629.072	595.368.400.313
Chi phí thuế TNDN hiện hành	68.725.578.280	36.677.419.447	276.298.891.253	89.985.912.093
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(5.436.576.816)	(341.277.710)	(1.212.384.710)	3.750.710.458
Tổng cộng chi phí thuế TNDN	63.289.001.464	36.336.141.737	275.086.506.543	93.736.622.551

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Quý 3/2017	Quý 3/2016	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	156.095.834.649	162.710.733.387	580.307.475.474	406.529.316.586
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	156.095.834.649	162.710.733.387	580.307.475.474	406.529.316.586
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	266.800.000	189.300.000	260.320.221	189.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	585	860	2.229	2.148

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 3/2017

34 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Quý 3/2017	Quý 3/2016	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	156.095.834.649	162.710.733.387	580.307.475.474	406.529.316.586
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	156.095.834.649	162.710.733.387	580.307.475.474	406.529.316.586
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	266.800.000	189.300.000	260.320.221	189.300.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (*)	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	437	583	1.657	1.456

(*) Đây là số cổ phiếu sẽ phát hành trong tương lai theo các hợp đồng chứng quyền đặt mua.

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý 3/2017	Quý 3/2016	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.177.496.826.775	1.953.973.503.514	6.484.452.092.492	4.755.240.157.247
Chi phí nhân công	161.600.430.943	47.980.625.896	495.903.766.428	218.578.762.152
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.125.375.993	21.257.997.820	212.307.927.641	67.847.080.637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.712.361.432	12.669.978.005	430.929.345.114	94.514.687.024
Chi phí khác bằng tiền	1.967.173.651	28.487.233.561	193.482.648.292	104.996.302.082
	1.538.902.168.794	2.064.369.338.796	7.817.075.779.968	5.241.176.989.142

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Quý 3/2017	Quý 3/2016
		VND	VND
Bán hàng hóa, dịch vụ		21.520.351.418	-
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	Công ty liên doanh	21.520.351.418	-
Mua hàng hóa, dịch vụ		139.026.244.884	41.024.216.563
Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT	Công ty liên doanh	139.026.244.884	41.024.216.563

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	30/09/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		11.939.519.796	-
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	Công ty liên doanh	4.966.769.582	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Công ty liên kết	508.831.889	-
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình và Thương mại 747	Công ty liên kết	6.463.918.325	-
Phải thu cổ tức lợi nhuận được chia		46.070.652.000	-
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên doanh	46.070.652.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn		53.741.382.797	62.028.156.183
Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT	Công ty liên doanh	53.741.382.797	62.028.156.183
Phải trả khác		40.816.000.000	-
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên doanh	40.000.000.000	-
Công ty TNHH Liên doanh BNX - Vietransimex	Bên liên quan	816.000.000	-

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2016.



Dương Việt Nga
Người lập

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2017



Phạm Anh Tuấn
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 346 /2017/GELEX
V/v: cam kết về không có các tranh chấp
pháp lý

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2017

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Liên quan đến Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (“Công ty”) đã nộp lên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty xin cam kết:

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam không có các tranh chấp pháp lý còn tồn tại tại thời điểm công ty thực hiện đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Tuấn